

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CỎ

Giám-Đốc, Chủ-Bút: NGUYỄN-VỸ

Quản-lý: TRẦN-VĂN-LANG

Tòa soạn: 283 Đường Gia-Long — Sài Gòn — Đ. T. Sài Gòn 307



BỘ MỚI SỐ 23 ★ 15-11-1959

1.— Văn-chương và tư-trưởng Việt-Nam	Nguyễn-Vỹ	6 — 9
2.— Nửa đêm gõ cửa Chúa Trịnh	Mạnh Đan	10 — 14
3.— Nỗi lòng người vợ	Thiếu Sơn	15 — 18
4.— Đây, Sóc-trăng	V. Đ. Hà	19 — 24
5.— Thoáng buồn (thơ)	Vân Khanh	25
6.— Ca kịch Việt Nam	Tchya	26 — 29
7.— Đứa con (truyện ngắn)	Trúc Liên	30 — 37
8.— Một đời người (hồi ký)	Thiếu Sơn	38 — 41
9.— Đại sứ Việt Nam, 8 tuổi tại Pháp	Tân Phong	42 — 46
10.— Văn sĩ, thi sĩ tiền chiến: Vi Huyền Đắc	Nguyễn Vỹ	47 — 51
11.— Khổng Minh	Nguyễn quang Lục	52 — 59
12.— Tao Đàn Phổ Thông	P. T.	60 — 65

13.— Nước mắt người mẹ (truyện ngắn quốc tế) Từ Trầm Lệ	Từ Trầm Lệ	66 — 69
14.— Xã giao	Cô Bình Minh	70 — 72
15.— Cuộc tình duyên của nhà văn hào Đức	Xuân Huy	73 — 76
16.— Minh ơi	Cô Diệu Huyền	77 — 84
17.— Xót xa (thơ)	Thương Nguyệt	85
18.— Có Kiều với: Tôn Thọ Tường	Minh Kha	86 — 88
19.— Tôi làm phim	Thái thúc Diễn	89 — 94
20.— Miếng vệ tinh	Phan tùng Mai	95 — 105
21.— Cô gái điên (truyện dài)	Vi Huyền Đắc	106 — 110
22.— Y học P. T. : Trẻ sơ sinh cần sữa mẹ	Quang-Hoa	111 — 114
23.— Giới thiệu sách báo mới	P. T.	115
24.— Gia chánh	Phương Thu	116
25.— Kiên trinh (truyện dài)	Cô Vân Nga	117 — 121
26.— Đáp bạn bốn phương	Cô Bạch Yến	122 — 128

- ★ Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội dung, cho màu Cô Diệu-Huyền
- ★ Bản kẽm Nguyễn-Văn-Dầu
- ★ Bìa Offset Vạn-Quốc

• Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiếp trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : • Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG • và đưng viết tắt.

• Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

• Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.

Copyright by PHO.THONG, printed in Việt-Nam

CHƯƠNG II

(Xem P. T. từ số 22)

A. — Một dân-tộc Thi sĩ



B. — TUY NHIÊN, VĂN- CHƯƠNG VIỆT-NAM KHÔNG ĐƯỢC ĐỒI ĐÀO PHONG PHÚ

TAI VÌ hầu hết Dân-tộc Việt-Nam đều yêu thơ, tại vì khiêu làm thơ đã gần như một bản-chất thiên-nhiên của người Việt-Nam rồi, cho nên chúng ta coi sự-kiện đó rất thường, không thấy có gì là phải ngạc-nhiên cả. Nhưng xét chung lịch-sử Văn-học của các dân-tộc khác trên Thế-giới, thì cái sắc-tinh thi-ca phong-phú ấy là một hiện-tượng riêng biệt của Dân ta.

Vậy chúng ta thử tìm nguyên-do vì sao Thơ chiếm một vị-tri ưu-thắng trong Văn-chương và cả trong đời sống hằng ngày của chúng ta?

Xét với tất cả khách-quan cần-thiết, phân-tách tất cả

các trạng-thái của vấn-đề, chúng ta sẽ đi đến vài ba kết-luận sau đây.

1. — TIẾNG VIỆT LÀ MỘT THỪ TIẾNG ĐẶC BIỆT CỦA VĂN-THƠ.

Tại tiếng nói Việt-Nam có nhiều âm-thanh, dễ kết thành vần, thành điệu. Tiếng Bắc có 6 âm (bình, huyền, sắc, nặng, hỏi, ngã), tiếng Nam có 5 âm (bình, huyền, sắc, nặng, ngã). Tiếng nói Việt-Nam lại là thứ tiếng đơn-vận (1), cho nên một câu nói có thể sắp xếp rất dễ-dàng để những âm-thanh hòa-kết thành điệu, thành vần, thành một câu thơ. Bởi cách sắp vần trong tiếng nói Việt-Nam quá dễ-dàng như vậy, cho nên hầu hết người Việt-Nam đều có thể làm được, từ những câu hát ru em rất giản-dị, như :

Con mèo, con chó có lông,
Cây tre có mắt, nời đồng có quai,

hay là :

Con quạ nó đứng bên sông,
Nó kêu : ó mẹ lấy chồng cho con,

v.v...

cho đến những câu vịnh tả cảnh văn-hoa hơn một chút :
Bước đến Đèo ngang bóng xế tà
Cỏ cây chen đá lá chen hoa...
và những câu triết-lý thâm-trầm, khó hiểu hơn

chút nữa, đại-khái như :
Mùi tục-lụy đường kia cay đắng,
Vui chi mà đeo-dặng trần-duyên ?
Cái gương nhân-sự chiền-chiền,
Liệu thân này với cơ-thiên phải nao ?

Phân-tách về hình thức như thế, chúng ta thấy rằng sự biến đổi CẤU NÓI thành ra CẤU THƠ là một việc mà hầu hết người Việt-Nam đều tự thấy có khả-năng làm được.

Những người không có học, tinh thần mộc-mạc, hồn nhiên, cũng có thể đặt ra được những BÀI VÈ, mà ý thơ dồi-dào không có, lời thơ không chải-chuốt, văn-hoa, nhưng vẫn tả được tình-cảm chân-thật, hoặc trào-lộng, hoặc chua-chát, hoặc xót-xa mai-mỉa. Những kẻ cảm-hứng không cao.

(1) Tôi dùng chữ « đơn-vận » (monosyllabique) chứ không dùng chữ « đơn-âm » như một vài nhà làm tự-điền (Đào-dăng-Vỹ, Đào-Văn-Tập, v.v...), vì Syllabe là vận, chứ không phải âm. Âm, là huyền, sắc, nặng, hỏi, ngã. Và lại trong ngữ-vựng của ta đã có : vận xuôi, vận ngược. Trong Thơ, cũng có vận, là những chữ cùng một vận, hòa kết với nhau. Nếu chỉ có một vận duy-nhất, thì gọi là bài thơ độc-vân.

VĂN CHƯƠNG

VÀ TƯ TƯỞNG

VIỆT-NAM

QUA CÁC THỜI ĐẠI

xa, ý tưởng không sâu-
đậm, vẫn ghép được những
chữ thành được những vần,
để cho câu nói của họ có
được vài ba âm-điệu.

Họ vẫn khoe được cho
những ý-từ rất tâm-thường
một lớp áo thơ . mòng
bằng « mây », bằng « gió » :
bằng « ánh nắng hoàng hôn »,
bằng « con tim thồn-thức »,
v.v... tuy là nghèo-nàng, lạt-
lẻo, nhưng vẫn có màu sắc
của thơ.

Nếu chúng ta có thể coi
Nàng Thơ như là mùa Xuân
tươi đẹp của Tạo Hóa, thì
giữa một Thi-Sĩ có thiên-
tài như người giàu sang mặc
áo hàng đắt tiền để đón
Xuân, với một Thi-sĩ tâm-
thường như người nghèo,
cũng mặc áo quần sắc sảo
để thưởng Xuân, có khác gì
nhau đâu? Tuy rằng chúng ta
phân biệt được hai thứ hàng
may áo không cùng một
thẻ chất, không cùng một
giá-trị, nhưng bề ngoài vẫn
rực-rỡ màu sắc tó-điểm
của mùa Xuân.

Xin các bạn đừng quên
rằng, ở đây, chúng ta đang
nhận-xét về hình thức của
thơ Việt-Nam, sắc-thái
ngoại-quan của nó, chứ chưa
nói đến cốt tủy của thơ, cái
chất mà Rabelais gọi là « la

substantifique moëlle ».

Ở đây, chúng ta không phân-
biệt bài VÊ với bài THƠ, hoặc
bài THƠ HAY với bài THƠ
DỒ. Chúng ta chỉ xác-nhận-
một sự kiện thực-tế về khả-
năng âm-điệu của tiếng nói
Việt-Nam, về sự biến đổi rất
dễ-dàng, rất tự-nhiên, của
câu nói thành ra câu thơ.
Đó là nguyên-nhân gần-gũi
nhất chứng minh rằng hầu
hết người Việt-Nam đều có
thể làm thơ được, bởi chính
tiếng nói đơn-vạn của người
Việt-Nam chứa đựng
nhiều âm thanh, đã tự nó
chứa đựng nhiều khả-năng
ghép vần.

Khả-năng bằm-sinh ấy
đổi-dào cho đến đổi gập
một ngoại-ngữ vừa mới
nhập-tịch vào, là tiếng Pháp.
mặc dầu tiếng này là đa-
vạn (polysyllabique), người
Việt-Nam cũng biến-chuyển
nó cho được, thành ra
đơn-vạn như tiếng ta, để rồi
ghép lại làm ra thi-ca, theo
âm-điệu Việt-Nam. Xin kể
vài thí-dụ mà ai cũng biết,
như một bài ca Kim-tiền ở
miền Nam (Lời thầy giáo
khuyến bảo học trò, trong
một tuồng cải-tương) :

Là se cái dân phần
(chers enfants)
Vu-dét-dờ-giờn-nờ-giăng

(Vous êtes de jeunes gens)
Tờ-ra mà ra vầy-đế
(Travaillez)

Ê ráp-cái-pờ-lê-vu, cò-lo-tăng
cái ki pát,
(Et rappelez-vous que le
temps qui passe)

Mac-sờ... sờ vít
(marche vite)

Ê, nờ xờ rờ; tờ-ru vờ giãm me
(Et ne se retrouve jamais)

Căng tông vờ kin xờ rất-
tờ-ráp.

(Quand on veut qu'il se
rattrape)...v.v...

Hoặc một bài hát hò trên
sông Hương, ở Huế, (có
tinh-nhân Việt than-thở với
chủ linh Pháp) :

Đờ-buy-cờ giờ tờ cò-net,
(Depuis que je te connais)
Duýt, ki-xi, xít-xệt-tan-nê,
(jusqu'ici, six sept années)
Ờ chàng chàng ơi ! Ờ chàng
chàng ơi !
v.v...

Ở Hải-phòng, miền Bắc,
cũng có một bài hát sa-mạc
đại-khái như thế.

Năm 1914, người Pháp
có mộ một số đông nông-
dân Việt-Nam sang Pháp để
tham-gia vào cuộc chiến-
tranh Pháp-Đức. Một ông
văn-sĩ Việt-Nam, người Bắc,
có chuyển-âm bài quốc-ca
của Pháp, la Marseillaise,
ra tiếng Việt cho lính Việt
hát như sau đây :

Anh-hùng thành-thân đừng lo
ngã trí
(Allons, enfants de la Patrie)
Thờ Chúa quên nhà sá chi
là quá!

(Le jour de gloire est arrivé !)
Ôm quán nhu bò ra nơi chiến
lũy

(Contre nous de la tyrannie)
Lăng trên đá, tranh tranh
chiến, mấy khi về !

(L'étendard sanglant est levé)
Lăng trên đá, tranh tranh
chiến mấy khi về !
v.v...

Bây giờ chúng ta thử lấy
tiếng Pháp hoặc tiếng Anh,
tiếng Đức, tiếng Ý, mà
chuyển-âm lại một câu tiếng
Việt, chắc chắc là không thể
nào được, bởi vì mấy tiếng
ấy là ĐA-VẠN mà lại ĐỘC-
ÂM. Tiếng Việt thì trái lại,
đơn-vạn mà đa-âm.

Để tóm-tắt những nhận-
xét trên, chúng ta có thể
nói rằng nhờ tinh chất
ĐƠN-VẠN của nó, và MỀM-
DẸO, NHIỀU ÂM-THANH,
tiếng Việt rất dễ sắp xếp
thành vần, thành điệu, hơn
các thứ tiếng khác, cho
nên bố-trí một bài thơ
không có chi là khó khăn.
Vi thế mà hầu hết người
Việt-Nam đều làm thơ được,
và ai ai cũng thích
ngâm thơ, thích làm thơ, ai
ai cũng có thể là Thi-sĩ
được. Đó có lẽ là một ân-
huệ mà Thượng-đế ban
riêng cho dòng-giống Tiên
Rồng chăng ?



NỬA ĐÊM GỖ CỦA CHÚA TRỊNH

* MANH ĐẠN

Trịnh liền cho vời về để làm Phụ Chánh, chức Thượng Thơ Hiệp Tá Đại Học-Sĩ.

Quan Thượng - Thơ Nguyễn- duy - Thời về Triều được biết quyền Chúa lẫn át oai Vua nên ông thường ngày vô hầu Chúa lại phải lại Châu Vua cho phải Đạo Tử Thần. Bởi vậy, Vua Lê cũng không mất lòng mà Phủ Chúa cũng đem lòng tin cậy.

Thời thường, Quan Thượng-Thơ Nguyễn - Duy - Thời thấy Chúa vẫn dùng quyền uy lộng hành lấn át ngôi Vua. Nghi lễ Phủ Chúa nhiều khi còn sang trọng hơn trong Triều Nội của Vua Lê nữa. Một hôm, quan Thượng Thơ Nguyễn-duy-Thời

VỀ thời Chúa Trịnh ở Bắc-Hà có quan Thượng-Thơ Nguyễn-duy-Thời là người liêm chánh nổi tiếng thường lấy lời ngay thẳng để can Vua, gián Chúa.

Khi làm quan Tri Huyện thăng đến Tri-Phủ, An Sát, Bộ Chánh, Tổng-Đốc rồi Thượng Thơ, Nguyễn duy Thời một mực lấy công minh mà xét việc án tử không bao giờ vị Tư, vị Thân để làm người oan, kẻ ung.

Tiếng tăm quan Tổng - Đốc Nguyễn-Duy - Thời xét án liêm minh về đến Kinh đô. Chúa

vô châu Chúa thấy Phủ Chúa có một cái Kiệu sơn son, thiếp vàng có Long châu, Hồ phục còn hơn Kiệu Nhà Vua. Nguyễn - duy - Thời bực nhọc, tấm tức không biết làm cách nào để can Chúa được. Ông về nhà thu xếp tiền nong gọi thợ đến hỏi giá làm một Kiệu sơn son, thiếp vàng như kiệu của Chúa. Thấy tiền nhà vừa đủ làm kiệu, ông mới vô Phủ Chúa vô đứng xem Kiệu. Ngắm nghĩa một hồi, ông giả vô ngã vào trong kiệu cấm. Chúa thấy quan Thượng Thơ bị cảm liền cho vực dậy và gọi ngự y đến chần mạch, bốc thuốc. Ngày hôm sau, Nguyễn - duy-Thời khỏi bệnh liền vào Chầu Chúa tạ ơn :

— Khải tâu Chúa Công, Thần hôm qua ngộ cảm đội ơn Chúa cứu tử cho ngự y hốt thuốc, chần mạch nay Thần đã lành mạnh nên vô tạ ơn Chúa.

Thần cam chịu tội mạn thượng vì ngày qua trong lúc mê man Thần ngã nằm trong kiệu cấm không tiện tiến phụng Chúa Công kiệu ấy nữa. Nay Thần đã thuê thợ đóng kiệu khác đẹp hơn để xin dâng Chúa ».

Chúa Trị h biết ý Nguyễn - duy-Thời định can gián không để Chúa dùng Kiệu đẹp hơn vua nên

làm ngự không nói và cũng không dạy làm kiệu khác nữa.

Các quan trong triều nghe nói quan Thượng-Thơ Nguyễn-duy - Thời đau ngã nằm trên kiệu Chúa để lấy lễ can Chúa chớ phạm uy Vua nên đến chúc tụng.

Quan Thượng - Thơ Nguyễn-duy-Thời khiêm tốn đáp lại rằng : « Lấy lễ phải can người trên là đạo của bầy tôi có gì đáng khen xin các Quan chớ làm tôi phạm tội khi Chúa ».

Lại một hôm, Chúa muốn đi kinh lý tỉnh Sơn-Tây liền cho gọi Nguyễn-duy-Thời đi theo hộ giá. Chúa ngự thuyền rồng đến tỉnh Sơn-Tây du ngoạn tiện đường định đến thăm quê của Quý Phi ở làng Mộng - Phụ nên ngắt vì thuyền vô lạch nước không lọt nên Chúa định bắt quan quân mở rộng rạch cho thuyền Chúa đi đến tận làng Mộng-Phụ. Nguyễn-duy-Thời liền phủ phục lạy xin :

— Khải tâu Chúa Công,

Nay dân tình đều lạc nghiệp, bốn phương mưa thuận gió hòa, đó là lòng Trời độ ý Chúa. Vậy xin Chúa Công đừng vì một người đàn bà mà làm nhọc đến ba quân, làm khổ cho dân tình, tổn hao của Nhà Nước ».

NỬA ĐÊM GỖ CỬA CHÚA TRỊNH

Tâu rồi, ông truyền lệnh cho ba quân quay thuyền trở lại làm các quan đi theo hộ giá đều xanh mặt. Chúa biết Thời tâu lẽ phải nên cũng lặng thinh không quở mắng.

Tiếng tậm của Nguyễn-duy-Thời càng nổi như sóng cồn.

Chúa Trịnh thấy Nguyễn-duy-Thời là bậc thanh-liêm thẳng-thần nên cho coi việc Hình Pháp phê-chuẩn án tử hình, lập một Phủ riêng cho Nguyễn-duy-Thời.

Được chúa giao trọng trách. Nguyễn duy Thời lo sợ bị ngoại cảnh chi phối làm việc bất công nhứt là sợ vợ con lung lạc đến việc án tiết nên ông đặt ngôi nhà Tư Chánh để lui châu về nghỉ ngơi không cho vợ con đến quấy rầy. Ở đó, ông chỉ kén hai kẻ tiêu-dồng-hầu, cấm ngặt không cho phu nhân, hầu thiếp và con cái đến quấy rầy, lai vãng.

Án tiết ông xét rất phân-minh, oan ưng tỏ rõ không ai kêu ca điều gì. Một lần có một án lớn, tội nhân bị trăm giam hậu chờ ngày chịu tội tử hình. Thân nhân tội nhân đem của nói lót các nơi mà không được vì ai cũng biết

quan Thượng Thơ Hình Pháp Nguyễn duy Thời là người liêm-minh không ăn hối-lộ.

Dò tìm khắp nơi không biết làm sao mà lo lót được. Sau có người mách mới biết kẻ hầu quan Thượng Thơ Hình Pháp là hai kẻ Tiêu-dồng nên thân nhân tội-nhơn đón đường sụp lạy hai tiêu-dồng, van khóc kè lè xin đem hai ngàn lượng vàng lễ tạ ơn đề cầu xin hai người hầu cố gỡ cho tội nhân khỏi tội chết chém.

Mới đầu, 2 tiêu-dồng từ chối bai bãi : «Không thể được, chúng tôi là người hầu-hạ, Quan lớn lại là người nghiêm-minh, chúng tôi không dám nói».

Vợ con tội nhân lại cúi đầu khóc lóc van lạy nên cả hai nhận lời : «Chúng tôi không dám cam-kết, xin làm thử nếu được thì hay bằng không ráng chịu».

Vợ con tội nhân mừng rỡ giao vàng cho hai tiêu-dồng. Hai tiêu-dồng mang vàng về nhà Tư Chánh quan Thượng thơ Nguyễn duy Thời đặt ở giòng ngủ của ông. Khi Nguyễn duy Thời ngồi xem án-tiết xong thì đã sang giờ Tý nên về giòng nghỉ. Vừa ngồi lên

NỬA ĐÊM GỖ CỬA CHÚA TRỊNH

giòng bỗng sờ thấy vàng tung rơi vài, Ông liền hỏi :

— Vàng ở đâu mà nhiều như thế này ?

Cả hai tên Tiêu-dồng vội sụp lạy kè hết sự tình và xin chịu tội chết. Ông liền hỏi : Thế vợ con tội nhân cho các người bao nhiêu?

Cả hai đều nói dối : — Thưa chỉ có sáu trăm lượng mà thôi.

Ông ngồi nghĩ hồi lâu rồi chép miệng nói :

— Án Trảm Giam Hậu là án trọng mà bay dám vì sáu trăm lượng vàng đề xin thế mạng. Thật là chỉ vì lợi tối mắt lại không tiếc tấm thân. Phải chăng đây là ý Trời xui khiến hoặc giả số của tội nhân chưa đến ngày chết nên mới xui bay làm liều như thế. Thôi ta tha cho bay và cho cả bay số bạc của Mụ kia hối lộ.

Hai đứa mừng rỡ cúi đầu bái tạ. Ngay lúc ấy, Quan Thượng-Thơ Nguyễn - Duy - Thời mặc quần áo chầu đi ngay vô phủ Chúa gõ cửa xin yết kiến. Chúa cho gọi vào hỏi. Ông liền phủ phục xuống tâu : — Hôm qua kẻ hạ thần vừa tuyên bố một án chém. Nào ngờ đêm nay có thần

nhân báo mộng là oan nên vội vào kêu xin Chúa xét l i.

Chúa cười hỏi : — Sao Nhà không đề đến sáng hãy vô tâu ?.

Ông liền tâu : — Dạ bẩm thần sợ đề chậm, Thần sẽ đổi ý chăng nên vội vô Chầu xin Chúa.

Chúa Trịnh cho ông là người liêm chính nên xuống chiếu tha tội chết cho tội nhân.

* LỜI BÀN

Cần thận như Nguyễn-Duy-Thời có lẽ thế gian vô nhị. Vợ con còn sợ, kè thân, người sơ đều nghi ngờ là sẽ lung lạc mình nên nghiêm cấm không cho ở gần chỉ tin hai kẻ Tiêu-Đồng hầu cận tưởng rằng chúng nhỏ bé sẽ không biết ăn hối lộ. Có ngờ đâu chính mấy đứa hầu cận lại là đứa xúi dục Nguyễn-duy-Thời làm điều bất chính. Nếu quả là người vô tội thời án tử hình mà Nguyễn-duy-Thời vừa tuyên chẳng hóa ra là một án bất minh. Bằng tội nhơn là kẻ có tội đáng bị tử hình nay vì hai kẻ hầu cận mà bày mưu Thần-Linh mách bảo dối Chúa, lừa Dân tha cho kẻ có tội chẳng hóa ra từ trước đến lúc ấy, Nguyễn-

duy-Thời chỉ làm việc già đạo đức, già liêm minh sao ?

Thần ôi ! Vợ không dám tin, con không dám tin, tin kẻ đầy tớ rồi làm điều bất chính tuy không nhận của hối lộ nhưng thì ân cho kẻ hầu, người hạ đề chúng làm điều bất chính thì có khác nào không cắt tiết mà chỉ mạch thì tội còn nặng gấp ba.

Và lại, mình chẳng dám tin mình, e dè, sợ sệt nghi ngờ cả vợ con là không giữ được đức tin, không tự tin được mình thì làm sao tin được người. Đã không tin được mình, còn sợ thân mình bị lung lạc tức là không có căn bản Vương-Đạo ở trong người rồi. Một người làm quan lớn,

hình phạt chém giết trong tay mà không có căn bản Vương-Đạo thì làm gì cho nên việc lớn. Chẳng qua Chúa-Trình có mắt nhưng chẳng có con người mới dùng phải Nguyễn-duy-Thời thiếu lòng tự tin mà bị hai đũa tiêu đồng xúi dục làm điều bất chính như thế chứ.

Nhật nguyệt tuy minh, nan chiểu phúc bần chi hạ. Dao kiếm, tuy khoái, bất trảm vô tội chi nhân (tạm dịch : Mặt trời, mặt trăng tuy sáng cũng chẳng soi trong lòng chấu úp. Gươm dao tuy bén cũng chẳng chém được người vô tội). Có lẽ chỉ lấy câu trên mà cứu được phần nào tội của Nguyễn-duy-Thời chăng ?

★ CÁI BÁNH BÍCH QUY.

— Tý à, con lại lên uống rượu nữa à ? Ly rượu mẹ để trên bàn kia đâu ?

Con — Dạ không phải con uống đâu, mẹ à !

Mẹ — Vậy chớ ai uống ?

Con — Cái bánh bích-quy nó uống hết đó !

Mẹ — À ! Rồi cái bánh đó đâu ?

Con — Đẻ phạt tội nó, con cắn và nuốt nó vô bụng hết rồi mẹ ơi !

nỗi lòng



★ THIẾU SƠN

MỘT hôm tôi có việc đi khỏi nhà. Khi về thì thấy một chồng sách để trên bàn nói là của chị Phan-văn-Hùm gửi tặng. Tôi lật ra thì có « NGÔI TỬ KHÁM LỚN », « PHẬT GIÁO TRIỆT-HỌC » « NỖI LÒNG ĐỒ CHIỀU »... những sách tái-bản của họ Phan. Những sách này, có quyển tôi đã đọc, có quyển tôi chưa đọc. Tôi chưa có thì giờ đọc lại hết, nhưng tôi cũng lật sơ qua những trang đầu và những trang cuối mấy cuốn sách nói trên. Tôi đặc biệt chú ý tới « Vai lời tâm huyết » của cháu Phan tùng Mai, con anh, đang ở đầu cuốn « NGÔI TỬ KHÁM LỚN » và lời « Bạt » của chị Mai-Huỳnh-Hoa, vợ anh, đang ở cuối cuốn « NỖI LÒNG ĐỒ CHIỀU ».

Coi lại tấm hình anh ở giữa cảnh gia đình êm ấm cũng không cảm động bằng đọc lại sách anh mà có thêm những lời tâm huyết của con và của vợ anh.

Đọc hết lời « Bạt » mới biết cụ Đồ Chiểu chính là cố tổ chị Mai-Huỳnh-Hoa và chị đã đóng góp một phần rất lớn vào công việc trừ tác cuốn « NỖI LÒNG ĐỒ CHIỀU ».

Chính chị đã viết :

NGÔI TỬ KHÁM LỚN ra đời thuở tôi còn cài tóc, tình khế nghị mới bắt đầu chớm nở trong lòng đối với bạn vong niên, tôi chưa được dự phần trong sự-nghiệp văn-chương của tác-giả.

Trái lại, NỖI LÒNG ĐỒ CHIỀU chẳng những vì tôi mà có, hơn nữa anh Hùm tôi vẫn cho phép tôi sửa chữa những chỗ bất đồng

hoặc câu văn nào tác giả sơ sót viết mà không đọc lại...

Vì là giòng dõi cụ Đồ lại là con nhà bút mực, chị cố nhiên phải gần với những tài liệu và kỷ niệm về tổ phụ của mình hơn chồng chị là học giả họ Phan.

Anh Hùm vì chị mà viết « Nỗi lòng Đồ Chiểu » nhưng anh cũng tin chị nên mới để chị hợp tác và hơn nữa, còn nhờ chị sửa chữa cho những chỗ bất đồng.

Công việc hợp tác giữa cặp vợ chồng này tự nó đã đẹp rồi. Nhưng còn có chỗ đẹp hơn nữa là hai ông bà đã kiếm được một chỗ đứng để thống nhất hành động và tư tưởng.

Theo chỗ chúng tôi được biết thì anh Hùm và chị Hoa tuy là vợ chồng mà đã có hồi có những chánh kiến và lập trường khác nhau, đối chọi nhau quyết liệt.

Nhưng bởi hai người đều có một tấm lòng thành, đều cố gắng tìm hiểu nhau để dung hòa quan-điểm, cả hai sau những giờ-phút hăng say với những tin niệm của mình đều trở về với những cái gì êm-ái hơn, thiết-tha hơn, gần-bó hơn là tình thanh-khi và nghĩa vợ chồng.

Anh Phan-văn - Hùm đã phê-bình cụ Đồ-Chiểu như sau :

Thử đọc những bài văn-tế của tiên-sinh không phải là không có văn-học và văn-tài. Duy có văn-

tâm thì thật không có dấu gì nuôi nấng nó.

Mà ba cái văn-tâm, văn - học, văn-tài, nếu không kết thành ba thì khó nên áng văn hay bất-hủ.

Trong buổi nước nhà da-sự, bỏ-côi qua phàn, các bậc văn - thân còn lòng nào chơi văn, gọi chữ ? Thời cái văn-tâm sao đem được vào lòng ?

Nay tôi cũng muốn nói thêm rằng ba cái văn-tâm, văn-học và văn-tài đều có đủ hết ở hai vợ chồng nhà học-giả họ Phan. Nhưng cũng có lúc cái văn - tâm không đem được vào lòng anh chị trong những trường-hợp gần giống như trường-hợp của vị cố-tổ trước kia.

Nếu cụ Đồ đã để mất văn-tâm vì lòng mắc bần khoản vì nạn dấn, nạn nước thì có cháu cụ nhiều khi cũng để mất văn - tâm vì mỗi người đều muốn cứu nước thoát khỏi vòng nô-lệ theo đường lối của mình.

Nhưng đường lối tuy riêng mà nước là nước chung và người nào cũng thành-thật yêu nước như nhau cả.

Hơn nữa, đối với một cặp vợ chồng đều nặng duyên văn-tự thì văn tâm không thể vắng lâu được, những khi phải ngồi bên nhau, và làm chung một công-việc mà cả hai người đều tha - thiết như nhau.

Tuy-nhiên, ngoài cái văn-tâm,

còn một động-cơ mãnh-liệt hơn nữa là tình chồng vợ giữa những người đã hiểu biết nhau, kính trọng nhau thật - tình và thương yêu nhau thật-sự.

« Quân tử hòa nhi bất đồng », họ có thể bất đồng ý kiến với nhau về một vấn-đề nào đó nhưng họ đã thống - nhất tư-tưởng và tình - cảm về vấn - đề chánh-yếu là bỏ-túc cho nhau, nương dựa vào nhau mà sống trong những ngày êm - ấm cũng như trong những giờ phút gian nguy và đau-khổ.

Đời anh Hùm nhiều gian-nguy hơn êm-ấm lại càng đòi hỏi ở vợ anh sẵn sóc tới anh nhiều hơn, thương anh nhiều hơn và những giờ phút đó lòng chị chỉ còn nghĩ tới chồng mình với những niềm thương - đồng nhiều hơn là những niềm thương-khắc.

Những niềm thương-đồng là cả hai tâm-hồn đều thoát khỏi vòng tranh danh, đoạt lợi, ích - kỷ, tham-lam, cả hai tâm - hồn đều chứa đựng những cái gì cao hơn thế-tục, cả hai tâm-hồn đều gặp nhau và bỏ-túc cho nhau trong những công tác văn nghệ và văn hóa.

Khi đã có niềm thương đồng như thế thì những niềm thương-khắc nói trên chẳng đáng là bao.

Sợ như là sợ người vợ không hiểu nỗi bão phụ và tài - tri của chồng mình, sợ như là những

người đàn-bà chuộng êm-ấm hơn gian nguy, chuộng tiền tài hơn đại-ngĩa, chuộng những giá-trị vật-chất hơn giá-trị tinh-thần.

Những người có chí lớn và tài cao như anh Hùm mà gặp những bà vợ như thế sẽ gặp nhiều nỗi khổ tâm ngay dưới mái nhà êm ấm của mình. Mà những sóng gió trong gia đình nhiều khi còn khó chịu hơn những sóng gió ngoài biển cả. Gặp những trường hợp như thế thì người chồng hoặc phải hạ thấp cái lý-tưởng của mình xuống, đòi hưởng đi của mình, hoặc là phải nghiên răng bẻ phứt chữ đồng làm hai.

Hai cảnh đó đều là nghịch thường và đều là thương tâm hết cả.

Hơn nữa, ngoài cái mục đích chung sống để bỏ-túc lẫn nhau, cuộc hôn nhân còn tạo nên những đứa con là sự nghiệp của cả hai người. Có nhiều người chỉ vì con mà sống càng cần phải tạo nên cảnh đầm ấm yên vui để các con có hoàn cảnh trưởng thành trong tình thương và đạo nghĩa.

Anh Hùm tuy mạng số văn-vôi nhưng đã có phước gặp người bạn lòng khi anh sống đã nâng đỡ chỉ anh và khi anh chết đã sẵn sóc tận tình những đứa con tinh thần và vật chất của anh. Chị Hùm đã nói :

Trên mười năm trải qua chuỗi ngày âm thầm đau tủi cạnh mấy mụn con thơ, nguồn an ủi duy nhất của đời tôi. Dù vậy khi nghe ai nhắc nhở đến tên Phan-vân-Hùm lòng tôi sao khỏi bồi hồi cảm động, sao khỏi hình dung lại những ngày sống êm êm bên cạnh nhau, cùng nhau chia sẻ nỗi gian lao cùng khổ, và cũng cùng nhau phụng phịu lo sợ trong cảnh giông tố phủ phàng.

Con nào không thương cha, vợ

● THÀ DUI

Trong «Nỗi lòng Đờ-Chiêu», tác giả có trích bài «Thà dui» trong «Ngư tiêu vấn đáp» của cụ đồ mù. Có lẽ bài này là bài nói ra được nỗi lòng của cụ nhiều hơn hết.

Thà cho trước mắt mù mù,
Chẳng thà ngồi ngó kẻ thù quán thân.

Thà cho trước mắt vô nhân,
Chẳng thà ngồi ngó sinh dân nghiêng ughèo,

Thà cho trước mắt vắng hui,
Chẳng thà thấy cảnh trời chiều phân xâm.

Thà cho trước mắt tối dầm,
Chẳng thà thấy đất lục trầm can qua.

Dầu dui mà giữ đạo nhà,

nào không thương chồng, nhưng có những tình thương chỉ ôm ấp lấy một mình vì đó là tình riêng không liên hệ đến người ngoại cuộc. Còn cái tình riêng của vợ con anh Hùm nó có thể kết hợp được với những mối tình chung của bao nhiêu bạn tri âm, tri kỷ, những người không có sự nghiệp và tên tuổi để lại như anh nhưng đều biết quí mến những cái gì anh để lại.

Trông như thế cũng là một an ủi cho vợ con anh.

Còn hơn có mắt ông cha không thờ.

Dầu dui mà khỏi danh nhơ,
Còn hơn có mắt ăn dư tanh rinh.

Dầu dui mà dặng trọn mình,
Còn hơn có mắt đời hình tóc râu,
Sáng chi theo thói tha cầu,
Dọc ngang chẳng đoái trên đầu có ai?

Sáng chi dắm sắc, tham tài,
Lung lóng nhân dục mang tai họa trời?

Sáng chi sàm nịnh theo đời,
Nay vinh mai nhục đem lời thị phi?

Sáng chi nhân nghĩa bỏ đi,
Thảo ngay chẳng biết lỗi nghè thiện luận,

NGUYỄN-ĐÌNH-CHIÊU



(Bac Santa)



Tỉnh Sóc-trăng nằm bên hữu ngạn sông Cửu Loang, thuộc miền Hậu-giang. Tỉnh Sóc

trăng (tiếng Miên đọc là SORK-KHLANG) hiện nay đổi là Ba-xuyên gồm cả tỉnh BẠC - LIÊU. Diện tích đã rộng lại rộng thêm.

Dân cư đông đảo, ruộng vườn tươi tốt, nguồn lợi dồi-dào.

Tỉnh-ly KHÁNH-HUNG chiếm cứ trên vùng đất rộng; hai con sông, một lò-dò, một chảy mạnh nước to, tàu ghe lưu-thông dễ-dàng. Có dịp ngồi xe xuyên-tâm thành-phố, bạn sẽ ngạc nhiên khi thấy Khánh - Hưng giờ đây khác hẳn với Sóc-trăng mấy năm trước. Không phải tôi sống ở Sóc-trăng mà tôi quảng cáo cho xứ sở tôi, khoác cho thành-phố

★ V. Đ. HÀ

một bộ-áo gấm hay phết lên một màu sơn diêm-lệ. Sự thật, Sóc-trăng đẹp. Cái vẻ đẹp «muôn hình vạn trạng» khiến cho du - khách phải «bước đi một bước giầy giầy lại dừng!»

Nếu bạn từ một nơi xa lạ mới đặt chân xuống bến xe trước vận động trường thì có lẽ bạn sẽ kêu lên :

— Chao ôi ! Thế cũng gọi Ba-xuyên.

Bạn chớ vội bi-quan. Rồi về nào nhiệt của thành-phố lần lần hiện ra với bạn. Đây, chùa Sa - ma - cum hùg - dưng mà oai nghiêm, mái ngói đỏ cong vút ẩn mình trong vòng cây cổ-thụ. Kia, nhà thờ với gác chuông vôi-vội, đổ lên những hồi chuông

vang động cả thành phố. Những bóng cây to che mát mặt đường trải nhựa, khiến bộ - hành hải lòng trong buổi trưa hè oi - bức.

Tiến lên chút nữa! Rạp hát Nguyễn-văn-Kiền hãnh diện soi mình bên dòng nước như khêu-khích cùng dân - thành rằng đây là chốn « ngàn lẻ một đêm ». Và đây là trung-tâm thành - phố, là nơi ồn-ào nhứt tượng-trung cho sức sống mãnh liệt của loài người, là nơi mà khách ăn-chơi mấy ai không biết tiếng, nếm mùi... Lăn về phía Nam, tiếng động thưa dần. Đứng trên cầu « NGUYỄN-THÁI-HỌC » hay « GIẢI PHÓNG », chúng ta sẽ quên hết ưu-tư, lòng lắng xuống như dòng sông khô cạn. Dọc theo bờ sông cát lên những ngôi nhà mát xinh - xinh, bằng ghé sạch-sẽ sẵn - sàng đón khách vào ngơi-nghỉ...

Đã quá trưa, chúng ta cũng đã quá mệt. Nào bạn cùng tôi ghé vào cái quán bên đường làm quen với cô hàng.

Nắng lắm. Chúng ta uống ly nước đá chanh vậy! Sự lạnh ngọt thấm vào cổ, làm ta thấy lòng khoan - khoái như vừa trút xong gánh nặng. Mà lòng lại rộn lên bao niềm vui rạo-rực lúc trò chuyện cùng các cô hàng tuổi đôi mươi. Còn gì thú-vị bằng!!



BÀI XÀU

Bãi xàu (tiếng Miên đọc Bai-xao : cơm sống) nghe sao không thanh chút nào! Thế mà lắm du-khách chờ!

Dân Sóc-trăng yêu thích Bãi-xàu như dân Thủ-đô ưa chuộng Thủ-đức. Nhất là các bạn thanh niên, ngày nào không đến Bãi-xàu thì cơm nuốt không trôi, ngủ không yên giấc. Có nhiều bạn ở Sóc-trăng ăn cơm trưa hoặc cơm chiều xong phải vọt «vespa» hay xe đạp xuống Bãi-xàu mua thuốc hút, uống ly nước đá! Vạy thôi!

Bãi-xàu là vùng xưa kia của người Miên, ở cách Sóc-trăng 6 km. Khi xưa, Miên cùng Việt gây chiến. Người Miên tụ - hợp dân từng vùng nổi lên chống quân nhà Nguyễn. Vì ít tập luyện nên họ bị quân chúa Nguyễn đuổi bại luôn. Một hôm, họ dừng lại một nơi để nấu cơm. Trong lúc ấy lại bị quân Nguyễn tới vây, họ bỏ ra chống cự. Đến chiều, quân Nguyễn rút lui, họ trở lại thì cơm đã nấu, dờ chín dờ sống. Thế rồi họ nhớ mãi chỗ cơm sống ấy mà gọi là «Bai-xao».

Tất cả dân miền này sống về nghề nông. Nghề chài lưới và rờng trọt chỉ tạm thời thôi.

Có một điều đáng chú-ý là ở

đây có « công-xi » rượu Bãi xàu danh vang bốn bề. Rượu « Bãi-xàu » có tiếng ngon lắm, ngon hơn rượu Bình-Tây nữa. Mấy năm nay hãng rượu này hoạt động mạnh lắm.

Sang đò đi về phía Đông ta đến TÀI-VÁN (Tiếng Miên : Chắc-cà-tưng) rồi đến LỊCH - HỘI - THƯỢNG, người ta cũng thường gọi là « GỒI ». Cách GỒI 3km là « BẦY-GIÁ ».

Bãi biển « Bầy giá » âm thấp, cát mịn nhưng lộn đất phù-sa nên hơi lầy, không được hấp-dẫn du-khách mấy. Bởi vì nơi đây không cây to bóng mát, không quán rượu, tiệm trà.

Song có đến chỉ những ngày lễ học sinh hay người nào có tính háo-kỳ muốn biết biển. Bãi cát thoải-thoải nổi nhấp-nhô mé nước giống như cái mỏ ó vỹ-đại.

Dân ở vùng này rất ít người sống nghề biển, dù là ở vùng biển (Đoạn sau ta sẽ tìm hiểu rõ hơn).

« Kinh lý » miền Đông xong, ta lại trở lên miền Bắc.

Trên quốc-lộ số 4 (đường Cánh-thor - Sóc-trăng) cách Sóc-trăng về phía Tây-Bắc 6km, một địa điểm quan-trọng : AN-TRẠCH.

Rời An-trạch đi thẳng về phía chính Bắc cho đến Kê-Sách do con lộ trải đá. Có đoạn

trắng nhựa nhưng đã mòn. Ngồi xe ta cứ tưởng đi vào một nơi hẻo lánh nào. Hai bên đường toàn là tre xanh ngát. Gió đồng thổi lên. Cảnh tre xào-xạc bản đàn muôn thuở!

GIẾNG TIÊN

Đông và Tây con lộ, cách An-trạch độ ngoài cây số là Hai cái giếng-Tiên. Đây là câu chuyện cổ lý-thú mà dân vùng này già lẫn trẻ ai lại không nghe đến. Sự tích cũ như quả đất mà người ta vẫn cứ lặp lại không chán.

... Trước kia, thuở thật là xưa, có tiên ông và tiên bà giáng thế. Hai phái đều giành làm lớn. Sau cuộc bàn-luận, tất cả đồng-ý chia nhau đào giếng để tranh tài. Tiên nữ bên Đông, Tiên nam bên Tây. Phái Nam ý mình sức mạnh nên chèn-mắng công việc. Sau vài hôm phái Nữ đào xong cái giếng to và sâu. Còn phái Nam chưa xong, cái giếng hẹp và cạn. Thế là cuộc thắng về phần Tiên nữ. Và người ta lại thêm rằng vì tiên nữ thắng cuộc cho nên tại vùng này ngày nay bọn « mây râu » phải quý lỵ cười đàn bà..!

Thật là một câu chuyện không thật chút nào, nếu không nói là bịa.

Nhưng hai cái giếng còn đó ! Và người ta vẫn gọi là «Giếng Tiên». Cái giếng phía Tây cạn, hẹp ; mùa khô không nước. Còn giếng phía Đông sâu và rộng lớn. Đến mùa khô vẫn còn là một giòng nước xanh đẹp, sóng gợn lăn-tăn. Hai bên giếng lại có 2 khóm tre xanh, không bao giờ cần-cối hoặc khô héo.

Phải chăng đây là vùng đất liền, không sông không hồ, tiền nhân chúng ta đã ra công đào giếng để lấy nước ?

Gần giếng phía Tây lại có cây XOÀI CỎ. Gốc to độ 3 người ôm, cành lá xum xê, mọc trên miếng gò. Chung quanh nó là vùng thấp. Theo lời những cụ già thuật lại thì đây là chỗ biển khì xưa mới cạn. Đã có một chiếc thuyền của một vị chúa đi qua đây. Trong thuyền chở nhiều bảo vật. Chẳng may thuyền vương cồn cát mà chìm. chiếc thuyền được nằm yên ở đây ngàn đời. Sau những cuộc bể dâu, đất lấp dần, lấp dần, chiếc thuyền đành chôn vùi dưới đất. Cách đây mấy năm, khi chiến tranh chưa bùng nổ trên đất Việt, cột buồm còn nổi trên mặt đất đôi chút. Dân chúng tìm cách đào nhưng hoài công. Giờ đây đã mất hút, không hiểu tại sao ?

Viếng xong giếng Tiên ta lại

lên đường. Giày lát đến PHÚ NỒ hay VŨNG THƠM (tiếng Miên *Phong Thom* : sông lớn). Bây giờ đổi thành PHÚ TÂM. Ở đây gồm đủ ba màu dân : Việt, Miên, Tàu. Đặc biệt là bất cứ nói câu gì họ vẫn dùng ba thứ tiếng trộn lộn.

Vượt thêm 9km nữa, qua cánh đồng bao la, ta tới Kế-Sách.

KẾ-SÁCH :

Vườn cam quít, xứ dừa.

Đến chợ Kế Sách, coi như đã cùng đường xe.

Mười lăm năm trước, con đường này được coi là con đường liên tỉnh. Xe chạy từ Sóc-trăng ngang Kế Sách lên BA-TRINH tới CÁI CÔN, vượt «bắc» qua TRÀ ÔN tiến VINH LONG. Nhưng 10 năm khói lửa đột phát cuộc kháng chiến của toàn dân đã phá hủy gần hết đoạn đường Cái côn - Kế-Sách. Song ngày nay người ta có thể đi bộ và đạp xe được.

Chợ quận Kế Sách không to lắm, nằm ngòong-ngòeo trên bờ sông. Hàng ngàn ghe, xuồng, đò máy từ những thôn vườn xa xôi tập nập ghé bến. Đây là chợ XŨ VƯỜN. Có đủ các thứ trái ; tùy theo mùa : cam, quít, mận, ổi, sầu riêng, vú sữa, mít, chuối, xoài, v.v...

Một buổi sáng đẹp trời, chúng

tôi xuống đò. Con đò máy xinh-xịch xuôi dòng sông sâu về hướng đông. Chúng tôi xin phép chủ đò lên mũi ngồi. Hai bên sông toàn là vườn với vườn. Màu xanh thắm như bức « vạn lý trường thành » xuôi theo dòng sông cuộn chảy. Những mái nhà khi ẩn trong đám lá xa xa, khi hiện ra mé bờ rõ rệt. Kia bóng cô thôn nữ thấp thoáng mé cầu. Mái tóc mây rung rinh trước gió. Giương mặt yêu kiều hây hây dưới nắng mai. Đẹp ! Vẻ đẹp nên thơ của thiếu nữ đồng quê !

Nói đến đồng quê ai cũng yêu thích. Nhưng các bạn sống quen ở tỉnh thành thì khó sống nơi đây lắm. Đi thì xuống ghe, bơi xuồng, lội ruộng, bồng vườn cỏ tới đầu gối, qua cầu tre nho nhỏ, lác lác ; giày guốc phải lột, quần phải vo. Khổ lắm ! Bởi thế ca dao có câu :

«.....

« Cầu tre lác-lẻo, gập gềnh khó đi ! ».

Quen hồi thời kháng chiến, nên đồng bào ở đây nói chuyện toàn dùng danh từ chánh trị. Mới nghe qua chúng ta phải ngán. Nhứt là giới «quần vận yếm mang», họ vẫn minh lắm ! Không phải nhu mì, rụt rè như thuở trước. Giờ đây, thanh niên tỉnh khó « ăn qua » mấy cô miệt vườn lắm. Mà giới đàn ông cũng không chừa rượu. Hễ từ nhập

thì «xỏ nho» và xài toàn «đồ la».

Các bạn thanh niên lại chẳng vừa. Mỗi trưa, rảnh việc đồng, vườn, năm ba trụ rủ nhau vô vườn. Ngồi xúm quanh, giữa đê-bồn «ba xi đế». Mỗi trụ vô một câu, hễ xong là cúi xuống, kê sát miệng «quất» cái tróc. Và cứ luôn phiên nhau đến hết. Thật là cuộc giải trí động trời !!

Đây NHƠN-MỸ ! Những ngọn dừa sai trái. Những đám chuối nặng quài che rợp bóng bờ sông. Nếu ta rẽ sang phải thì đến PHŨ AN rồi lộn về PHÚ NỒ. Như thế ta sẽ ngắm những vườn cam, cội quít nặng trĩu, những trái mọng nước. Nơi đây nhiều người giàu lắm. Dù một mái lá sơ sài hay ba gian cửa ván, bên trong chung dọn hực hực. Dưới bến có chiếc « bo-bo » ngủ kỹ.

Họ giàu không ai hay. Cứ tính mỗi gốc cam tẻ-tẻ vài trăm hay ngàn đồng, vườn nhỏ 4,5 trăm gốc, vườn rộng có đến 1.000 gốc - thử hỏi mỗi mùa họ thu vào bao nhiêu bạc. Nhưng mấy năm nay huê lợi có kém. Trận bão 1956 tàn phá, làm bao nhiêu chủ-vườn phải xuê mình...

Đò xuôi dòng, chúng tôi lại ngắm những ngọn sầu riêng, tàn cây vú-sữa xanh um. May quá, nhằm mùa sầu riêng ! Đò lướt qua vườn sầu-riêng. Gió vườn.

cuộn lên, đưa mùi thơm ngát,
khiến chúng tôi nhìn trái lác-lur
trên cành mà chảy nước miếng.

Một hồi còi lanh-lảnh. Tới vòm
Kế-Sách.

Đò lại rời bến. Sông cái mênh-
mông sóng nước. Gió lạnh toi
bời. Xa xa vài cánh buồm trắng
nhấp-nhò in lên rặng cây mờ.
Khoái quá, chúng tôi ngâm bừa
lên mấy câu thơ của cụ Tiên-
Điền :

Buồm trông cửa bể chiều hôm,

*Thuyền ai thấp thoáng cánh
buồm xa xa.*

Buồm trông ngọn nước mới sa

Hoa trôi man-mác biết là về đâu?..

Đò chạy cập theo bờ. Bên kia
cù lao, vườn tược, cây cối lại
tươi xanh hơn. Tiếc gì đò đã cập
bến ĐẠI NGÃI...

Thế rồi, chúng tôi lại tới Sóc-
trăng.

(Còn nữa)



*** MIỆNG TRỀ**

Bữa đó, nhà ấy làm cơm thết khách. Khi chủ, khách ngồi
cả vào bàn, vợ chủ nhà đưa mắt nhìn quanh bàn, thấy nơi ông
khách C. không có đĩa và muỗng. Bờ môi gọi đứa con gái nhỏ, bảo:

— Con sắp chén đĩa, lại không có đĩa và muỗng cho bác C.
Như vậy là vô lễ lắm. Con đi lấy thêm đĩa muỗng đi.

— Chớ sao hồi nãy, ở dưới nhà bếp, má nói bác C. ăn uống
như heo, thì đâu cần đĩa muỗng?

*** KỶ PHÙNG DỊCH THỦ**

Anh Nhất bảo anh Tam :

— Kỳ đó tôi đi xem hát, phải có tuồng hay quá, khán giả chộ
nức rọp đến đòi khi vỗ tay khen dào, kếp, khán-giá phải vỗ theo
chiều dọc chớ không có chỗ để vỗ theo chiều ngang như thường sự
Anh Tam nghe nói nóng mũi bảo :

— Cũng chưa bao nhiêu. Mới rồi đây, ở buổi hát tôi xem, khán
giả chen chúc nhau như nôm, nên mỗi khi cười phải cười dọc, chớ
không hở miệng về chiều ngang được. T.L.L.

THOÁNG

BUỒN

DIU nhẹ trong lòng nghe gió than
Nghe chiều buông lướt chạm cung đàn
Nghe mây thăm lặng bay trên tóc
Nghe thiết tha mong nhớ mộng vàng

Ai dệt tơ trời bằng dĩ-vãng ?
Cho buồn dâng ngộp mảnh hồn tôi
Cho da diết cả lòng thơ dại
Mà chuyện ngày xưa đã nhạt rồi !

Tôi đã cúi đầu trên định mệnh
Đã cười đi nốt quãng ngày hoa
Ngõ ngang nào dám quay nhìn lại
Vi sợ đường xưa, đáng nhạt nhòa.

Bạn cũ đi rồi xa vạn dặm
Nghìn năm ai nhắc chuyện đơn sơ ?
Nghìn năm không dệt yêu thương nữa
Thì nói làm gì những ước mơ !

Hơn một mùa hoa tôi lặng lẽ
Về thăm lâu mộng giữa ngày trăng
Và tìm nhạt chút thân tình cũ
Mà chỉ còn tro bóng nguyệt hằng

Tất cả, qua rồi không trở lại
Tình thương chưa thấm đã phai pha
Đường trần thiên hạ yên vui quá
Ai biết cho mình nỗi thiết tha ?

VÂN-KHANH
(Mĩ tho)

CA - KỊCH

Việt-Nam



★ TCHYA

(Tiếp theo P.T. số 22)

Một lối hát cổ thể nữa, là hát « châu văn ». Hát châu văn là điệu hát của những cung văn hát thờ ở các đền, các miếu, giúp cho các tín đồ hầu bóng và lên đồng. Theo lịch sử, thì phong tục đồng cốt có từ đời Đông Chu liệt quốc. Sách chép rằng vua nước Ngụy sai Tây môn Báo tới cai trị một địa phương có nhiều đồng cốt, thường mượn cớ gả vợ cho thầy Hà Bá dưới sông mà làm hại lương dân. Tây môn Báo phải dùng một độc kế, là đem quảng những người cầm đầu tổ chức đồng cốt xuống nước, bấy giờ mới diệt được tục lệ đó.

Ất hẳn người nước ta cũng

bị tiêm nhiễm phong tục của người Trung - Hoa, nên thói lên đồng mới lan tràn ở đất Việt-Nam, nhất là ở xứ Bắc.

Trong khi lên đồng, phải có đàn ngọt hát hay, bởi đó mới có những bài châu văn. Hát châu văn có một điệu rất du dương phiêu diêu, như điệu hát chầu, các ông Hoàng bà Chúa miền sơn cước, lại có một điệu rất thâm trầm náo nùng, như hát chầu bà Mẫu thủy-cung, gọi trại đi là Bà Mẫu Thoải.

Hát châu văn thường dùng lối lục bát, hoặc lối song thất. Đây là một đoạn thi ca tượng trưng cho điệu hát chầu văn :

Gió thổi rung cây

CA KỊCH VIỆT - NAM

*Trên ngàn bà, gió thổi rung cây,
Dưới khe con cá lặn, đàn chim
bay về ngàn.*

*Nguyệt lặn sao tàn,
Chiếc thuyền Quan lớn khoan
khoan chèo vào*

*Quán thấp đời cao,
Gặp ghềnh quán thấp đời cao,
Hương nghi ngút tỏa, hoa ngào
ngạt bay...*

Đại khái, đó là những điệu hát đặc biệt của người Việt-Nam, có tinh thần thuần túy Việt-Nam, không bị ảnh hưởng ngoại lai chi phối.

Những điệu hát đó đều có tính cách bình dân, không có vẻ gì là bác học thâm thúy cả. Song lẽ, những lối hát bình dân này vẫn không thể áp dụng để kể những sự tích cổ, hoặc đề diễn trò, hóa nên người Việt-Nam lại sáng chế ra một môn nghệ thuật sân khấu nữa, tức là « hát chèo ».

Hát chèo là nghệ thuật phổ diễn hoàn toàn Việt-Nam, và có thể có trước cả hát tuồng, vì hai lẽ.

Lẽ thứ nhất là dân tộc Việt-Nam từ thuở xưa, đã có tinh thần trào phúng, châm biếm. Tinh thần cổ cự và truyền thống đó

gây ra thói thích cười đùa riêu cợt, cho nên mới phát khởi ra lối « hát chèo ». Hát chèo nguyên ở chữ « Trào » mà ra. Trào là cười đùa, riêu cợt, nhạo báng. Hát trào là hát chế riêu, cốt để mua vui và múa cười, cho nên trong các sự tích hát chèo, vai hề là vai rất khó và rất quan trọng. Có thể nói vai hề là vai cột trụ, vai then chốt, của buổi hát chèo. Hát chèo, không có vai hề, thì không còn tính cách chèo nữa. Tờ sư hát chèo là Đông-phương-Sóc, tức là ông Thầy Hề sống dưới triều Hán Vũ-Đế ở bên Tàu.

Những người thích nghiên cứu về hát chèo tất nhận thấy rằng những vai hề đều có một điệu hát riêng biệt và nói lối cũng riêng biệt. Hát và nói riêu thế nào cho người ta phải cười nôn ruột lên thì thôi. Thi ca, trong trường hợp này, có một tính cách hí lộng không thể nào nói hết được.

*Có kia cứ hát ghẹo tral
Cái mồm méo xếch như quạt
chèo đồ.*

Lại đây anh năn lại cho,

Ngày mai chèo đò ăn bát cơm
thiu.

Phàm già, trong các nghệ thuật sân khấu, vui thì có hài kịch, buồn thì có bi kịch, nhưng ít khi trong bi kịch lại có những nụ cười. Thế mà trong môn hát chèo, nụ cười nằm ngay giữa lòng nỗi bi thương đau khổ. Tinh thần trào phúng của người Việt-Nam có một tính cách lạ-lùng đặc biệt, là thắm đượm hẳn văn chương bình dân, rồi phát biểu ra bằng các giọng chèo.

Không một nhân vật nào trong xã hội là không bị nhạo báng chế riếu. Sau đây là những bức họa rất tài tình của đủ thứ nhân vật điển hình ngày xưa.

Chỉ trừ có ông vua là may ra tránh được tai nạn bị chằm biếm, còn từ quan chí dân, không ai thoát khỏi tai nạn đó cả. Nay đây là ông quan thời cò :

Ra đường vớng giá nghênh
ngang

Về nhà hỏi vợ : — “Cám rang
đâu mày ?

— “Cám rang tôi đề cốt xay,

— “Hệ chó ăn mứt, thì mày giết
ông !”

và :

Ban ngày quan lớn như thần
Ban đêm Quan lớn tần mần
như ma.

Ban ngày Quan lớn như cha
Ban đêm quan lớn la đà như
con.

Đến lượt ông tướng thì chỉ vì
cờ bạc mà khốn khổ :

Tướng sự tình bạc này hai sấp,
Ai ngờ đâu nó lại sấp ba
Bấy giờ quan tướng tỉnh ra
Áo quần cố hết trở ra về trần.
Về giữa sân vạch quần bắt rận
Vợ ở nhà giận chằng thối cơm.
Bấy giờ tướng chút ở rơm,
Chằng dám hạch nước hạch cơm
hạch trâu.

Hết ông quan, ông tướng, thì
ông Nghè cũng chẳng hơn ai :
Em là con gái đồng trinh.
Em đi bán rượu qua đình ông
Nghè

Ông Nghè sai lính ra ve
— Trăm lạy ông Nghè, tôi đã
có con !

— Có con thì mặc có con
Thất lưng cho tròn, theo vớng
cho mau !

Riếu hết các ông to, bây giờ
mới đến lượt ông nhỏ. Ông nhỏ

và các câu cai, thầy đội, quan
xa, nha gần.

Cậu cai nón dẫu lông gà,
Cò tay đeo nhẫn gọi là cậu cai,
Ba năm được một chuyến oai
Áo ngắn đi mượn quần dài đi
thuê.

Cậu cai buông áo em ra,
Đề em đi chợ kẻo mà chợ trưa.

Chế nhạo chê chán những nhà
chức trách, rồi quay về đũa bôn
con gái trong làng :

Hôm qua anh đến chơi nhà,
Thấy mẹ vét cháo thấy cha vét
nột.

Thấy em dựa cột liếm môi,
Anh ngờ con chó, anh lùi chân ra

Cô kia đội nón ba lần,
Chồng cô đi lính cô nằm với
ai.

Đêm cô nằm có đẻ một thằng
con trai,

Chồng về chồng hỏi : “— con ai
thế này ?”

— “Con tôi đi kiếm về đây,
Có cho nó gọi bằng thầy thì cho !”

Trẻ không tha, già không
thương, cho đến kẻ tu hành cũng
bị những mũi tên độc ác.

Ba cô đội gạo lên chùa,
Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư,
Sư về sư ốm tương tư,
Ốm lẫn ốm lóc cho sư trơ đầu.

Muốn ăn đậu phụ tương tầu,
Mài dao đánh kéo gọt đầu đi tu.

Sư đang tụng niệm Nam Mô
Thấy cô xách giỏ mò cua bên
chùa.

Lòng sư lưỡng lự ngần ngại,
Bỏ kính bỏ kệ tìm cô hỏi chào.

Ai ngờ cô đi đàng nào,
Tay lần tràng hạt ra vào bần
khốn.

Trên sân khấu hát chèo, nụ
cười đi song-song với tiếng khóc.
Người đàn bà khéc chồng, hát
một điệu « làn-thâm », nhưng
lại là khóc chồng đề xin đi... lấy
chồng khác :

Tiền găm huê chanh,
Em mua cho chàng một cò tiền
găm huê chanh
Hai đầu chữ thọ, chung quanh
đàng sệt,

Ớt anh chồng củ tôi ớt,
Mời anh trở dậy ăn xôi nghe
kèn,

Anh chết đi thời anh chó có
ghen,
Đề cho người khác cầm quyền
thay anh.

Giầu thì cá thớt cơm canh,
Khó thì dưa muối cúng anh cho
nó rời.

Cười cợt cả với cái chết,
chứng tỏ rằng người Việt-Nam
có một tinh thần triết lý đặc biệt,
thần nhiên với sự sinh tử, nên
lúc nào cũng sống lạc quan, với
hi vọng vui vẻ xây dựng một ngày
mai tươi sáng.

(Còn nữa)

ĐỪA CON

★ TRÚC LIÊN

N GỌN đèn đường đỏ xuống ngõ hẹp một ánh sáng vàng đục thể lương. Duyên tựa cửa nhìn dãy phố đối diện đã vắng bóng người đi lại. Hàng xóm tíu tít, tiếng chuyện trò vắng lại tai Duyên như tự một cõi nào xa xôi.

Trong nhà không ánh điện vì Duyên không muốn nhìn bóng mình cô đơn in lên vách như người cô phụ. Đêm đêm, nàng tắt điện, đứng trong bóng đêm để đợi Trung về. Sau Duyên, đàn muỗi thi nhau hòa điệu đàn muôn thuở. Duyên không thấy buồn như mọi hôm, nhưng mười năm trời làm vợ đang đề nặng

lên hồn nàng. Mười năm qua trên cuộc đời chồng vợ, Duyên chưa chút thấy giữa nàng và Trung không có giây ràng buộc nào chắc cả. Đời người đàn ông vẫn có một cái gì riêng biệt không hòa với đời người đàn bà vì thế sống bên chồng nhưng Duyên vẫn thấy mình cô độc, cô độc còn hơn cả lúc còn là cô gái sớm đi tối về dạy đám trẻ thơ ngây.

Có tiếng giày đi vào ngõ. Duyên lùi sau cánh cửa nhưng tiếng giày đi qua lạnh lùng gõ đều trên nền xi măng trước phố. Bóng người bỗng quay lại khi thấy thoáng Duyên bước ra.

— Bà Trung đấy à, ông nhà đã về chưa?

Giọng nói ấm áp làm sao, Duyên biết ngay là ông giáo trẻ nơi cuối phố.

— Chưa ông ạ.

Trong bóng đêm Duyên không thấy nét mặt người đối thoại nhưng Duyên biết đôi mắt sáng sâu đang nhìn nàng xao xuyến như ngày đầu mới biết.

— Sương bắt đầu xuống, bà nên vào nghỉ, chốc nữa nếu ông về tôi sẽ sang chơi. Giải phố này về đêm sao buồn quá.

Duyên nghe tiếng buồn kéo dài như một lời xa-xôi bóng gió, giải phố này thật sự có buồn đâu. Căn nhà bên, ông phán giây thép đang đùa với con bên cạnh bà vợ ngồi may áo. Ông xoay trần chỉ mặc mỗi một cái áo thung lá, bỏ ngoài trên ván làm trò, mấy chú con cười như nắc nẻ.

Và căn thứ ba, cặp vợ chồng anh bán sập báo đã lên đường đi xem hát. Lúc bước ngang cửa nhà Duyên, chị vợ cười vui vẻ nói bằng giọng với Duyên vài lời thân mật. Ánh vàng chói của hàm răng chị mất đi trong đêm càng làm tăng cái cô đơn trong lòng Duyên.

Tiếng buồn kéo dài của Thanh

phải chăng muốn chỉ riêng Duyên và chàng mà thôi.

Trong đêm tối, Duyên không biết Thanh có chào nàng không, tiếng giày bỗng quay đi, siết mạnh nền gạch nhẵn, ray rức nện vệt vàng.

Giải phố lại êm-dềm như cũ. Duyên nghĩ giá nàng có một đứa con, những đêm dài dằng dặt như đêm nay, Duyên sẽ thấp đèn lên sáng, đóng cửa chặn gió thánx mười rét mướt bên ngoài, tha hồ cho Trung đi, Duyên sẽ nỏ đùa với con như ông phán nhà bên cạnh. Nàng sẽ bỏ ngoài dưới gạch như ông, làm đủ trò như ông để gạt hái từng nụ cười trên làn môi mộng sữa. Nhưng mười năm, mười năm không một triệu chứng gì để Duyên có thể hy vọng được làm mẹ, mười năm trôi qua một cuộc đời, không một kỷ niệm nào cụ thể để đánh dấu, đúng hơn là để giữ chân người chồng trong không khí ấm-áp của gia đình. Đêm đêm cái lạnh lẽo như buông giữa nàng và Trung, mỗi lúc xếp tờ báo ngân lên, mắt Trung đưa khắp gian nhà vắng vẻ cuối cùng đặt lên Duyên như oán trách. Những lúc ấy để

tránh cái túi cực. Duyên lặng-lẽ đứng lên vào bếp pha cốc sữa cho chồng.

Xa rồi những ngày đầu tiên, hạnh phúc tràn ngập đôi lòng, bỗng bột trứng đến thiên thu cũng không thể rời nhau. Thế mà chỉ mới mười năm đã thấy quá nặng nề. Thực tế, sinh sống đã làm rạn trán Trung nhiều nếp, Duyên cũng thay đổi quá nhiều, soi gương đối bóng, má Duyên đã lạt màu và mắt buồn trũng xuống giữa quầng thâm.

Đêm đêm nhìn nàng, Trung đã nghĩ gì mà không bộc lộ như lúc mới yêu nhau. Mỗi lúc mà chàng cau lại như lo nghĩ, Duyên cảm thấy ngại ngùng vì mười lần như một, cốc sữa đặt xuống bèn còn sống sánh. Trung đã nặng nề bước ra đường, Duyên lại chạy ra cửa nhìn theo bóng chồng đi vào trong đêm tối. Tiếng giầy chàng cô đơn vang trong đêm, đập vào cân não Duyên, lòng nàng nao nao một tình thương vô bờ bến.

Những lúc Thanh đến chơi, không khí gia đình như bớt căng thẳng nhưng làn gió thoảng qua

chao mặt nước vui vui dề rồi sau đây cái bình lặng mới rộn rùng.

Đôi mắt Thanh sao mà dịu, giọng chàng, âm thanh ngọt ngào như có vị đường. Duyên muốn nghe, nghe mãi nhưng Trung vẫn luôn im lặng, cái im lặng gần như khó chịu vì thật ra từ xưa Trung có ưa nghề dạy học đâu. Anh đâu biết được những nụ cười trẻ thơ và tiếng trống trường mỗi ngày đều gọi trong lòng Duyên một nhớ nhung ngày cũ.

Tiếng giầy ngoài ngõ làm dứt giọng tư tưởng Duyên, nàng bàng hoàng nhìn ra. Trung lừ lừ tiến vào như từ một cõi nào trở về, dáng mệt mỏi. Duyên đưa tay bấm điện, ánh sáng rục lên chói mắt Trung, mà chàng hơi cau lại. Duyên bước vào theo, âu yếm hỏi chồng:

— Hôm nay trời lạnh anh không mang áo?

Trung quay lại nhìn nàng, mắt ngầu đỏ vì men rượu. Duyên lùi ra một bước, tránh hơi thở nồng chua.

— Khuya rồi, em chưa đi ngủ, đợi anh làm gì?

Duyên dịu dàng nói như không

đề ý đến câu hỏi hơi gay gắt của chồng.

— Hôm nay tốt trời quá anh ạ, em còn đợi trăng lên. Nếu không có giải phở trước mặt, có lẽ ánh trăng đã rọi vào nhà mình từ lâu.

Trung không nói gì, ngồi xuống ghế.

— Hôm nay sao anh về muộn?

Trung lơ đãng trả lời, vẻ mặt vẫn dăm dăm lo nghĩ.

— Lúc này công việc nhiều lắm, có lẽ từ đây trở đi phải về trễ luôn, em đừng đợi thất công.

Duyên ái ngại nhìn chồng rồi nhìn ra trời sương lạnh, thở dài như luyến tiếc một bóng hình đã mất.

— Nào em có đợi anh đâu. Em thức khuya vì tự nhiên nhớ lại ngày nào chúng mình mới gặp nhau, đêm tháng mười rét mướt thế này mà vẫn cố đi dài theo sông Saigon chờ trăng lên. Cả anh chị Hoàng cũng thế, anh còn nhớ không? Ngày nào mình cũng thấy họ co ro ngồi tâm sự. Mới đó mà đã mười năm, chóng thật.

Trung chua chát:

— Bây giờ người ta đã con bồng con đất còn mình thì... Đứa

con gái lớn anh ấy đã vào trường công, bây giờ lại đến đứa con trai kế cũng sắp sửa.

Duyên đưa mắt oán trách nhìn Trung định hỏi:

— Anh có tiếc vì chúng mình đã lấy nhau không? Nhưng nàng không dám.

Trung đã đi nằm từ lâu. Duyên vẫn loay hoay dọn dẹp, cố quên những ý nghĩ chán chường. Nhắc chiếc cặp da đem vào bàn viết, Duyên trở ra, nhưng cái góc giấy màu loè loẹt từ trong cặp thò ra, tự dưng chặn chôn mãi trước mắt nàng. Duyên biết đó là giấy gói của một cửa hàng sang trọng trong thành phố, vì sao lại có trong cặp Trung? Tất nhiên là không phải để lặng nàng vì Trung đã quên mất cử chỉ đẹp để ấy từ lâu.

Một giờ trôi qua vẫn không làm sao ngủ được. Bèn nàng Trung ngủ say sưa, tiếng ngáy đều đều càng tăng thêm lòng tò mò nơi Duyên. Nàng rón rén bước xuống giường đi đi lại lại, cuối cùng nhất định mở chiếc gói bí mật kia ra, tuy nhiên thâm-tâm dâng lên một thẹn thùng làm Duyên đỏ mặt. Trong đầu, bao

nhiều ý nghĩ quay cuồng, tay nàng run run mở nhẹ từng nút một sợi giây buộc ngoài. Duyên bỗng bật lên một tiếng kêu nhỏ, quên bản Trung đang nằm gần đấy.

Một lô những món đồ chơi trẻ con đầy màu sắc tươi vui như những nụ cười thơ dại, những món đồ bé nhỏ xinh xinh mà chưa bao giờ Duyên được mua và cũng không bao giờ dám nhìn vì nó luôn luôn gọi trong lòng nàng một túi cực vô biên. Duyên tự ví mình như một kẻ tật nguyền, chỉ khác là nàng không bị ngoài thân thể mà lại chính trong linh hồn. Có bao giờ Trung hiểu được nàng cũng thiếu thốn rất nhiều, buồn khổ rất nhiều vì thiếu một mái tóc tơ.

Đút chiếc hộp trở vào cặp. Duyên tự dưng ràn rụa nước mắt, những túi nhục dề nén từ bao nhiêu năm tháng giờ mới được dịp thoát ra trong những tiếng nấc nghẹn ngào. Duyên khóc cho đời nàng, cho đời Trung và một kẻ nào kia đang sống trong cảnh tình ngang trái.

Trung đi đã từ lâu, Duyên mới bắt đầu sửa soạn. Nàng lời

chiếc va-ly ngày cưới từ trong gầm giường ra phủ bụi. Những hạt bụi bay mờ cả gian phòng, Duyên thở dài nghĩ đến đời nàng cũng đã mười năm vương bụi, cũ kỹ như chiếc va ly không màu một mối nằm trên nền gạch. Bây giờ lại phải nghĩ đến đi lập một cuộc đời khác với một người xa lạ, dù người ấy sẽ là Thanh. Giọng nói có ngọt ngào, tình chàng có thắm thiết, Duyên vẫn thấy như thiếu thốn một cái gì và từ trong sâu kín của lòng nàng cảm thấy sẽ không bao giờ còn tìm lại được nguồn vui như ngày xưa.

Tất cả quần áo đồ vật đã nằm gọn trong va-ly nhưng Duyên vẫn tìm tòi, nàng xúc xạo tất cả như còn quên một vật gì quan trọng. Nàng mở tủ, đi khắp nơi vẫn không còn gì, nhưng Duyên chợt hiểu, thật ra thì còn rất nhiều, rất nhiều những hình bóng cũ đang phản phát đâu quanh. Những kỷ niệm của một đời chung sống vui, buồn, khổ cực không xóa được dễ dàng như Duyên tưởng. Nàng vụt đứng lên nhìn đồng hồ tay, cầm ví bước ra, trước khi hy sinh, Duyên muốn biết ít nhiều về người đàn bà kia và mối tình

của Trung rồi sau đấy nàng sẽ yên chí ra đi để cho tiếng cười trẻ thơ làm sống lại gian nhà quanh năm tiêu tụy.

Như dự đoán của Duyên, đồng hồ trong quán cà phê đổi điện số Trung vừa đồ mười một tiếng. Trung từ trong tất tả bước ra, chàng vẫy một chiếc xe tắc xi và leo lên. Duyên cũng lên chiếc xe đang đợi lặng lẽ theo sau.

Qua những khúc quanh ngoằn ngoèo, xe Trung tiến dần ra ngoại ô và đều, Duyên không ngờ nhất là xe trước từ từ đồ gần một giải nhà lá nghèo nàn. Trung bước xuống xe đứng nhìn quanh ngơ ngác.

Từ xa Duyên bỗng thấy tay chàng vẫy vẫy một đứa bé độ bốn năm tuổi đang lảng vảng trước sân nhà. Đứa bé vụt reo lên ù té chạy ra đường, thoát đã đến bên chàng, Trung nhìn quanh, kéo đứa bé vào bụi tre um tùm gần đấy, chàng ôm nó một cách triu mến thương yêu, miệng nói những gì rất nhẹ nhàng và sau cùng mở cặp da lấy chiếc hộp ngày hôm trước đặt vào tay đứa bé. Duyên suy nghĩ mãi không đoán ra cử chỉ

lạ lùng kia vì đứa bé ăn mặc quá nghèo nàn lem luốt.

Trung lên xe trở về, Duyên không dẫn đồ bước vội lên gọi đứa bé. Nó nhìn nàng ngơ ngác nhưng đứng lại. Thoạt nhìn đứa trẻ, Duyên bỗng nghe tim mình đập mạnh không còn ngờ gì được. Chính là khuôn mặt của Trung, cũng đôi mắt sâu đen, cũng đôi mày rậm và nhất là đôi môi viền đều đặn. Duyên thấy chân nàng như mềm nhũn, môi nàng run run chưa hỏi được nên lời trước đôi mắt đầy thiện cảm của đứa bé nhìn Duyên chăm chú, Duyên càng júng túng:

— Má em đâu ?

Nó tròn xoe mắt nhìn Duyên :

— Em không có má.

Từ hồi hộp qua ngạc nhiên, Duyên hỏi vội :

— Thế còn ba em đâu ?

— Em cũng không có ba.

Một lòng thương vô bờ bến bỗng tràn ngập lòng Duyên, nàng muốn ghì lấy đứa bé ra đời trong thiếu thốn từ vật chất lẫn tình thương kia vào lòng và nói trong hơi thở :

— Má con đây, con ơi.

Nhưng Duyên không dám vì

đôi mắt đứa bé bỗng nhiên dè dặt
lắm lét nhìn nàng.

— Nhà em đâu ?

Nó chỉ tay vào gian nhà bìa :

— Đó, em ở trong đó với bà
em.

Và lập đi lập lại cho Duyên
nghe với vẻ mặt vô cùng quan
trọng :

— Em có bà.

Duyên theo đứa bé bước vào
gian nhà ọp ẹp, từ sau một người
dần bà đi lên ngạc nhiên nhìn
khách lạ :

— Thưa bà hỏi ai ?

Duyên lúng túng nhìn quanh:

— Không ạ, cháu muốn mua
ôi, bà có cây ôi sây trái quá ! Mắt
bà lão sáng lên :

— Bà mua bao nhiêu ?

— Bà cứ hái rồi sẽ tính, nhà
cháu đông lắm.

Trong khi đứa bé lăm lét dấu
chiếc hộp vào kẹt tủ. Duyên theo
bà lão ra sân :

— Bà có đứa cháu dễ thương
quá.

Bà lão vụt sầm mặt lại thờ
dài :

— Mẹ nó chết để cho tôi cái
gánh nặng đó, già rồi, tôi nuôi
thân tôi còn khó khăn lại phải

đèo thêm nó. Thật lắm lúc, khô
lắm cô ơi !

Duyên ngập ngừng hỏi :

— Thế còn cha nó ?

— Cha con gì. Nó lấy con
nhỏ chơi qua đường thôi chứ nó
có vợ đang hoang mà làm sao
nhìn con, bởi thế đời nào nó
dám đến đây. Chỉ khổ có con gái
tôi thương nó lắm.

Bà lão chép miệng thờ dài
nhưng bỗng ngạc nhiên nhìn cô
khách lạ quá đa cảm, Duyên
đang lau dấu đôi hàng lệ, đôi
mắt nàng đỏ hoe...

Tiếng giầy rào rạo đến gần,
Duyên ôm bé Thu vào lòng bốn
mắt mong chờ nhìn ra cửa, vừa
lúc Trung bước vào với dáng
điệu mệt mỏi thường lệ, chưa
bao giờ Duyên thấy Trung gầy
và già đến thế.

Từ cửa, Trung bỡ ngỡ đứng
nhìn. Duyên hôn vào má bé
Thu và bảo :

— Con đến hôn ba đi, ba con đó.

Bé Thu bỗng reo lên chỉ Trung:

— Ông, cái ông cho con đồ chơi
đây mà, má !

Duyên gật đầu, mỉm cười :

— Phải, cái ông ấy là ba con đó.

Bé Thu tuột xuống đất lại bên
Trung nhón gót hôn vào má
chàng, Trung ngồi bệt xuống
ôm ghì con vào lòng như sợ tan
mất giấc mơ quá đẹp của đời
chàng.

Lát sau chàng ngẩn lên bên
lên nhìn Duyên :

— Mẹ nó là vũ-nữ, anh ngỡ
là một phút qua đường, không
ngờ lại có nó, từ năm năm rồi
anh khổ sở lắm mà không biết
giải quyết làm sao. Mẹ nó cũng
đã chết vì sanh nó.

Duyên chậm rãi nói :

— Em biết, vì thế em nghĩ
chúng mình nên hy sinh một phần
nào cho nó. Nó đã thiếu thốn
tình thương quá nhiều do một
lỗi lầm của người lớn gây nên,
hành động mà không kịp suy nghĩ,
em tha thứ cho anh tất cả, vì anh
xem, em cũng xuất hành động
không suy nghĩ như anh.

Duyên chỉ tay vào góc nhà,
chiếc va ly vẫn nằm tro-trên
trên nền gạch.

Trung tái mặt :

— Vì sao em có ý định xa anh ?

— Để làm lại cuộc đời.

— Với ai ?

Trung vội vàng hỏi, nhưng
chợt nghĩ ra chàng trả lời lấy
cho mình.

— Lễ tất nhiên là với ông
Thanh vì xem em thích hẳn lắm.
Duyên gật đầu trầm ngâm nhìn
bé Thu đang thiu thiu ngủ gật
trên ghế, có lẽ nhiều biến chuyển
chung quanh làm nó nết.

— Nhưng bây giờ em đã
biết thế nào là cuộc đời. Không
để gì cắt đứt trong một ngày,
một buổi, bao nhiêu giây ràng
buộc, hạnh phúc chỉ đến khi lòng
mình biết tha thứ mà thôi.

— Thế mà anh đã làm lỡ mấy
năm trời tốt đẹp, Giờ anh mới
biết, mười năm vẫn chưa đủ để
vợ chồng hiểu nhau, nếu biết rõ
em từ lâu anh đã nói ra sự thật,
chúng mình sẽ không sống những
phút giây trống trải và nhà mình
có bé Thu vui biết bao nhiêu.

Chàng cảm động cầm tay
Duyên, ngập ngừng hỏi :

— Bây giờ chúng ta lại bắt
đầu cuộc sống khác. Em có còn
yêu anh được như ngày xưa
không ?

Duyên mỉm cười chỉ bé Thu,
và đưa một ngón tay lên miệng :

— Suyt, để yên cho nó ngủ.

HỒI KÝ

Một Đồi Người

★ THIẾU SƠN

PHẦN THỨ HAI

III

LẠC LÔNG TRONG CHỢ CHÁNH TRỊ

(Tiếp theo P. T. số 22)

BẮT đầu từ ngày 9/3 không khí chánh-trị càng ngày càng tăng thêm mực - độ. Hết biểu tình tới mết-tinh. Hết truyền đơn tới biểu ngữ. Có những người từ trong bóng tối nhảy ra dương oai, diệu võ. Có những người xưa nay hiền lành bỗng trở ra khốc, hét ra lửa, vỗ ngực xưng tên, kẻ thành tích tranh đấu, kẻ tội trạng thực dân và hô hào ủng hộ Thiên-Hoàng. Lãng xãng nhưt là những người Việt mà mặc quân phục Phù-Tang, đeo girom dài và đội kết Nhựt - bôn. Những người này được đồng bào kêu là "Nhựt

lô canh" bắt nạt Tây và làm toàn "số dách".

Báo chí đòi giọng, đòi người, đòi luôn cả nhãn hiệu. Như tờ « Đông Pháp » ở Hà Nội đòi là « Đông Pháp ». Như tờ « Thanh niên Thê-Thao » dưới sự bảo trợ của Thiếu-tá Ducouroy chỉ còn có hai chữ « Thanh Niên » và cũng có bài chống Pháp. Anh em ký giả cũng có người mang tên Nhựt bôn và cổ động um sùm cho Phong trào Đại-Đông-Á.

Người ta chuẩn bị rước cụ Cường-Đề rồi người ta không rước nữa vì không thấy cụ về.

MỘT ĐỜI NGƯỜI

Người ta đồn rùm lên rằng ông Nguyễn-văn-Sâm sẽ ra Huế lãnh chức Khâm-Sai cho miền Nam nước Việt. Nhưng chờ mãi chẳng thấy ông đi. Rồi tới khi ông vừa ra đi thì Bảo Đại từ ngôi không muốn làm vua một nước nô lệ để được làm dân một nước tự-do.

Cả tôi lá cờ cũng thay đổi liên liên. Tôi vừa mua lá cờ này thì cách hai ngày sau nó lại bị lá cờ khác thay thế.

★

Trong một hoàn cảnh náo nhiệt ồn-ào, đầy mâu thuẫn và đầy dục vọng, con người khó giữ vững lòng mình.

Tôi như người lạc lõng trong một phiên chợ có nhiều món hàng lạ mắt, có nhiều tiếng nói lạ tai, có nhiều hoạt cảnh làm cho mình phải lưu ý. Tôi cũng lảng-xãng chạy bôn, chạy hết chỗ này tới chỗ khác, gặp hết người nọ tới người kia nhưng rốt cuộc rồi cũng chẳng biết hướng vào đâu mà đi và phải làm gì để phục - vụ đất nước.

Trong khi đó thì ông Tỉnh-trưởng Tân-Bình mời tôi họp-tác

đề-tô-chức những buổi diễn-thuyết nhằm tu-bổ trí-thức và kêu gọi lòng ái quốc của đồng-bào. Tôi nghĩ tới Huyện Tân-Bình cũ ở Gia-dịnh là nơi phát-tích những danh nhân và thấy lúc này chỉ nên đào sâu lịch sử, núp mình dưới bóng tô-tiên để khỏi phải bận lòng vì những trò dâu biền và những ấm-lạnh của tình đời.

Ông Tỉnh-trưởng mượn cho tôi một trường học Huế-Kiều ở gần nhà để làm nơi họp bạn mỗi chiều thứ bảy.

Tôi đặt tên là « Tân-bình học-xá » và mời các bạn của tôi lần-lượt đăng đàn để nói những câu-chuyện văn-chương hay lịch - sử mà chẳng nên nói chấp-trị. Tôi nhớ rằng tôi đã mời được anh Ngô quang Lý, anh Nguyễn văn Cồn, anh Trúc-Chi, chị Đào phi Phụng và cả một gánh hát cải-lương đến để diễn một đoạn tuồng lịch-sử. Học xá được đồng-bào chiếu cố và hoan nghinh nhưng chính cái nhiệt độ của hoan-nghinh đó đã thúc giục diễn giả từ địa hạt văn-chương, lịch sử chạy qua địa hạt chính trị và rồi « Tân-Bình Học xá » cũng nháng lửa như tất-cả các nơi theo sức mạnh truyền-

nhằm chung và theo một qui-luật chung.

Tôi không thích sự tiến triển như thế nhưng bị phong trào lôi cuốn, chính tôi cũng hết cường nổi mà rồi, cũng đành nhắm mắt đưa chun. Để xem thời cuộc xoay vần đến đâu. Thời cuộc xoay vần đến sự thất trận của phe Trục, đến sự đầu hàng của Phù-Tang, đến sự V.M. cướp chính-quyền, đến Cách mạng tháng Tám, đến sự tan vỡ của tháp Ngà và chấm dứt đời sống yên-đàn của tôi.

★

IV

THIỆT-HÁN-TỬ

TÔI có người bạn thân làm ở sở Vô Tuyến - Điện. Anh cùng tuổi với tôi và cũng có nhà ở Gia Định. Anh không phải là một bạn văn chương nhưng là người thích văn chương và cũng có bút hiệu là Thiệt-Hán-Tử. Mặt anh đen mà anh muốn thành mặt sắt đen vì nên anh lấy tên Thiệt-Hán.

Thiệt-Hán rất trung thành với

bạn. Mỗi khi có một biến cố xảy đến cho tôi là luôn luôn có anh ở bên cạnh để giúp đỡ, để an ủi và có những trường hợp anh đã khóc mùi mẫn về một gia biến của tôi.

Trong đời công chức anh ưa xin đòi đi xa để viết cả tập ký sự đem về rồi bỏ mất. Anh đã tình nguyện đi công tác ở một cù lao hẻo lánh tại Vịnh Xiêm-La. Anh đã xung phong đi phục vụ ở Tây-Sa quần đảo, bị Nhật-Bồn bắt nhốt rồi đuổi về Saigon cùng với viên xếp lầy của anh.

Anh đã từng lên võ đài ở Hội chợ, đi cá ngựa thua hết tiền và ưa nhậu say rồi ôm nhau mà khóc.

Anh gan lắm. Không việc gì cậy tới anh mà anh từ chối. Nhưng nhờ mười anh chỉ làm được một với hai.

Tôi thương anh, coi anh như ruột thịt trong nhà nhưng không mấy tín nhiệm. Vậy mà đột nhiên thấy anh thành một người quan trọng.

Sau ngày Nhật đầu hàng, anh ghé nhà tôi thường hơn nhưng không bao giờ ghé lâu. Anh rủ tôi đi hội họp với anh nhưng tôi

từ khước không chịu đi. Anh cho tôi biết những tin tức chưa ai biết và nhiều khi đem truyền đơn dán ngay trước cửa nhà tôi.

Tôi hỏi anh có phải V. M. không thì anh chỉ cười mà không nói. Rồi anh khuyên tôi gia nhập Thanh Niên Tiền Phong. Rồi anh bảo tôi phải tản cư gấp. Trên đường tản cư tôi còn gặp lại anh lần chót mặc quân phục, mang súng sáu, ngồi xe hơi với mấy chiếc máy radio chạy miết. Gặp tôi anh nói « Chà chớp sắp tấn công. Tao đi, nghe mầy ».

Nghề nói chuyện đó anh đi tuốt ra Hà Nội rồi được lệnh trở vào công tác ở trong Nam. Anh làm trưởng khoa VTĐ khu VIII rồi làm trưởng khoa VTĐ bộ Tư Lệnh Nam Bộ và là người thân tín của Nguyễn-Bình. Lúc này anh đã có tên kháng chiến là Hoàng Phong.

Năm 1949, tôi về khu thăm anh thì anh ở Đồng Tháp Mười. Năm 1950 tôi còn gặp anh ở miền Tây.

Được ít lâu nghe tin anh thuyên chuyển lên miền Đông rồi tới năm 1952 thì anh trở về thành, bị giam giữ một thời gian

rồi trở lại làm việc ở sở cũ.

Năm 1955, anh qua ngành Công-An, phụ trách Tuyên-Huấn và tổ chức các khóa Huấn-Chính ở các Trung-Tâm.

Anh đã xin phép về Đê-Lao Gia-Định thăm tôi và khi tôi ở Trung-Tâm Thủ-Đức thì lại gặp anh lên công tác. Anh đã cung cấp cho tôi nhiều tài liệu về cái án « nhân văn » và phong trào đối lập của văn nghệ sĩ miền Bắc.

Hồi trước anh say mê Cộng-Sản bao nhiêu thì bây giờ anh tố cộng cũng hăng say như thế. Khi anh say mê thì tôi hờ hững. Nay anh tố cộng thì tôi cũng lại được làm thánh giả của anh.

Dẫu sao tôi cũng không thể quên được ông bạn Thiệt-Hán của tôi. Anh chưa chết mà như một bóng ma mỗi khi tôi hú là ảnh hiện hồn về phò hộ. Dẫu chỉ là phò hộ bằng tình cảm và tinh thần thì sự phò hộ đó cũng vẫn là giá trị.

Trong những hồi lộn xộn của những ngày sắp nổ súng anh đã dẫn dắt tôi từ cái Tháp-Ngà sụp đổ ra tiếp xúc với những cảnh khói lửa mịt mù để rồi còn đi sâu hơn chút nữa vào cuộc chiến đấu chung của dân tộc.

(Còn nữa)



Đại Sử Việt - Nam

đầu tiên tại Pháp triều,

một cậu bé 8 tuổi :

NGUYỄN - PHÚC - CẢNH



VUA Pháp Louis XVI vừa nhận được một bức thư khiến cho Vua, Hoàng - hậu, và cả Triều-thần ngạc nhiên vô cùng.

Bức thư do Bá-tước Conway, thống-đốc Pháp ở thành phố nhượng-địa Pondichéry (Ấn-Độ) gửi sang, báo một tin quan trọng : « ở xứ Nam-Kỳ có một ông vua An-Nam tên là Nguyễn-Ánh đang bị giặc Tây-Son đánh đuổi. Vua An-Nam có nhờ một vị Giám-mục Pháp tên là Pigneau de Bé-haine, Evêque d'Adran, qua cầu cứu vua Louis XVI. Nguyễn-Ánh có gửi một Đại-Sứ, là con trai lớn của ông, tên là Hoàng-tử Nguyễn-phúc-Cảnh, cùng đi với Giám-Mục, có đem theo một bức thư của Vua An-Nam gửi vua nước Pháp, và nhiều đồ lễ vật quý báu. Vậy Bá - tước trình cho vua Louis XVI biết và đọi lệnh Vua, trước khi cho phái đoàn Đại-sứ Nam-Kỳ sang Pháp».

Louis XVI đọc thư xong, trao cho Hoàng-hậu Marie Antoinette xem. Hoàng-Hậu ngạc nhiên hỏi :

— Xứ An-Nam này ở đâu ?

Bá - tước Montmorin, tổng-trưởng bộ Hải-Quân, đáp :

— Tàu Hoàng-Hậu, xứ An-Nam ở Cochinchine, gần xứ Ấn-Độ.

Bá-tước Montmorin nói tiếp :

— Nước Pháp đang có một kẻ thù ghê gớm ở bên cạnh mình, đó là nước Anh. Và lại tình hình tài-chánh của nước Pháp hiện đang

quệ kiệt. Xứ Nam-Kỳ ở xa lắc xa lơ, nếu Bệ-Hạ đem quân sang giúp vua xứ ấy, tất nhiên sẽ tốn kém nhiều lắm. Vậy thần xin Bệ-Hạ từ khước lời cầu cứu của Nguyễn-Ánh.

Nhưng Giám-mục Pigneau de Béhaine gửi thư sang Pháp, ca tụng nước An - Nam giàu có mênh mông, tài sản có rất nhiều nhưng dân chúng còn ở trình độ thấp kém, chưa khai khẩn gì được. Và chẳng quân Tây-Son có người Bồ-đào-Nha giúp súng đạn, có ý lợi dụng tình thế chiến tranh để sau này làm bá chủ xứ An - Nam. Người Nhật - Bản, người Et-pa-Nhôn, người Ăng-lê, cũng lắm le muốn thuộc-địa

* TÂN-PHONG

hóa xứ Đổng-Kinh (Tonquin) tức là Bắc-Kỳ, xứ này cũng là kẻ thù của Nam-Kỳ, vì Bắc-Kỳ và Nam-Kỳ là cùng một nước bị nội chiến chia xẻ làm hai. Vậy nước Pháp nên giúp vua Nguyễn-Ánh mau mau để có chun đứng trên đất An-Nam quốc.

Xem bức thư thứ hai này của vị Giám-Mục, vua Louis XVI vẫn còn dằn dà, và đọi ý kiến của Hoàng-hậu.

Marie Antoinette khuyên chồng nên tiếp phái đoàn An-Nam rồi sẽ định-liệu sau.

Được tin, ngày 27 tháng 10



Hoàng-tử Nguyễn-phúc-Cảnh 8 tuổi, ở điện Versailles, mặc Triều-phục do người thợ may của Hoàng-hậu Marie Antoinette may cho, dung-hòa hai kiểu áo Pháp và Việt.

năm 1786, ba năm trước cuộc Cách mạng Pháp bùng nổ, Giám mục Pigneau de Béhaine cùng với Hoàng-tử Nguyễn-phúc-Cảnh, con trai lớn của Nguyễn-phúc-Ánh, lúc bấy giờ mới được 8 tuổi, lên một chiếc tàu của Pháp ở Ấn-Độ, tên là tàu *Aréthuse*, trực chỉ sang Pháp-quốc.

Ngoài Giám-mục và Hoàng-tử, phái đoàn cầu viện của An-Nam còn có hai vị quan hầu của Hoàng-tử và 36 người lính tùy tùng.

Bốn tháng sau, ngày 4 tháng 2, năm 1787, tàu *Aréthuse* kéo cờ hoa Huệ (cờ hiệu của Pháp vương), cập bến Lorient, một hải cảng Pháp ở Đại-tây-Dương, sau khi đi vòng qua mũi Bonne-Espérance ở Nam-cực Phi-Châu.

Ngày 5, tức là ngay ngày hôm sau, một chiếc xe song mã đưa vị «hoàng-tử Nam-kỳ bé con» (Le petit Prince de Cochinchine) lên kinh thành Versailles. Ba hôm sau, Hoàng-tử được chính thức vào Pháp triều, chào vua Louis XVI và Hoàng-hậu Marie Antoinette. «Cậu bé con Nam-Kỳ» rất hổ ngộ, vì lần đầu tiên được ra mắt một Triều-đình ngoại-quốc mà không có một người nào nói tiếng Việt-Nam cả. Hoàng-tử thì mới học chút ít tiếng Pháp với Giám-mục Pigneau de Béhaine nên không nói được và cũng không hiểu được mấy.

Nhưng Hoàng-tử trẻ tuổi có diện mạo khôi ngô, tuấn tú, và tinh nét hiền lành, nên được tất cả triều thần cùng vua và Hoàng-hậu thương mến. Hoàng-tử lại được giới thiệu với con trai của vua Louis XVI, là Thái-tử LOUIS JOSEPH XAVIER FRANÇOIS cũng trạc tuổi với Hoàng-tử Cảnh. Lần lần hai cậu bé chơi thân với nhau lắm và đùa giỡn với nhau cả ngày trong vườn ngự uyển Versailles. Lúc bấy giờ nhà văn-sĩ danh tiếng của Pháp, BERNARDIN DESAINT-PIERRE, cũng vừa mới xuất bản cuốn tiểu thuyết *Paul et Virginie* rất được công chúng hoan nghênh. Đó là cuốn tiểu thuyết tình cảm, lãng mạn mà hai vai chính là cậu *Paul* và cô *Virginie* là một cặp uyên ương trẻ tuổi yêu nhau tha thiết, nhưng rất đau khổ vì sự cách biệt. Chuyện *Paul* và *Virginie* làm cho cả nước Pháp cảm động. Vì vậy nên khi người ta thấy Hoàng-tử Cảnh, con một ông vua bị giặc đuổi chạy lang thang các nơi hoang đảo và Hoàng-tử mới 8 tuổi đã phải phiêu lưu ra ngoài quốc đê cầu cứu cho vua cha, thì người ta so sánh Hoàng-tử Cảnh với cậu *Paul* trong tiểu thuyết của Bernardin, cho nên Hoàng-tử Cảnh không những được triều thần Louis XVI thương mến mà cả giới văn-sĩ, thi-sĩ cũng đem



Giám-mục Pigneau de Béhaine, « Evêque d'Adran »

lòng ái mộ. Trong lúc Giám-mục Pigneau de Béhaine đem tài ngoại giao ra vận động chính phủ Louis XVI, thì Hoàng-tử Nguyễn - phúc - Cảnh đã chiếm

được cảm tình nồng nhiệt của các giới trí thức và các bà mạng phụ ở Versailles...

(Còn nữa)



14.- VI-HUYỀN ĐẮC

★ NGUYỄN-VỸ

T RÔNG trường Thanh-Niên vừa đánh ba tiếng cho học trò ra chơi, thì thầy giáo Trương-Tửu đi giày lép-cóp sang bên gác nhà tôi, tươi cười nhanh nhẩu :

— Có một ông thầu khoán sẽ đến chơi.

Tưởng Trương-Tửu nói đùa, tôi phì cười :

— Ông thầu khoán ? Họ muốn bán xi-măng cốt sắt cho tụi mình hả ?

Trương-Tửu cười sặc sụa, mặt đỏ như quả gấc :

— Một ông thầu khoán ở Hải phòng, xây dựng nhà cửa và cũng xây dựng những vở kịch nữa. Kề ra, hẳn cũng là một tay độc đáo đấy.

— Tên là gì ?

— Vi-huyền-Đắc.

— Cái tên có mùi kịch-trường lắm nhỉ !

— Cậu phải đọc những vở kịch của anh ta. Ở Việt-Nam

không có một người thứ hai như Vi-huyền-Đắc đâu.

— Anh ta đã viết những vở kịch gì ?

— Nhiều lắm. Cả kịch bằng Việt văn, cả bằng Pháp văn, đến năm sáu cuốn. Cậu phải bảo nhà sách *Nam Ký* gửi cho cậu xem.

— Một Corneille ? một Racine ? một Voltaire ?

— Không. Một Vi-huyền-Đắc.

— Tôi không quan niệm được một ông thầu khoán mà lại là kịch sĩ. Một người cả ngày chỉ có việc làm những bài toán với mấy bao xi-măng, mấy đồng gạch, mấy cái bù-lon, bao nhiêu thước đá và thước cây, thì làm sao có được tinh thần nghệ sĩ để viết những vở kịch nhỉ ?

— Vi-huyền-Đắc không phải là một nhà thầu khoán làm Kịch sĩ, mà là một Kịch sĩ làm thầu-khoán. Anh vừa xuất bản vở kịch bằng Pháp văn « *Eternels Regrets* », đem lên Hà nội biểu các bạn trong làng văn, sáng nay có gặp tớ và có bảo trưa nay sẽ đến thăm cậu và biểu cậu một quyền. Trống trường *Thanh Niên* lại

đánh ba tiếng, hết giờ chơi. Nhưng Trương Tửu không trở lại lớp học nữa. Anh đã nhờ một người bạn dạy thế.

Chúng tôi uống trà, nói chuyện về môn Kịch ở xứ ta, và ở Pháp, Anh, Ý, Đức, Nhật. Ở mấy nước kia cũng như ở nhiều nước khác, môn Kịch rất thịnh hành. Không những người soạn kịch mà cả đến những người đóng kịch có tài cũng đều được công-chúng nhiệt liệt hoan - nghênh, chính phủ trọng vọng. Còn ở xứ ta, những nhà Đại kịch sĩ của mấy thế kỷ trước đã soạn ra các tuồng hát bội danh tiếng thì không ai biết đến tên. Văn-học-sử cũng không hề nói tới.

Các người đóng kịch, thì bị mang tiếng là « xướng ca vô loại ». Hồi đầu thế kỷ XX này, do ảnh-hưởng của kịch Pháp, nước ta có PHẠM - QUỲN H - NGUYỄN - VĂN - VINH, và một đôi người nữa dịch vài ba vở bi kịch và hài kịch của Corneille và Molière, nhưng thiên về văn chương hơn là phương-diện trình diễn ... Tôi nhắc đến một kịch sĩ Pháp ở Sài Gòn là

CLAUDE BOURRIN có thí-nghiệm một ban kịch Việt Nam chuyên diễn xuất những vở kịch ngắn (*scènes*) theo loại *Vaude-villes*, nhưng cũng thất bại, vì số khán giả Việt Nam không có bao nhiêu người. Và lại các kịch ngắn của Claude Bourrin tuy diễn bằng tiếng Việt, nhưng cũng chỉ mới là những hài kịch ngắn soạn bằng tiếng Pháp. Kể về kịch chân chính, đại quy mô, thì chưa có mấy ai chuyên môn. Họa chăng bây giờ mới có VI HUYỀN ĐẮC là một.

Nhưng Vi - huyền - Đắc có phải thật là một kịch sĩ tiên phong mà chúng ta mong đợi hay không ? Ông có tài nghệ dồi dào về môn kịch không ?

Chính với hy vọng thiết tha đó mà buổi trưa hôm ấy tôi vui mừng chờ đón Vi-huyền-Đắc, tuy chưa được hân hạnh biết anh.

Giữ Trương - Tửu ở lại ăn cơm với tôi nhưng Tửu phải về Gia-Lâm thăm ông cụ, tôi ngồi một mình nơi phòng khách hồi một giờ, đang xem một quyển sách, thì một người vóc cao từ

ngoài sân gác bước vào, mắt to, mũi lớn, miệng rộng, nở một nụ cười mênh mông, và tiếng nói rang rang :

— Có chủ nhân ở nhà không ?

Tôi cười đứng dậy ;

— Thưa có.

Tôi đưa tay ra bắt tay anh.

Anh vẫn cười nói tự nhiên :

— Vi-huyền-Đắc đây.

— Rất hân hạnh.

Coi bộ anh đã lớn tuổi hơn tôi, mười hay mười lăm tuổi là ít, và trông có vẻ nghệ sĩ nhiều hơn là thầu khoán lục lọi. Anh lấy một quyển « *Eternels Regrets* » đã viết sẵn mấy giòng chữ tặng tôi. Tôi bối rối không biết nói câu gì đề cảm ơn anh, vì mới lần đầu tiên quen nhau anh đã có hảo ý biểu tôi một quyển thuộc về loại sách đẹp, in trên giấy bouffant đắt tiền và ấn loát rất có mỹ thuật.

Chúng tôi nói chuyện rất lâu về môn kịch, và tôi cảm thấy rõ rệt là anh Vi-huyền-Đắc có rất nhiều triền vọng về môn sở trường của anh.

Vở kịch *Eternels Regrets* đã chiếm được giải thưởng danh dự

của Hàn-Lâm-Viện Nice, một giải thưởng xứng đáng, vì với quyền ấy Vi-huyền-Đắc đã tỏ ra là một nhà kịch sĩ có thiên tài. Kịch này sắp trình diễn ở Paris năm 1939 thì chiến tranh bùng nổ. Đề tài là cuộc tình duyên gay gắt của An-Lộc-Son với nàng Dương-quý-Phi.

Sau đó tôi có xem ba vở kịch khác của anh: *Cô Giáo Minh, Uyên-Uông, Thành-Cát Tư-Hân*, mà giá trị về văn chương cũng như về nghệ thuật kịch trường đã đạt đến một mức tinh vi hoàn hảo. Theo thiên-ý của tôi, những vở kịch của Vi huyền Đắc đều có thể dịch ra ngoại ngữ và trình diễn trên sân khấu ngoại-quốc.

Buổi gặp gỡ anh Vi huyền-Đắc cho tôi được rất nhiều hy-vọng, và sau đó tôi có viết hai bài bằng Pháp văn trong báo *La Patrie Annamite* và *Le Cygne* đề giới thiệu anh và quyền *Eternels Regrets*. Một người Tiệp-khắc có Pháp tịch và rất thông thạo Việt ngữ, — làm cả thơ chữ Việt nữa, — lúc bấy giờ làm Chánh lục sự ở Tòa án Hải phòng, tên là Edmond Chodzko, quen với tôi từ ba bốn năm về trước, có tỏ ý

với tôi là ông muốn gặp anh Vi huyền-Đắc. Tôi có cho địa chỉ của anh, nhưng không biết về sau hai người có gặp nhau không. Ông Edmond Chodzko muốn đem các vở kịch của Vi huyền Đắc qua trình diễn ở Paris và Prague.

Rất tiếc vì bận công việc riêng của mỗi người, chúng tôi không có nhiều dịp gặp nhau. Chỉ có một lần Trương Tửu và tôi đi Hải phòng, đến thăm anh Vi huyền Đắc tại biệt thự của anh ở bến Hạ Lý. Anh đang bận công việc thầu-khoán ở đầu gần đó, chúng tôi ngồi phòng khách chờ một lúc. người nhà đi mời anh về.

Cuộc hội kiến này rất là vui vẻ thân mật, anh Vi huyền Đắc giữ ở lại chơi khá lâu, nhưng tiếc thay, từ đó chúng tôi không có cơ hội tiếp-xúc với nhau nữa.

Mãi sau đình chiến và thỏa hiệp Genève, tôi mới được biết anh Vi huyền Đắc di cư vào Sài-gòn.

Tôi chạy đi kiếm anh. Gần 20 năm xa cách, được gặp lại anh, tôi hồi hộp sung sướng muốn khóc lên. Vẫn với cặp mắt thông-minh to lớn ấy, hai lỗ mũi bự ấy, cái

miệng rộng ấy, anh mừng rỡ đón tôi với một tiếng cười mênh-mông rang rang.

Anh ở một căn nhà tĩnh mịch, mà anh đặt tên là HOÀNG-MAI HIÊN, giữa một cảnh trí nên thơ ở miệt Ngã - Năm Bình - Hòa, ngoại ô Gia-Định. Chỉ có hai vợ chồng, với một u già. Bao nhiêu cơ đồ sự-nghiệp ở Hải phòng đều bỏ lại đất Bắc hết. Anh chị vào đây với hai bàn tay trắng. Bao nhiêu sách quý của anh, và các bản thảo, cả những tác phẩm của anh đã xuất bản hồi tiền chiến, đều bị mất sạch. Bây giờ chị đi dạy học, và chị là một cô giáo rất được học trò quý mến, còn anh thì ở nhà dịch tiểu thuyết Tàu cho vào tờ báo, sống cuộc đời nhà-văn thanh cao yên tịnh.

Viết đến đây, tôi không khỏi bồi ngùi về thân thế và sự nghiệp văn chương của một nhà kịch sĩ có thiên tài.

Trong lúc ở ngoại quốc, nhất là ở các nước mà trình độ văn hóa của công chúng đi theo kịp lịch sử tiến triển mãnh liệt của Văn-học, các nhà kịch sĩ đang đưa lên sân khấu những sản phẩm vô cùng sôi nổi, ảnh hưởng lớn lao trong Quần - chúng, thì ở nước Việt-Nam một nhà kịch sĩ có rất nhiều khả năng, nghệ thuật điêu

luyện tinh vi, dành xếp các vở kịch một bên, đề dịch các tiểu thuyết Tàu cho qua ngày qua tháng.

Sân khấu thì để dành cho một số tuồng cải lương đề tài nhảm nhí, ý tưởng nghèo nàn, nghệ thuật hồ lổn, văn chương sơ đẳng. Một Năm-Châu, một Đình-xuân-Hòa, dù có đầy đủ khả-năng và thiện chí, cũng đành phải chạy theo sau lớp tuồng vọng cổ.

Một Vi-huyền-Đắc có thiên tài nhưng không có phương tiện, không có hoàn cảnh, làm sao xây dựng được một kịch trường xứng đáng với dân tộc nghìn năm văn hiến, để hành diện với kịch trường Quốc-tế?

Tôi đã nhiều lần trình bày riêng một vài đề nghị với anh Vi-huyền-Đắc và anh Đình-xuân-Hòa, nay tôi xin phép nhắc lại: các anh có thể nào CỘNG TÁC với nhau để gây ra một phong trào Kịch trường, mới mẻ, tiến bộ, phấn khởi, đề xúc tiến mãnh liệt và rộng lớn nghệ thuật Kịch trường Việt-Nam không? Vì giá trị và danh dự của Văn-Hóa Việt-Nam trước Văn-Hóa ngoại quốc, tôi thiết tha mong mỗi có sự cộng tác ấy.

N. V.



Không Minh

★ NG-QUANG-LỤC

(Tiếp theo P.T. số 22)

Nhưng bọn "tù thời" bán nước này. Chẳng biết lúc vắng vẻ, tay đặt lên bụng lòng lại hồi lòng, có thấy cam lòng chí sĩ?

Còn cụ Đình Nguyên Phan đình Phùng trái lại gặp gỡ vua Hàm Nghi mà phất cờ Cần Vương, chịu suốt một đời gian lao khổ sở. Thực ra chính ở nơi ấy cụ đã thỏa được chí hào kiệt, cái chết còn dễ tiếng thơm vào hậu thế.

Kẻ sĩ đã đặt mình vào lịch sử phải nên ngẫm nghĩ lắm vậy!

1) KHÔNG-MINH VỚI LƯU-KỶ

Con trưởng Lưu-Biêu là Kỳ cũng trong đất Lương. Biểu yêu người vợ sau, lời vợ

nói đều nghe theo cả, vì vậy yêu con thứ của vợ sau tên là Tông mà sinh ghét Kỳ.

Mỗi khi Kỳ muốn nhờ Lương nghĩ cho thuật tự an toàn, thì Lương cứ nín thinh không chịu nói, và không chịu vẽ cho một mưu kế gì cả. Kỳ liền rủ Lương ra chơi thăm cảnh hậu viên. Hai người cùng lên lầu cao yến ẩm. Uống rượu nửa chừng, Kỳ ngầm sai người cắt thang xuống lầu, nhân đấy bảo Lương rằng:

— Ngày nay trên thì không tới trời, dưới thì không tới đất, lời nói ở miệng tiên sinh ra chỉ lọt vào tai tôi xin tiên sinh chỉ bảo cho.

Lương đáp:

— Công tử không biết chuyện Thân sinh ở trong thì bị nguy, Trùng - Nhi ở ngoài thì được yên ổn đó sao?

Kỳ bỗng nhiên tỉnh ngộ rất lấy làm cảm kích, liền nghĩ kế thoát thân.

Gặp bấy giờ Hoàng tồ chết, Kỳ nhân đấy được ra làm thái thú Giang hạ (vì vậy khi Biểu chết, Kỳ không bị bè đảng Tông hãm hại).

2) KHÔNG-MINH VÀ TỪ-THỨ

Bỗng nhiên, Biểu bị bệnh nặng rồi chết. Tông nghe Tào công đem quân đến đánh nên sai sứ đến xin hàng.

Bấy giờ Tiên chủ ở Phàn thành nghe được tin ấy, liền đem quân về Nam. Lương và Từ Thứ cùng theo Tiên chủ.

Tào công đánh phá miền Nam bắt được mẹ Từ-Thứ.

Thứ phải biệt Tiên Chủ trở vào bụng mà nói rằng:

— Bản tâm tôi muốn cùng tướng quân mưu đồ nghiệp Vương. Bá một tác lòng thành ước ao như vậy. Bấy giờ đã mất mẹ già. Tác lòng thành đã hoang loạn rồi vì thế vô ích, không còn mưu sự gì được nữa.

Xin từ nay vĩnh biệt tướng quân. Nói rồi về với Tào Công.

Theo Chính sử đây thì Từ Thứ đến giới thiệu ngay Chư Cát Lương, hai người cùng giúp Lưu Bị. Vì Tào Tháo bắt mẹ mà người con hiếu thảo này phải biệt tri kỷ ra đi. Nhưng T. Q.

C. D. N. lại cho Không Minh đến khi Từ Thứ đã về Tào. Đây xin dịch một đoạn « Chia tay tri kỷ » trong T.Q.C.D.N. giữa Lưu Bị và Từ Thứ cũng là hứng thú.

— « Sau khi Từ Thứ đọc thư mẹ (thư già), nước mắt chảy ra như suối, cầm thư lại yết kiến Huyền Đức mà nói rằng :

— « Tôi vốn người Dĩnh Xuyên, tên là Từ Thứ tự là Nguyên Trực. Vì phải trốn nạn mới đổi họ tên là Đan Phúc. (Chỗ này ngược lại chánh sử). Trước kia tôi đã nghe nói Lưu-cánh-Thăng là người chiêu hiền nạp sĩ, có đến yết kiến. Đến khi luận bàn thế sự, tôi mới biết là người vô dụng, nên đã về nhà thư từ biệt. Đêm nọ đến nhà Tư mã Thủy Kính nói lại việc ấy, Thủy Kính thăm trách tôi không biết tìm chủ, nhân mách tôi Lưu dự Châu ở đây nên đến mà thờ. Bởi vậy, Thứ tôi mới lấy câu hát nghêu ngao đề động tại sứ quân, may đội ơn không nở bỏ, lại được trọng dụng. Bây giờ lão mẫu mắc kế gian ác của Tào-Tháo, bị bắt

« đưa về bỏ ngục ở Hứa Xương, Ý muốn hãm hại. Mẹ già tôi tự tay viết thư gọi tôi về. Thứ tôi không thể đừng không đi được.

« Không phải Thứ tôi không cố sức khuyến mã đề báo đáp sứ quân. Ngặt vì từ thân bị bắt không còn tận lực được nữa.

« Nay cáo biệt sứ quân, ước ao có ngày hội ngộ về sau, vì sứ quân mưu đồ sự nghiệp.

« Huyền Đức nghe nói khác lớn mà rằng :

— « Tình mẹ con là tình thiên nhiên tối trọng. Xin Nguyên-Trực chớ nghĩ đến Bị này. Đợi để được cùng Lão phu nhân tương kiến, rồi sau hoặc lại được nghe lời chỉ giáo chăng ?

« Rồi Từ-Thứ bái tạ muốn đi ngay.

« Huyền Đức nói :
— Xin cho đoàn tụ một đêm, đến sáng mai được tiến hành.
« Tôn-Càn mật bảo Huyền Đức :

— « Nguyên Trực là kỳ tài thiên hạ, đã ở lâu Tân dã, đã biết rõ hư thực quân ta, nay để cho về với Tào-Tháo tất

« nhiên được trọng dụng thì ta « nguy lắm. Chúa công nên cần « khoản lưu lại, chớ nên đề cho « đi. Tháo thấy Nguyên-Trực « không đến, tất chém mẹ. Nguyên « Trực thấy mẹ chết tất vì mẹ « báo thù hết sức đánh Tháo.

« Huyền Đức nói :

«— Không nên, để cho người « giết mẹ mà ta dùng con là bất « nhân. Lưu người ta ở lại để « đoạn tình mẫu tử của người ta « thì bất nghĩa. Ta đành chịu « chết không chịu làm điều bất « nhân bất nghĩa (xử nhân sát « kỳ mẫu nhi ngô dụng kỳ tử, « bất nhân dã, lưu chi bất xử, « khứ dĩ tuyệt kỳ tử, mẫu chi « đạo, bất nghĩa dã, ngô minh « tử, vi bất nhân nghĩa chi sự).

« Mọi người nghe nói đều cảm « động thán tán Huyền-Đức mời « Từ Thứ uống rượu. Thứ nói :
— « Nay nghe tin lão mẫu bị « giam ngục, dù nay có kim ba « ngọc dịch, tôi cũng không sao « nuốt được.

« Huyền Đức nói :

— « Bị này nghe tin tiên sinh « đi, như mất cánh tay tả hữu.

« Dù nay có gan rồng tủy « phượng cũng không thể lấy « làm ngon.

« Hai người cùng nhìn nhau « mà khóc, cùng ngồi cho mãi « tới sáng. Chư tướng đã bày « tiệc tiễn hành ở ngoài thành.
« Huyền Đức cùng Từ Thứ lên « ngựa đi ra.

« Đến tràng đình, hai người « cùng xuống ngựa từ biệt.

« Huyền Đức nâng chén rượu « bảo Từ Thứ :

«— Bị này duyên mỏng phận bạc « không được cùng tiên sinh tụ « hội. Mong tiên sinh khước thờ « chủ mới để thành công danh.

« Thứ khóc nói rằng :

— « Tôi tài hèn trí mọn, may « được sứ quân trọng dụng nay « chẳng may nữa đường phải « biệt thật vì lão mẫu. Trúng sứ « Tào Tháo có bức, Thứ này « trọn đời cũng không bày một « mưu kế gì giúp giặc.

« Huyền Đức nói :

— « Tiên sinh đã đi, Bị này « cũng đành tìm chốn sơn lâm « ẩn tích mai danh mà thôi. hứ « nói : — Tôi sở dĩ cùng sứ « quân mưu đồ nghiệp vương bá là « nhờ ở tắc lọng này. Nay mẹ « già mắc nạn, tắc lọng loạn rồi.

« Nếu còn ở lại cũng vô ích mà thôi, không còn làm được việc gì nữa. (Mồ sở dĩ dư sử quân cộng đồ Vương Bá chí nghiệp giả, thị thử Phương Thốn nhĩ, kim dĩ lão mẫu chi cố, Phương thốn loan hỷ tưng sử, tại thử, vô ích u sự) Xin sử quân cầu người cao hiểu giúp dập, đề cùng mưu đồ nghiệp lớn hà tất phải lòng lạnh trở tàn như vậy ? »

Huyền Đức nói :

— Cao hiền thiên hạ không còn ai bằng tiên sinh nữa.

Thứ nói :

— Tài tôi tầm thường như cây vu, cây lịch, có đâu dám nhận lời khen.

Lúc gần đi còn ngoảnh lại bảo chư tướng rằng :

— Xin chư tướng thờ Sứ quân cho trọn đạo để được tên ghi trúc bạch, công rạng sử xanh, chớ bắt chước Thứ này không có thủy chung.

Các tướng không ai là không thương cảm Huyền - Đức không nỡ chia ly. Tiến một quãng đường, rồi lại tiến thêm quãng nữa, Thứ tự tự :

— Chẳng dám phiền sứ quân khó

nhọc. Từ nay Thứ xin cáo biệt.

Lưu Bị ngồi trên mình ngựa còn cầm tay Thứ :

— Bây giờ Tiên-sinh đi, mỗi người một phương biết đến bao giờ hội ngộ.

Nói xong nước mắt chảy xuống như mưa. Thứ cũng nhỏ lệ từ biệt. Huyền-Đức dừng ngựa bên rừng, nhìn theo Thứ Thứ cùng kẻ từng già hấp tấp ra đi.

Huyền Đức khóc nói :

— Nguyên-Trực đi rồi, ta biết tính sao đây, rồi rưng rưng nước mắt nom theo.

Có một rừng tre che khuất.

Đức nói : « — Ta muốn chặt nhãn rừng kia »...

Nhà tiểu thuyết T.Q.C.D.N. tả cuộc chia ly này rất đậm đà. Nếu đặt vai Không Minh vào đây nữa thì kém hào hứng, âu đó cũng là dụng ý của văn-sĩ bắt chắp cả sử liệu.

Sách Ngự lược chép : “ Thứ trước tên là Phúc, vốn họ Đan. Lúc thiếu thời thích đánh kiếm làm việc nghĩa hiệp. Cuối năm niên hiệu trung bình vì một người khác báo thù, phải rạch mặt bù đầu trốn tránh, chẳng may gặp bọn nha lại bắt được. Chúng hỏi

tên, cứng miệng không nói được. Chúng bèn chúi vào cái cột trên xe, đánh trống đem bêu ở chợ, sau đảng nghĩa hiệp đánh tháo cho được thoát. Từ bấy giờ cảm-kích mà bỏ nghề đao kiếm, ăn mặc xoàn xĩnh, nhất tâm cầu học. Những học trò nghe tin Thứ làm giặc nên không ai thèm chơi với. Phúc phải hạ mình, sáng dậy sớm quét dọn một mực nhún nhận, dốc chí học kinh nghiệp. Nghĩa lý tinh thực, được cùng người đồng quận là Thạch Thao rất mực thân ái. Năm đầu bình trung, trung-châu bình biển, Phúc cùng Thao xuống Nam làm khách ở Kinh-châu. Cuộc giao tình của hai người cùng Chư Các Lượng rất là thân thiện.

Khi Không Minh và Lưu Bị phải từ Kinh châu cắt chân đi, Phúc và Thao cùng về Bắc. Đến giữa năm hoàng sơ, Thao làm quan tới chức Quận thú, điền nông hiệu úy. Phúc làm tới hữu trung lang tướng. ngự sử trung-thừa.

Đến giữa năm đại hòa, Chư Cát Lượng ra Lũng hữu nghe nói Nguyên Trực và Quảng Nguyên đã làm quan cao chức trọng như vậy, than rằng :

— Đất Ngụy thật nhiều kẻ sĩ, sao hai người ấy lại không làm quan ở đây được nhỉ ?

Một vài năm sau Thứ Thứ bị bệnh chết, có dựng bia ghi công đức tại Bành thành, bia ấy hiện nay hãy còn.

Lời bàn của Dịch giả

Lưu Kỳ đối với Không Minh là chỗ sơ giao, mà Kỳ lại hỏi về câu chuyện mật thiết gia đình, trong khi ấy thì chính Lưu Bị và Không Minh là hai kẻ đương ở nhờ trong phạm vi gia đình ấy. Được lòng bên Kỳ tất mất lòng bên Tông, rồi chính vì đó mà thân mình cũng khó an toàn được. Hiềm tể nhị, cái lẽ thân sơ ấy mà Không Minh hết sức giữ gìn ý tứ.

Nhưng khi Không Minh đã hiểu lòng thành khẩn của Lưu Kỳ, bấy giờ ông mới chịu chỉ rõ kế hoạch cho trong một nơi rất là kín đáo.

Không Minh đã an toàn được cho Lưu Kỳ. Chính cũng vì Lưu Kỳ, còn giữ được một miếng đất nhỏ Giang-hà mà về sau này Lưu Bị mới dựng nghiệp được dễ dàng.

Còn Thứ-Thứ với Không-Minh.

Chúng tôi xem T.Q.C.D.N. thấy Từ Thứ khi phải ra đi mới chịu giới thiệu Không Minh, cuộc giới thiệu chỉ xảy ra trong chỗ tình cờ nhớ lại.

Vấn hay vì tình hiếu tử, Từ Thứ có thể hối rối tâm can nhưng cuộc giới thiệu người hiền tài không phải là không trọng đại. Hưởng chi người ấy lại là người bạn thân của Nguyên Trục.

Trong cuộc hành văn, nhà tiểu thuyết đã bố trí thành chiến thuật. Trước hết hãy cho vai trò Từ Thứ ra vùng vẫy trên sân khấu. Rồi phút chót vai trò ấy xóa mờ đi để vai trò Không Minh thay thế. Màn đời cảnh, nhà tiểu thuyết đã khéo tạo cho rất « rặt gân ».

Từ Thứ đã từ Huyền Đức ra đi, đã khuất bóng ở một giải rừng xa. Huyền Đức đã nom theo ngậm ngùi luyến tiếc.

Bỗng Từ Thứ quay đầu ngựa trở lại. Ai chẳng hồi hộp mong đợi. Người ta đoán rằng Nguyên Trục đã dứt ý về Tào, và đã quyết tâm quay về cùng hiền chúa. Không phải Từ Thứ phải

quay về ngựa chỉ vì quên giới thiệu Không Minh.

Cứ theo T.Q.C.D.N. ta có kích thích về việc Từ Thứ qui Tào, thì ta cũng phải bực mình về sự sơ tâm của Từ Thứ đối với Không Minh.

Một người trung tín tiết tháo như Nguyên Trục, lẽ nào lại vô tâm với bạn cố giao làm vậy ?

Thực ra cứ theo chính sử thì tình bằng hữu của Từ Thứ đối với Không Minh không khác gì tình Quân Báo.

Chúng ta đã được chiêm nghiệm tình bằng hữu thời chiến Quốc giữa Bàng Quyên và Tôn Tàn, giữa Tôn Tàn và Trương Nghi. Một đảng tình bạn quá bạc đen tàn nhẫn, một đảng tình bạn ngập sâu vào miếng dính chung. Bọn mưu sĩ đời chiến quốc học mưu thuật của Vương Hủ (Quý Cốc Tử) là một pháp gia chỉ cần quý quyết đối với đời. Muốn thi hành chí hướng, họ bất chấp cả tín nghĩa và liêm sỉ.

Nhưng tình « kim-lan » cao cả bao giờ cũng vượt lên trên chỗ nhỏ nhen của tình đời và người quân tử không hề bao giờ bị ám mờ lương trí trong tình bạn.

Ở đây ta thấy Từ Thứ có cả một tấm lòng vàng đối với Không Minh. Tài có lẽ Từ Thứ kém Không Minh thật. Nhưng tình bạn của Từ Thứ đối với Không Minh khác nào tình mẫu tử bao bọc.

Từ Thứ tự đến tìm Tiên chủ để giúp khi được giúp kiến giới thiệu ngay Không Minh, biểu dương tài quân thế của người đồng học muốn nâng cao giá trị bạn, ông đã bảo Tiên chủ :

— Người ấy có thể yết kiến được, không thể khuất phục được, Tướng quân nên uốn mình hạ giá đến thăm. (Thử nhân khả trụ kiến bất khả khuất tri dã, tướng quân nghi nông giá cố chi).

Tiên chủ phải ba lần hạ cố tới cầu tranh, mới mời được Không Minh. Đối với Không-Minh, tiên chủ rất mực đậm thâm.

— Ta được gặp mặt Không-Minh như cá gặp nước. Hai người cùng thờ một chúa, Từ Thứ đã nhìn thấy người đến sau vượt hẳn quyền mình, không những ông không ghen tài mà lại còn lấy làm đặc ý.


Vì bảo rằng Từ Thứ đã đến sau Không Minh theo như lời chép trong Ngụy lược thì tình của Từ Thứ đối với Không Minh

cũng rất là tri kỷ. Từ Thứ đã làm khách Kinh Châu, đã cùng Không Minh rất là tương đắc. Khi gặp loạn lạc phải chia tay nhau, Từ Thứ phải về Tào, không được thờ Tiên chủ cũng là vì cơ hội và hoàn cảnh đó thôi.

Ở Ngụy, Nguyên Trục làm quan đến chức hữu trung lang tướng ngự sử trung thừa, ở đây ta thấy ông nhiều văn trị hóa vô công, thế dù hiểu tấm lòng của cố nhân làm vậy. Xem suốt bộ Tam quốc chí, ta không hề thấy mây may mưu mô quân sự của Nguyên Trục bày cho Tào Tháo.

Ta xem tình bạn cao quý và khảng khái ấy lòng thấy phơi phơi thanh thản. Ngoảnh lại lịch sử nước nhà cùng chỗ cố nhân lại có nghĩa đồng hương như Hoàng cao Khải và chí sĩ Phan đình Phùng. Hoàng cao Khải ham cơm ngon áo đẹp đã làm một Việt gian một mình chưa đủ, còn muốn lấy công với Pháp rủ cả chí sĩ Phan đình Phùng về làm Việt gian với mình, cái thứ tình cố nhân ấy đã để một vết nhơ vào thanh sử, một sỉ nhục cho gia phái họ Hoàng còn để bao oán vọng vào lòng quốc sĩ.

(Còn nữa)



Tao đàn
Thơ Chông

— ★ —

Nam - Thu Hòa - Khúc

Thư quý chư vị Thi hữu,

Như chúng tôi đã thưa trước, hôm nay chúng tôi dâng vài chục bài Nam Thu Hòa Khúc nữa rồi xin phép cho ngưng lại, để một số sau, sẽ mời Bạn họa những bài thơ khác.

Tuy chúng tôi chỉ đăng trên 50 bài, nhưng còn trên 50 bài nữa, của các bạn khác, cũng hay như những bài đã trình bày trên mặt báo, và tất cả sẽ in thành một tập sách nhỏ để tặng các quý

vị Nam Nữ Thi nhân, làm quà kỷ niệm của Tao đàn Phở Thông trong mùa Thu Kỷ Hợi.

Có nhiều bài SAI NIÊM LUẬT, hoặc KHÔNG THEO ĐÚNG VẦN, hoặc không ĐỐI. Chúng tôi thành thật rất tiếc không đăng được những bài ấy, nhưng chúng tôi cũng xin thân ái cảm ơn Quý Bạn đã sốt sắng, dùng chút thì giờ nhàn rỗi để góp vui với Tao Đàn. Mong lần sau Quý Bạn chú ý đến Niêm Luật của Đường Thi, nếu Quý

TAO ĐÀN PHỞ THÔNG

Bạn thích làm thơ Bất cứ theo Đường Luật.

Ngoài ra, hầu hết các bài khác đều sẽ có in trong tập Nam Thu Hòa Khúc ấn hành trong một ngày gần đây.

Một lần nữa, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn thịnh tình của tất cả Quý Bạn Thi hữu đã hoan hỷ tham gia vào Tao Đàn Phở Thông và thân kính chào Quý Bạn.
N. V.

XXXXV

Đêm lạnh buồn nghe rụng lá vàng
Lòng ta xao xuyến bước thu sang.
Ngoài hiên tí-tách mưa reo nhạc
Trong khám, vo ve muỗi gọi đàn.
Gió quỳên cành cây rung phất phới,
Trăng luồn sông sắt rọi mơ màng.
Tâm tư quẩn quẩn tình thu cũ,
Tiếc nhịp đời xáy, hóa dở dang.

VÕ-HUYỀN-TRÂN

(71 Hồ-văn-Ngà — Saigon)

XXXXVI

Trời thu bàng lãng lá thu vàng,
Ánh nắng ngày thu, xé nẻo ngàn.
Đơn lạnh cô thôn chìm bóng tối,
Chập chờn ánh lửa loé hào quang.
Xa xa dưới núi, voi rừng thét,
Văng vẳng trên đồi, tiếng cú vang.
Lơ lửng từng không, sao xẹt sáng,
Chương đài, lữ thứ — khách sang ngang.

HY-VŨ

(Ty Công-An — Biao)

XXXXVII

Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng
Khêu-gợi làm chi cảnh tóc-tang?
Tâm-khám mãi lưu bao khờ-hận
Nào-cân chưa xóa nỗi kính-hoàng
Non-sóng cắt đứt phân đôi ngõ
Nam-bắc chia lìa rẽ lưỡng phang
Chạnh nghĩ nỗi niềm rơi máu lệ
Bao giờ thõng-nhứt được giang san?

MAI-HỒNG (Đà-lạt)

LXXXVIII

Thêm một Thu sang nhuộm lá vàng,
Đường về chưa lối vượt Lương-giang.
Qua cơn nắng lộng queo cành trúc ;
Đợt buồm mưa Đường này búp măng.
Cốc-Tử vô-vàng sương giá Bắc;
Thêm Lan xao-xuyến gió trắng ngàn.
Hoàng-Hoa ngập chén sầu Lê-Nguyên
Thêm một Thu sang nhuộm lá vàng.

MAI-CHÂU

(Tại Nhạn Tháp Tuy Hòa)

LXXXIX

Thu ơi ! Ai nhuộm lá thu vàng ?
Thu đến làm gì thêm tóc tang !
Gió buốt tâm tư người thiếu phụ,
Mưa vui thân xác khách chinh lang.
Lá rơi rơi mãi trong chiều lạnh,
Thấy ngã ngã đầy giữa bãi hoang.
Chiến trận..! Vì đâu trai trẻ chết,
Thu ơi ! Ai nhuộm lá thu vàng ?

SƠN-HẢI

(32/4 Nguyễn-văn-Học — Gia-dinh)

Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng ?
Đàn hề đề cành trơ phận dở-dang.
Nắng sớm mờ-màn làn tóc rối.
Mưa chiều sùt-sút má hồng-nhan.
Nhớ mùa thu cũ lòng ngơ-ngần.
Thương kẻ chinh-phu dạ ngổ-ngàng.
Một độ trời nam xao-xác lá,
Vô tình ai đây gió thu sang ?

HOÀNG-MỘNG-LIÊN

(92-i Nguyễn-Kim — Chợ Lớn)

LI

Độ ấy song thu rụng lá vàng
Có người bỏ lỡ chuyến đò ngang.
Đò ngang đã hẹn cùng qua bến
Ai biết rồi sau lại lỡ làng.
Thu tới thu về thu lại tới
Đường đời chia cái vắn hai phương
Ngậm ngùi lại nhớ thu năm ấy,
Ai tưởng xa xôi vạn dặm trường.
Lá rụng chẳng phai màu cách biệt
Nhớ nhau đành ngắm nguyệt tròn gương
Nguyệt thu ai xẻ làm hai mảnh,
Mỗi mảnh soi riêng mỗi bước đường.
Cho đến thu này thu đã muộn,
Vẫn còn thắm đượm một tình thương.
Thương nhau thương mãi bao giờ cạn,
Ta lấy sầu thu nhuộm lá vàng.
NGUYỄN-KỊCH — (130 Gia-Long — Sài-gòn)

LII

Thu ơi ! ai nhuộm lá thu vàng
Gió ngắt bên tường mấy lá sang
Lững-thững chòm mây về đỉnh núi
Rì-rào cánh gió lướt trường giang
Tiếng ve đã tắt trên cành phượng
Lá úa thềm-rên dưới cội bàng
Một lá ngô đồng quay lão-đào
Lóng sần bông gọi ý thu sang.

HOÀI-NHÂN

(83 Khu Nam-Dương — Đà-Nẵng)

LIII

Thu ơi ! Ai nhuộm lá thu vàng ?
Theo gió lià cành rụng ngọn ngang.
Khe suối ngập ngừng reo nước bạc,
Đầu non lơ lững cuộn mây ngàn.
Phân-vân cánh én lia quê cũ,
Ngơ-ngác chân nai bước lạc đàn.
Ôm súng ven rừng mình tự hỏi:
Thu ơi ! ai nhuộm lá thu vàng ?

MẠC-KINH-THI — (Gò-Vấp)

LIV

Những buổi chiều thu nắng nhạt vàng
 Lòng sầu da-diết, hận mang mang.
 Ngoài hiên đối bóng, trăng lờ lững,
 Trong cửa ngắm mình, biển diêm trang.
 Rã rích mưa rơi, cảnh nhỏ lệ...
 Rạt rào hơi gió, lá rên than.
 Thu về man mác... hơi thu lạnh...
 Chạnh mối tình thu lưỡng bề bàng !!!

PHAN-PHỤNG-VÂN

(48 Hồ-huân-Nghiệp - Tây-Ninh)

LV

Ái nhật cho tôi những lá vàng
 Sụp lờng đờ âm lúc thu sang
 Gió mây chết giữa chiều cô tịch
 Ong bướm dừng trên hoa héo tàn
 Bến Hài chưa nguôi tình quốc hận
 Sông Ngân đã mất nhịp cầu ngang
 Tôi mơ sống lại mùa thu trước
 Những khúc hoan ca dậy nắng vàng

HÀ-THANH-TỬ

(Nha-Trang)

LVI

Thu đến khoe khoang chiếc lá vàng.
 Thu về rực rỡ ánh vinh quang.
 Thu thêu trăm vạn hoa đưa nở
 Thu trời muôn ngàn giọng hát vang.
 Thu đuổi thực-dân dành tồ-quốc,
 Thu trừ Cộng-Sân độc tài ngang.
 Thu hai quốc-hội thề công lớn,
 Thu tẩy sạch mùi nhuộm tóc tang.

VƯƠNG-THANH Nữ-sĩ - (Huế)

LVII

Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng ?
 Cảnh bích sơn ngô, ngọc vơ-vang !
 Tuyết sạch ngàn mai chưa trở vội,
 Sương in giậu cúc đã đơm trang.
 Dao-trì trong ấy dương khai hội,
 Hương-Ngự bên ni cũng nhúm làng.
 Văn-tự là duyên tri-kỷ đấy,
 Hòa ca một khúc thử đưa sang.

Từ-hương HỒ-ĐÌNH-LAN (Huế)

LVIII

Thu ơi, ai nhuộm lá thu vàng,
 Man-mác trời Âu gió thổi than.
 Người ở quê nhà tình quén luyến,
 Tôi đi đất khách dạ bàng-hoàng.
 Năm thu lăn-lóc rừng khoả-hạc,
 Một chuyến lưu-ly mộng khái-hoàn ?
 Nhưng vẫn băn-khoán buồn hậu vận,
 Biết ai bàn-bạc chuyện giang-sa !

HỒNG-YÊN

(Manchester - Anh-quốc)

LIX

Trời thanh mây tạnh, bóng trắng vàng,
 Hòa khúc Nam thu, tiếng dơi vang !
 Mừng thấy «PHỒ THÔNG» so phiếm ngọc,
 Xa nghe mặc khách nện chày sương.
 Mua vui với bạn, thơ không chán,
 Giải muộn cùng ai, rượu chẳng màng.
 Tháng tám Trung-thu, ngày mở hội,
 Tao-dàn chào đón «Sổ khai trường».

An-dình TRẦN-KINH

(Hương-Bình thi-xả (Huế)

Nước mắt người mẹ



TỪ TRĂM LỆ

Ở một nhà đông con như của chúng tôi, cứ mỗi một lần gã cưới là có một cuộc xáo trộn không nhỏ. Kể rồi khỏi giá đình ấy để lại một căn buồng trống, hoặc một cái giường không, có khi cả hai. Thế nên phải có một cuộc sắp xếp lại toàn thể những buồng và giường. Người anh hàng kế đó lên choán chỗ hàng đầu với tất cả những ưu thế của địa vị ấy. Kể hàng thứ ba sang lên bậc nhì và cứ thế cho đến đứa nhỏ nhất, phận hẩm nhất, là tôi. Trái cái thời ấu-niên của tôi, tôi hết mặc cái quần của người này bỏ ra thì đến cái

quần của người khác. Về giường thì cũng vậy.

Vào dạo ấy, tôi ngủ ở một gian trên gác sát mái nhà, có một cái nắp thông lên trời, to bằng hộp thuốc. Những đêm mưa, co giông gió, nước đổ lồn xồn trong máng xối nghe chối tai đến ghét. Cái bàn đèn của tôi trơ vơ chỉ là bốn cái chân với cái mặt bàn úp lên, trông như một thằng bé lỏng không trần truồng. Chẳng bằng cái bàn của anh Văn tôi có cửa đàng hoàng, lại còn trạm hoa lá nữa. Tôi ao ước

cái bàn ấy lắm, cũng như đề tiếng mưa đổ lồn xồn trong máng xối kia hết hành tội lỗi tai nữa. Đám cưới của anh cả tôi đã thực-hiện được cho tôi những nỗi thêm ước ấy. Anh Văn thừa hưởng cái giường của anh cả tôi, tôi cái giường của anh Văn. Hai giường này đặt bên nhau chung trong một phòng.

Liên ngay ngày sau ấy, anh Văn rủ tôi đi chơi. Tôi ngạc-nhiên nhưng rất bằng lòng vì, thường thì mấy anh tôi như không hề biết tôi cũng muốn đi chơi. Chúng tôi vào một hiệu buôn bánh kẹo, và anh Văn mua cho tôi một bịch thứ kẹo đặc

tiền. Đó là điều chưa hề xảy đến cho tôi bao giờ. Đi được đôi vòng, anh dẫn tôi vào một hiệu kem. Cả hai anh em, mỗi người một ly kem to. Mùi sầu riêng thơm phuru phức. Tôi nhấp một miếng mà nghe nong lên cả mũi. Anh Văn ngồi đối diện tôi, bên kia mặt bàn. Ly kem của anh vầu đầy. Anh không nói gì hết, trông anh có vẻ thắc mắc, như bắt nhất một điều gì. Sau cùng, anh mở lời:

— Em Minh à, anh biết em không phải là một đứa ngu.

A, cái gì lạ vậy, tôi không phải là một đứa ngu. Nhưng anh ấy đã nói, thì chắc là đúng. Vậy, tôi không phải là một đứa ngu. Rồi sao nữa, tôi đợi; anh tiếp:

— Nè em, em biết không... Anh phải nói thật hết với em mới được. Anh tin nơi em, nơi cái thông minh của em... Đây này... anh không có ngủ đêm ở nhà bao giờ hết. Em hiểu không... Anh ngủ ở nơi khác.

Cái muống kem trong tay tôi đang đi lên gần đến miệng, bỗng đứng sững lại, và trở về ly. Đôi mắt tôi mở to ra.

— Ừ, em à... Anh không có ngủ ở nhà.

Anh có vẻ như muốn biết tôi có... thông minh và không ngu để hiểu chuyện ấy cho anh không, thế nên tôi cười nhẹ nhẹ và gạt gạt đầu để khuyến

khích anh nói thêm. Anh nói lời:

— Như vậy đó... Và anh nghĩ rằng em có thể giúp anh cái công việc mà anh Lang (anh cả chúng tôi) giúp anh lâu nay...

Tôi không biết phải nói thế nào. Tôi đưa tay khoát một cử chỉ nhỏ và nghiêng nghiêng đầu, dang sẵn sàng nghe.

— Thế này — anh Văn nói — mỗi đêm, anh Lang đều lên nằm trên giường anh một hồi cho có cái về có người ngủ rồi mới sang qua ngủ bên giường của anh ấy.

Giờ tôi mới rõ tại sao hôm nay anh lại sẵn lòng rủ tôi đi chơi, và gói kẹo, và ly kem này. Nhưng đó không phải là điều quan trọng. Thế ra bao nhiêu lâu nay, hai anh ấy lên ba má tôi, a tòng, vợ nhau thay phiên đi ngủ ở ngoài. Tôi bàng hoàng khi nghĩ đến má chúng tôi. Tiếng anh Văn làm tôi giật mình:

— Em hiểu chớ... đề khi, sáng ra, má lên buồng, má thấy là giường có người ngủ...

— Sao tôi lại không hiểu! Tôi có phải là đứa ngu đâu, và tôi thông minh kia mà! Tôi bảo anh Văn:

— Anh yên lòng, anh cứ trông cậy nơi tôi.

Anh mừng hẳn ra mặt, rồi lên:

— Em thật là rất thông minh, và rất ngoan, và rất đáng yêu. Cô hàng ơi, cho thêm một ly kem cho chú bé đây. À, chốc nữa, lại đằng kia, anh sẵn cho em một sợi giây nịt mới nhé.

Gì chớ giây nịt thì tôi có cả khối, đó là tất cả những giây nịt cũ của mấy anh tôi thấy ra cho tôi, có cả giây nịt của ba tôi nữa. Tuy vậy, tôi cũng cảm ơn tấm lòng tốt của anh ấy. Và bỗng tôi thấy tôi trở nên quan trọng vì chẳng những tôi xâm phạm vào cái uy quyền làm cha mẹ của ba má tôi, mà tôi lại còn là vị thần hộ mệnh cho một cuộc tình duyên. Chuyện mà anh Văn nhờ tôi ấy, quả là một sự mạng vừa đẹp đẽ như nhưng mộng, lại vừa nguy hại như một tội ác.

Đêm ấy, trước khi vào ngủ ở giường tôi, tôi lên nằm trên giường anh Văn trong hai tiếng đồng hồ, vừa đọc một quyển tiểu thuyết. Trong khi đọc, tôi tựa cây mạnh thân mình và kéo chân qua lại, ra vào, cốt cho tấm trải giường nhăn nhiu. Và trước khi sang giường tôi, tôi lần trở một hồi để cho giường của anh Văn có cái vẻ chủ nhân nó đã trải qua một đêm khó ngủ. Khi đứng xuống sàn, nhìn cái công-trình ấy của mình, tôi rất bằng lòng. Thật là hoàn toàn như ý muốn, tôi tin rằng không cái giường nào lại trình bày cái vẻ có người ngủ trọn đêm trên ấy

cho bằng. Tôi lại còn thỏa thêm tư ái khi, sáng ra, má tôi lên, nhìn nệm, gối bèo nhào, bà bảo tôi :

— Hồi hôm, con có nghe gì không? Thăng Văn, chắc nó ngủ không được, mà nghe nó cứ lẩn lộn hoài.

Mẹ ơi, mẹ hiền của con, lòng mẹ thật vô cùng từ ái, và bao la như biển cả chứa muôn sông!

Trong hai tháng liền, công chuyện trôi chảy êm xuôi. Mỗi đêm, tôi mỗi đọc sách trên giường anh Văn trong đôi tiếng đồng hồ, rồi sang qua giường tôi ngủ. Cho đến một sáng kia, tôi còn đang nằm trên giường thì má tôi đẩy cửa bước vào buồng tôi. Tôi có thể nói buồng của tôi, vì tuy tiếng hai đứa ở, nhưng luôn luôn chỉ có một mình tôi. Má tôi ngồi xuống trên cạnh giường, tôi ngồi sát bên bà. Mẹ con trò chuyện với nhau. Đột nhiên, đang nói, bà dừng ngang và kêu lên :

— Ủa, hồi hôm thăng Văn nó có về sao?

Bà chỉ cái giường anh Văn với tấm trải giường nhăn nhó, mền gối đọc ngang, do công trình của tôi tạo, như mỗi đêm. Tôi điềm nhiên đáp :

— Có nhiên là ảnh có về. Chớ không ngủ đây thì ảnh ngủ đâu!

— Hôm qua, ông chủ nó gọi nó ra gặp Đà-lạt. Nó phải đi

chuyến xe lửa 7 giờ hồi tối kia mà.

Khô rồi! Cái anh mắc gió ấy lại quên cho tôi hay sự ấy. Tôi lắp bắp :

— Anh Văn đi sao?

Mãi tôi đỏ lên còn hơn cô gái lần đầu tiếp xúc với một người trai. Má tôi nhìn tôi, đoạn nhìn sang chiếc giường trống, rồi đôi mắt bà trở lại tôi. Trong đôi mắt đã nhạt tươi vì nhiều mưa nắng nhưng vẫn còn đẹp ấy, tôi thấy hiện lên một ánh buồn đăm đăm. Cổ tôi chợt nghẹn ngang. Tôi biết mắt tôi đỏ lắm thôi. Tôi ho lên một cái mạnh để che bối rồi. Nhưng, má tôi đã hiểu hết rồi. Bà chậm chạp nói :

— Vậy ra, chính là con năm

trên giường thay cho nó.

Tôi lặng thinh vì không thốt được nên lời, và cúi đầu để thủ nhận tội lỗi. Mẹ tôi tiếp, giọng bà run run :

— Đừng để cho ba con biết gì về chuyện này.

Bà buồn rầu nhìn dán vào mặt chiếc giường trống mà trên ấy, đứa con của bà không có ngủ. Bà biết rằng đứa ấy rồi nó cũng sẽ rời bà, như thằng anh cả nó, như tất cả những đứa kia, để đi theo một người đàn bà không phải là mẹ nó. Đột nhiên, bà quay sang, ôm chặt đầu tôi vào lòng bà. Tôi nghe có nước mắt rớt xuống chạy dài theo cổ tôi và chui xuống lạnh lạnh ở lưng. Nước mắt tôi cũng đầm đìa.

(Phóng tác theo t'Serstevens)



* CÁI NẠN PHỤ NỮ

Nơi lớp Đệ nhất một trường nữ trung học, ông Giáo sư cổ chứng minh, phát mạnh cao trọng hơn phát yếu, nhưng vẫn không thành công. Cùng lý ông mới bảo :

— Nhưng các chị không cãi rằng Chúa Trời đã tạo ra người đàn ông trước?

Một cô học trò đứng lên :

— Thưa không, đúng là vậy, ngay ở đây, chúng tôi làm bát cũng làm bàn nháp trước.

T.L.L.



* MỜI KHÁCH DÙNG CƠM

Thường thường chúng ta quý người khách nào đó thì chúng ta mời mời họ dùng cơm với chúng ta.

Trong bữa cơm Việt, chúng ta thường có thói quen *gắp đồ ăn bỏ vào chén của người khác*: đó là một cách đặc biệt của ta muốn tỏ tình quý mến khách. Nhưng chúng ta nên nhớ rằng chính cách ấy không được lịch sự lắm đâu. Vì hai lẽ: một là nếu người khách không thích ăn món đó, mà ta cứ gắp bỏ vào chén họ, tức là ta ép buộc họ phải ăn. Thí dụ như khách bị bệnh, thầy thuốc bảo phải kiêng thịt, hoặc gắp món ăn khác không hợp với sở thích của người ta,

* Có BÌNH-MINH

mà mình cứ tự tiện gắp bỏ vào chén họ, cố nài họ ăn, tưởng như thế là tỏ lòng quý khách, nhưng chính là làm cho khách khó chịu. Khách gượng ăn để cho ta vui lòng, nhưng trong lòng họ bực bội vô kể.

Hai nữa, không bao giờ ta nên lấy đũa của ta mà gắp đồ ăn cho người khác, vì như thế là kém vệ sinh. Người khách có thể lo ngại rằng ta bị một bệnh truyền-nhiễm và ta lấy đũa của ta gắp đồ ăn cho họ tức là ta có thể truyền vi trùng cho họ. Cho nên, đối với khách không quen thân lắm, mình chỉ mời miệng thôi, chớ tuyệt nhiên không nên tự tiện gắp đồ ăn bỏ vào chén người ta. Còn đối với bạn bè thân thuộc, mình có thể đối

XÃ GIAO

đãi tự nhiên hơn, thân mật hơn, thì cũng chỉ nên dùng thìa (muỗng) hoặc nĩa để lấy đồ ăn bỏ vào chén họ, chớ không nên dùng đôi đũa của mình ăn mà gắp cho người ta.

Và dù là bạn thân, mình cũng không nên ép bạn. Trước khi dùng muỗng hoặc nĩa lấy món ăn nào đó bỏ vào chén họ, mình cũng nên hỏi ý kiến họ đã:

— Anh dùng thịt ếch nhé? Chị dùng cua nhé? v. v...

Nếu là bạn thân, họ sẽ thành thật trả lời:

— Vâng.

Hoặc giả họ không thích ăn thịt ếch, thì họ cũng sẽ thành thật trả lời:

— Cảm ơn anh..., cảm ơn chị..., chị cứ để mặc tôi...v.v...

Nhiều người chủ nhà, cứ ý rằng khách là bạn thân, nên cứ tự nhiên lấy thìa xúc đồ ăn bỏ vào chén cơm của khách, như thế thật là không lịch sự.

Ăn đồ tây cũng thế. Món ăn để giữa bàn, hoặc do bồi mang đến mời từng người, thì chủ nhà cũng nên để tùy ý khách lấy nhiều hay ít, chớ đừng ép buộc người ta. Mình chỉ ân cần mời miệng, là được rồi:

— Mời anh lấy thêm... Mời bà dùng thêm... v.v...

* RƯỢU CŨNG KHÔNG NÊN ÉP

Trong các đám cưới, đám giỗ, các tiệc tùng, người Việt ta có tật ép khách uống rượu cho nhiều: điều đó rất không nên. Dù muốn đùa bỡn với bạn bè chẳng nữa, sự đùa bỡn cũng phải nhã nhặn, phải kính trọng sở thích của bạn: nếu bạn chỉ có thể uống một ly mà ta cứ rót thêm vào và ép bạn phải uống hai ly, hoặc nhiều hơn nữa, như thế là kém hẳn phép lịch sự rồi. Xã giao không cho phép ta lợi-dụng cuộc vui đùa để ép buộc người bạn phải ăn uống theo ý muốn riêng của ta. Sự ép buộc ấy không còn phải là tình bạn thân mật nữa, mà là một cử-chỉ bất-nhã.

Chúng ta đã có nhiều cơ-hội chứng kiến những bữa tiệc, lúc mới đầu ai nấy cũng vui vẻ cả, lịch sự cả, nhưng đến gần mãn tiệc lại thường mất hòa-khí, chỉ vì sự ép buộc uống rượu để cho người ta say quá, cười đùa quá, rồi sinh ra nhiều chuyện không hay, méch lòng lẫn nhau, hoặc thù oán lẫn nhau nữa.

* SẮP CHỖ NGỒI TRONG BỮA TIỆC ĐỒNG NGƯỜI

Đãi một bữa tiệc đông người, thí-dụ như 10 người trở lên, chủ nhà nên đề-ý sắp đặt chỗ ngồi, trước khi vào tiệc. Tiệc hơn, đề tránh khỏi lộn-xộn, nên ghi tên người khách trên tấm giấy nhỏ, dán nơi ghế hoặc đề ngay trên mặt bàn, trước chỗ ngồi.

Như thế, sự mời ngồi được trật - tự hơn. Nhưng sắp chỗ ngồi cách nào? Điều ấy, chủ nhà nên tùy theo trường hợp của người khách, người nào nên đề ngồi bên cạnh người nào để cả hai được thích hợp với nhau, và vui vẻ chuyên trò. Thí dụ như mình biết rằng ông Xoài không ưa ông Ổi, thì mình không nên đặt hai ông ấy ngồi gần với nhau.

Đối với phụ nữ, theo thời buổi bây giờ, tôi thiết tưởng trong một đám tiệc tân thời, những cặp vợ chồng không nên ngồi sát cạnh nhau. Vì hai lẽ: một là giữa đám tiệc đông người, hai vợ chồng không nên nói chuyện riêng như ở nhà. Hai là sự giao thiệp không được

rộng rãi, và không khí bữa tiệc kém phần vui vẻ chung. Cho nên, chúng ta nên theo lối xã giao Âu-Mỹ mà sắp đặt phụ nữ ngồi xen với nam giới. Thí dụ theo trật tự sau đây :

Ông A — Bà B — Ông C
Bà A — Ông B — Bà C, v.v...

Hoặc là :

Ông A — Cô X — Ông B — Bà E — Ông C — Bà M — Ông D — Cô Y — Ông E — Bà A — Ông M — Bà D, v.v...

Sự xen kẽ ấy có những lợi ích sau đây : 1) Tránh được những câu chuyện riêng tư hoặc thân mật, hoặc cãi vã, giữa đôi vợ chồng trước mặt đông người, 2) câu chuyện trao đổi giữa phụ nữ và nam giới được vui vẻ hơn và ít chán nản hơn. Dĩ nhiên là sự thân mật vẫn nghiêm chỉnh và đàng dấp, không thể có sự ghen tương nhỏ nhen ở đây được. Trong một bữa tiệc đông người, mà ông chồng cứ ngồi kề kề bên cạnh vợ, hoặc người vợ cứ ngồi cạnh chồng, là một điều không tốt đẹp.

* DANH NGÔN

Đời là một hài kịch đối với những người hay suy nghĩ, là một bi-kịch đối với những người hay cảm. (Le monde est une comédie pour ceux qui pensent, et une tragédie pour ceux qui sentent).

SWIFT

CUỘC TÌNH DUYÊN

của nhà Văn-hào GOETHE

TRÊN vầng trăng rộ và cao, mái tóc đã bạc màu phong sương, kết quả của chuỗi ngày dài lao tâm của nhà văn thi hào, trên nét mặt, những làn nhăn xếp lên nhiều nếp như đánh dấu quãng thời gian qua. Bên cửa sổ ngồi biệt thự gần nhà thờ Strasbourg, Goethe ngồi trầm ngâm, đôi mắt mơ buồn nhìn ra khu vườn rộng trồng toàn hoa trắng thoang thoang đưa hương. Đôi mắt ông thích thoang long lên dữ-tợn sau đôi mực kính, đôi khi lại lim dim như cố ôn lại buổi hoa niên, tánh tình ông bây giờ cũng thay đổi hẳn, lúc lại dữ tợn như con hổ dữ, khi đi khiêu



vũ, hòa nhạc nô đùa điên dại trong các hộp đêm như những gã thanh niên cần trần nhựa sống, đôi khi lại trầm ngâm mơ buồn như cô gái đang tuổi dậy thì nhìn làn mưa diu diu mà cảm thấy nỗi buồn vô cớ.

Những buổi chiều Goethe ngồi lặng hàng giờ bên cửa sổ ôn lại chuỗi đời qua, bao nhiêu kỷ niệm đau buồn hay êm đẹp lần lượt diễn tả trong tâm khảm ông.

Mở đầu khi giao tiếp với đời, gã thư sinh có vẻ mặt khả ái, đôi mắt mơ buồn như mặt nước chiều thu vương vấn mây ngàn, gia đình Goethe rất khá giả cho nên cuộc sống về vật chất Goethe chẳng bao giờ thiếu thốn, mùa

nè chàng mặc chiếc áo dài nankin đính kim tuyến, mùa lạnh chàng lại mặc chiếc áo dạ lý màu thiên thanh. Sau khi học hết chương trình ở Đại học đường Leipzig, chàng bắt đầu theo bác sĩ Erhman đến giảng đường Strasbourg để nghiên - ngẫm phân - chất về hóa học, với Spielman và theo môn giải phẫu học với Lebstein.

Khi ấy thơ văn của chàng cũng đã nổi tiếng, nhiều người tưởng chàng thi sĩ trẻ tuổi ấy muốn trở thành Bác sĩ, nhưng không, sau khi học hiểu ít nhiều về y - học chàng ta lại trở về Luật học, mãi đến năm 1771 chàng đã thành tài. Hàn Lâm viện Strasbourg cấp cho chàng bằng tiến - sĩ luật khoa. Lúc ấy thân sinh chàng ở Fransfort hân hoan đón vị tân khoa trẻ tuổi.

Nhưng đó cũng là sự chuyển - tiếp trong sự nghiệp văn - chương của chàng và mãi ngàn sau người ta còn nhắc nhở. Nếu Goethe đã trở thành vị quan tòa hay vị bác sĩ, con nhiều, vợ đẹp, nhà giàu, ô - tô thì có lẽ tên Goethe ngàn sau người ta không còn nhắc nhở trên văn đàn nữa. Nhưng đây đề mở đầu vào cuộc sống, gã con trai 22 tuổi đầu ấy, nhịp lòng rung cảm lên bao khúc hát yêu đương, rồi cũng đề khóc hận cho cuộc đời.

Một buổi sáng tinh sương ngày 2-4-1772, nơi khách sạn Zum Geist mở cửa đón chàng thanh niên thi sĩ tài hoa đến trọ, về văn đàn chàng

đã nổi tiếng, danh vọng chàng lại hơn người và đặc điểm của chàng là rất đẹp trai, người thanh niên tài hoa như thế đã ru vào lòng các cô gái những mơ ước thầm. Thân hình chàng, trán rộng, mũi cao, đôi mắt biếc và trong với mái tóc màu hoàng kim xinh xắn. Chàng là cả một tượng thần Hy-lạp. Nhưng chàng lại hay đau cho nên chàng thường ví mình là Phong-vũ-biêu để đo lường tiết trời.

Từ khi bước chân vào đời cho đến lúc già Goethe đã gây biết bao sóng gió, về ái tình. Đây là mối tình thứ hai sau khi chàng đồ bằng tiến-sĩ luật-khoa :

Được lời giới thiệu của người bạn, chàng tìm đến ông thầy dạy khiêu vũ danh tiếng nhất để học, ông ta người Pháp, góa vợ, chỉ có hai người con gái, cô chị 19 tuổi tên Lucinde, cô em 17 tuổi tên Emilie, ông ta thường cho hai cô con gái khiêu vũ để dạy học. Chẳng bao lâu cô em gái ấy đã gây vào tâm hồn thi nhân mối cảm tình chan chứa. Lại gì những tâm hồn của thi nhân, sống mơ mộng xa thực tế, dễ yêu say đắm, dễ rung động trước sắc đẹp đề rồi khi tỏ lòng chuyển điệu, lòng thi nhân tài hoa ấy tạo nên những vần thơ ai oán bi thương đề ghi lại kết quả của du - ên tình tan vỡ, hoặc những vần thơ đầy lệ, thương gió hơn trăng cũng như Hàn Mặc Tử chàng thi nhân

của xứ ta cũng đã gửi cho Mộng Cầm bao lời thơ êm đẹp, đến Thương Thương cũng là đề tài nổi liền cân não thi nhân.

Goethe cũng biết thế, nhưng vì ý muốn bông-bột của tuổi trẻ bao giờ cũng hăng hái, giống như ánh sáng bùng lên, trong bóng đêm gây nên những đường tơ nhẹ nhàng hòa lẫn với trời trăng sao vương vấn cung nguyệt điện rồi ngược lại chán chường đứng chân nơi hố sâu vực tối của tội lỗi, biết thế nhưng chàng không tự thắng lấy mình.

Tuy ngọn lửa yêu đã bùng trong lòng thi nhân, oái oăm sao cô chị chàng không yêu mà cô nàng lại yêu chàng tha thiết, còn cô Emilie chàng đã đặt nhiều hy vọng, và cảm tình, nhưng cô này lại để mắt xanh vào một chàng trai khác. Vì thế sau những buổi học nhảy, Emilie cứ tìm cách lần tránh chàng, còn trái lại cô Lucinde cố tìm cách để được nói chuyện với chàng. Goethe có bao giờ để ý đến nàng đâu, vì bao nhiêu cảm tình đều dồn về cho Emilie cả, lắm lúc chàng lại thắc mắc, không hiểu sao Emilie cứ tìm cách xa chàng, lúc học nhảy hay ngồi đối diện với chàng cô ta có vẻ hoảng hốt bối rối, chàng quyết hỏi cho ra lẽ.

Một hôm sau giờ học nhảy

Goethe tìm đến phòng Emilie lại gặp Lucinde đứng chắn trước cửa giữ chàng lại :

— Emilie đang hỏi thầy trường số về vận mạng của người yêu : Nàng chớp nhanh đôi mi nói tiếp :

— Còn tôi lại bị người ta khinh rẻ !

Goethe trả lời cho qua chuyện rồi bảo nàng vào bôi thử xem sao. Cánh cửa phòng mở, Emilie bước ra với vẻ mặt vui vẻ. Lucinde bước vào bôi. Bà tướng số cầm lá bài bảo :

— Vận mạng cô xấu lắm, theo quẻ của lá bài ứng như thế, cô đã yêu say đắm một người mà chẳng được yêu lại vì có bóng thứ ba trẻ đẹp hơn cô xen vào.

Nghe thế nàng bùng mặt khóc chạy ra ngoài.

Hôm sau, Goethe trở lại học khiêu vũ thấy vắng mặt Lucinde Emilie trách chàng :

— Anh bạc bẽo lắm nghe, chị Lucinde về phòng cứ đòi chết mãi, em biết khuyên chị ấy ra sao, khó nghĩ quá ! Chỉ có anh mới giải quyết được mà thôi.

— Nếu thế thì anh tưởng người hiểu tâm hồn anh nhất phải là Emilie, còn Lucinde anh chẳng biết làm gì ! Ồn.

Emilie nũng nịu :

— Em đã hiểu lòng thi nhân của em rồi, chúng ta quyết định ngay.

Nhưng nàng lại hối hận :

— Lại khó nghĩ quá..., và lại bây giờ anh học nhảy đã thành tài rồi...

— Em lại bảo anh thôi học ư ?

— Chính thế anh ạ, em đã hiểu lòng anh đối với em như thế nào rồi, những lúc em tránh mặt anh là em đau khổ lắm nhưng vì hoàn cảnh chúng ta trái ngược, hôm nọ em bói đoán đời anh, ông thầy tướng số bảo đời anh danh vọng nhiều, tiền tài nhiều, còn về tình duyên trắc trở lắm, những cô gái đã tha thiết yêu anh dần dần rồi cũng lánh xa vì gặp hoàn cảnh trái ngược như em. Em nói thật ra, chị em đã yêu anh mà không được đáp lại, còn kẻ có diễm phúc nhất là em ; nhưng anh ạ ! Em lại cũng phải xa anh, vì trước anh, em đã yêu một người trai khác. Anh chỉ là người đến sau, em mong anh phải thôi học để xa em, cho em được tròn với lời nguyện trước. Nếu anh còn ở đây chị em lại đau khổ vì không được anh yêu, còn em lại phải phụ mối tình cũ vì đã chiếm lòng yêu của anh.

Nói đến đây nước mắt Emilie từ từ rơi, chàng vội lấy khăn tay lau mặt cho Emilie và khuyên bảo. Emilie đưa đôi mắt tinh tú nhìn chàng, bốn mắt nhìn nhau, mỗi tim mỗi hồn ngáy dại. Bỗng cửa phòng sịch mở, Lucinde chạy ra :

— Không phải mình mày, còn có tao nữa, tao đã khổ lắm rồi !

Nàng hát Emilie ra, ôm chầm lấy chàng than khóc. Chàng định an ủi vài câu nhưng không biết nghĩ sao lại thôi. Lucinde thấy vẻ mặt Goethe trầm lặng, nàng thiếu não buông tay đứng ra nhìn chàng, rồi gieo mình trên ghế thờ dài như đau khổ lắm. Đôi mắt nàng long lên dữ tợn :

— Emilie ! Mày đã tranh mất lẽ sống của tao lần thứ nhất rồi kết quả bây giờ là hôn phu chưa cưới của mày, tao chỉ cần răng chịu đau khổ để cho mày sung sướng, giờ đây, trời ơi ! Mày lại... Tao không còn lời nào tồi bại hơn nữa để sỉ vả cho xứng đáng với việc làm của mày.

Nàng lại đưa đôi mắt u buồn nhìn Goethe :

— Còn chàng, từ nay em sẽ mất chàng, mất cả hạnh phúc của đời em.

Nàng quay sang Emilie :

— Nhưng mày cũng không được gần chàng đâu.

Nói xong nàng ôm chầm Goethe hôn ghi vào môi chàng.

Goethe cố gỡ ra, bở thẹn nhìn Emilie, chàng bước ra khỏi cửa với một mối buồn man mác.

Trước khi bước chân xuống tàu sang đất Ý, chàng nói câu này :

« Cái gì lãng mạn chán chường tôi cho là không trong sạch, chỉ có cái xa xôi, viễn vông, cổ điển là trong sạch mà thôi. »

Mình ơi!

Dĩa bay cỏ hay không ?

★ DIỆU HUYỀN

D ã mấy năm về trước, hồi bà Tú hãy còn là cô nữ-sinh chưa có chồng, bà đã rất thắc-mắc về vấn-đề Dĩa bay. Không thắc-mắc sao được, một thiếu nữ có óc tò-mò, rất ham-mê khoa-học, thích lý-luận và phê-bình mọi sự-vật trên đời, muốn tìm hiểu nguyên-do tất cả các sự-khien thực-tế hay huyền-ảo chung quanh mình, mà sinh trưởng trong thời-đại nguyên-tử và vệ-tinh nhân tạo, nghe và thấy nhiều chuyện kích-thích trí óc tưởng-tượng khoa-học của mình ? Không thắc-mắc sao được khi mình đọc các báo kể những chuyện « Dĩa bay » bí-



Cho nên khi cô thi đỗ Trung-học đệ nhất cấp rồi, có một ông Bộ-trưởng góa vợ mẹ sắc đẹp của cô, muốn hỏi cô làm vợ. cô không ngần ngại tuyên bố ngay : « Tôi chỉ lấy một người chồng nào học thiệt giỏi, đọc sách thiệt nhiều, hiểu-biết nhiều chuyện về khoa-học, văn-học, lịch-sử, triết-lý, của Thế-giới. Còn ông Bộ-Trưởng hay ông Tổng-Trưởng, tôi không cần ».

Thế rồi cô gặp ông Tú, nghèo rớt mùng tơi, năm chèo - queo trong túp nhà lá ở Thủ - Thiêm. Hôm ấy, cô hỏi ông Tú về vấn-đề « Dĩa Bay » :

— Thưa ông, hôm nọ em đọc báo thấy người ta đồn rằng có đĩa-bay xuất-hiện trên vòm trời Sài-gòn, thế là đĩa-bay có thật, hay là do óc tưởng - tượng của người ta, ông nhỉ ?

Ông Tú cười :

— Không có lừa sao có khối được, hả cô ! Người ta đồn có đĩa-bay, tức-nhiên là phải có một vật gì bay trên không - trung mà người ta thấy giống như cái đĩa.

— Tại vì sao cái đĩa mà bay được, thưa ông ?

— Thưa cô tại vì cái đĩa đó bay

được ! Cho nên người ta gọi nó là cái đĩa-bay.

— Nhưng tại sao không ai biết từ đâu bỗng dưng nó xuất - hiện trên vòm trời rồi bỗng - dưng nó biến mất ? Hay là một thứ vệ-tinh nhân tạo bí mật của Nga, của Mỹ chẳng ?

— Dĩa bay không phải là một hỏa-tiên của Mỹ hay của Nga. Nó là một vật lạ-lùng, bí - mật như cô vừa nói, mà nhiều nhà khoa - học ngày nay quyết chắc rằng do từ sao Kim - tinh, hay sao Hỏa-Tinh, bay xuống.

— Thưa ông, sao họ dám quyết chắc như thế ?

— Nói đúng ra, thì các nhà khoa học trên Thế giới đã tỏ ra rất phân vân từ khi có đĩa bay xuất hiện trên không phận của Địa cầu... Có kẻ thì..

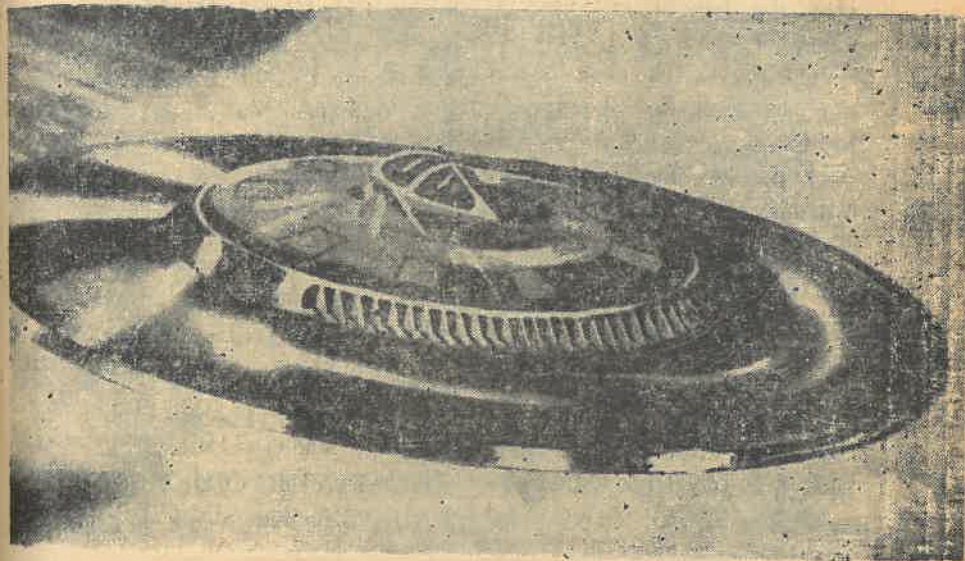
— Xin lỗi ông Tú, ông Tú cho phép em ngắt lời : trước hết em muốn biết đĩa bay đầu tiên xuất hiện từ hồi nào ? và ở đâu ?

— Dĩa bay đầu tiên xuất hiện cuối tháng sáu năm 1946, một buổi chiều, trên vòm trời xứ Huế-kỳ. Nghĩa là một năm sau Thế-giới chiến-tranh vừa chấm dứt,

cách đây mới mười mấy năm thôi. Rồi từ 1947 đến nay, đĩa bay lại thường xuất hiện nhiều nơi, khắp quả địa - cầu : Mỹ, Pháp, Nam-Tur, Ba-Lan, Ấn-độ, Tân-gia - Ba, Úc, Nhật, Việt - nam, Tàu... Mới năm ngoái đây, nó lại xuất hiện bên Pháp và bên Ý. Lúc đầu tiên, nhất là từ 1947 đến 1956, nhiều quyển sách đã xuất bản, thảo-luận về vấn-đề này, với những tài-tiệu và chứng - cứ rõ ràng. Người ta cũng đã chụp hình được những đĩa bay bí mật ấy. Đành rằng có vài tờ báo và vài quyển sách đã theo

dệt những chuyện ly kỳ, khó mà kiểm soát được là đúng hay là bịa đặt, nhưng cũng đã có nhiều bài báo và nhiều quyển sách mà tác giả là những nhà khoa học trứ danh đã viết về Dĩa bay với những hình ảnh và những tài liệu xác thực, mà không ai có thể nghi ngờ được.

Có những nhà bác học nhất định cho rằng không có đĩa bay, như Bác học SLIPHER, giám-đốc đài Thiên-văn Lowell và nhất là Tổng Hành Dinh không-quân Huế kỳ cương quyết phủ -



nhận các thứ đĩa bay. Sự phủ nhận rất gắt gao của cơ quan này cũng là một bí mật khác trong vấn đề Đĩa bay. Trong quyển sách « *Le mystère des soucoupes Volantes* » của FRANK SCULLY, tác giả đã đưa ra 20 câu hỏi để chất vấn bộ Không-quân Mỹ: « Tại sao, trước những bằng cứ hiển nhiên của đĩa bay, không-quân Mỹ vẫn cứ khẳng-khăng cho rằng không có đĩa bay nào cả ». Và lại, vụ Đại-úy MANTELL và hai phi công của không-quân Mỹ ở phi trường Kentucky vì bay đuổi theo một chiếc đĩa bay bí mật ngày 8 tháng 1 năm 1947 mà bị chết một cách vô cùng bí-mật trên không trung, không-quân Mỹ không giăng-giải được. Cái ly-kỳ đó hiện nay vẫn còn là một dấu hỏi to-tướng trong đầu óc các nhà Bác-học Thế-giới.

Trong quyển sách « *Les Soucoupes volantes viennent d'un autre monde* » của JIMMY GUIEU, và quyển « *Block-out sur les soucoupes volantes* », (Nhà xuất bản Fleuve Noir, Paris), có thuật lại nhiều việc kinh-khủng và CÓ THẬT, như

việc sau đây: Cuối tháng 4 năm 1954 (cách nay mới có mấy năm) ở Edward Air Force Base (căn-cứ không-quân Edward) có một đĩa-bay tự nhiên ở trên trời bay vụt xuống đậu ngay trên phi-trường, chiếc Đĩa-bay kỳ-dị do một người đàn-bà cũng kỳ-dị, không giống đàn-bà trên địa-cầu, trao cho một nhân-viên đang có mặt ở phi-trường ấy một cái ống dòm lạ-lùng mà dòm vô đó người ta đọc được rõ mấy giòng chữ trên một tấm bảng dựng cách xa 17 ki-lô-mét! Trao cái ống dòm kỳ-lạ ấy xong rồi người đàn-bà kỳ-lạ kia lái chiếc Đĩa-bay bay vụt lên trời xanh và biến mất, với tốc-lực 15.000 ki-lô-mét một giờ, theo phép đo tốc-lực của máy Ra-da.

Đứng trước những sự kiện quái-gở như thế, Chính-phủ Mỹ phải lập ra một cơ-quan thám-thính không phận, tên là AIR TECHNICAL INTELLIGENCE CENTER, với một phòng đặc-biệt chuyên về thám-thính Đĩa bay, tên là UNIDENTIFIED FLYING OBJECTS (U.F.O). Giám-đốc phòng này là

Đại-úy EDWARD J. RUPPELT, bác-học kỹ-sư hàng không, rất thạo về ra-da, phi-công danh-tiếng nhất trong giặc Triều-Tiên vừa rồi. Trong quyển sách THE REPORT OF UNIDENTIFIED FLYING OBJECTS (U.F.O) (do Tổng Hành-Dinh không-quân Mỹ xuất bản, R. JOUAN có dịch ra Pháp-văn, nhan-đề là « *Face aux Soucoupes volantes* », nhà xuất bản France-Empire-Paris 1951) Đại-úy Ruppelt có tiết-lộ nhiều sự-kiện vô-cùng bí-mật, làm xôn-xao kinh-khủng các giới bác-học nguyên-tử hiện nay. Theo những cuộc thám-thính rất mạo-hiêm và rất khó khăn của Đại-úy Ruppelt thì Đĩa-bay không phải là do một nước nào ở trên Địa-cầu chế tạo ra, mà chắc chắn là từ một hành-tinh nào bay xuống (có lẽ Hỏa-tinh hay Kim-tinh, và dùng mặt Trăng làm căn-cứ địa). Cũng theo sách ấy thì thường thường Đĩa bay lẫn quần trên một cao độ chừng 28.000 mét, và với một tốc độ từ 3000 đến 15.000 ki-lô-mét một giờ. Đại-úy Ruppelt có chụp được nhiều hình ảnh của Đĩa bay và trao cho một Ủy ban

nghiên cứu gồm các nhà Bác-học nguyên tử có danh-tiếng nhất của Thế-giới. Đây là kết-luận của các nhà Bác-học ấy:

1.— Chúng tôi tin rằng trên các hành-tinh khác trong vũ-trụ, có các giống người ở rất văn-minh. Chúng tôi cũng tin chắc rằng văn-minh của các giống người ấy đã đến một mức rất cao, có thể cho phép họ tiếp-xúc với Địa-cầu. Nhưng chúng tôi có nhận xét rằng chưa có một yếu-tố nào thật chắc chắn, theo các bản-phức trình của Đại-úy Ruppelt, để chúng tôi quả quyết rằng sự tiếp-xúc của các đĩa bay bí mật kia là triệu chứng một cuộc mở đầu giao-thông giữa các hành-tinh với quả Địa-cầu.

2.— Chúng tôi nhìn nhận rằng các vật bay U.F.O (Unidentified flying objects) bay trên không-trung Địa-cầu là những hiện-tượng mới lạ, từ trước đến nay chúng ta chưa hề hiểu biết.

3.— Chúng tôi yêu cầu chính-phủ mở rộng phạm-vi hoạt động của Trung-tương thám-thính Đĩa bay, để cho tất cả các nhà Bác-học dân sự và quân sự các ngành

khoa học chuyên môn, góp phần quan sát và rút kinh nghiệm học hỏi.

— Thưa ông, cơ quan Trung ương Thám thính Dĩa bay được thiết lập đã lâu chưa ?

— Trung ương U. F. O đã được lập ra từ năm 1951. Một vài nhà Bác học trong cơ quan ấy đã tiết lộ nhiều việc phi thường. Trong quyển « LE DOSSIER DES SOUCOUPES VOLANTES. (Hồ sơ Dĩa bay) của nhà Bác học DONALD E. KEUHOE, và cuốn « LES SOUCOUPES VOLANTES EXISTENT » (Dĩa bay có thật), nhà xuất bản Corrêa có kể ra những sự kiện sau đây, hoàn toàn đúng sự thật: Chỉ nội năm 1958, đã có mấy việc :

— Ngày 16 tháng 1 : Một dĩa bay đã được thuyền trưởng một chiếc tàu xứ Brésil, chụp hình ngoài khơi cù lao Trinité,

— Ngày 9 tháng 4 : 10 Dĩa bay bay trên bờ biển Jutland.

— Đêm 2 rạng ngày 3 tháng 3 : một dĩa bay bay theo chiều đứng, rồi đứng yên một lúc lâu, trên Beaulieu-sur-Mer, Pháp.

Đêm 15-7 : một dĩa bay có

ánh sáng xanh sáng rực trên không-phận Lyon hồi 21 giờ.

Đó là chưa kể những vụ dĩa bay đã được thuật lại rõ - ràng trong các sách khác, từ năm 1954 đến 1957. Trong quyển « MYS-TÉRIEUX OBJETS CÉLES.

TES » của AIMÉ MICHEL (Nhà xuất bản Arthaud) tác-giả nhận-xét một điều, là hầu hết các dĩa-bay mà các nhà Bác-học đã theo dõi, đều bay theo một đường thẳng, chứ không quanh-quẹo như phi-cơ. Thi-sĩ JEAN COCTEAU, ở Hàn-lâm-Viện Pháp, cũng thường theo dõi Dĩa bay, và đang tìm-kiếm xem có phải Dĩa-bay bay theo các đường từ - lực-tuyến của Địa-cầu không ?

— Thưa ông, từ-lực-tuyến là đường gì ?

— Chung quanh các hành tinh của Thái-dương hệ có những làn sóng từ-lực (courants magnétiques) bao-bọc và hút với nhau như nam-châm (aimant) và giữ vững các hành-tinh ở giữa lồng-lộng vô-biên. Những làn sóng ấy là những đường từ - lực (lignes de force magnétique). Dĩa bay ở trên Kim-Tinh, hay là Hỏa-tinh bay xuống mà không

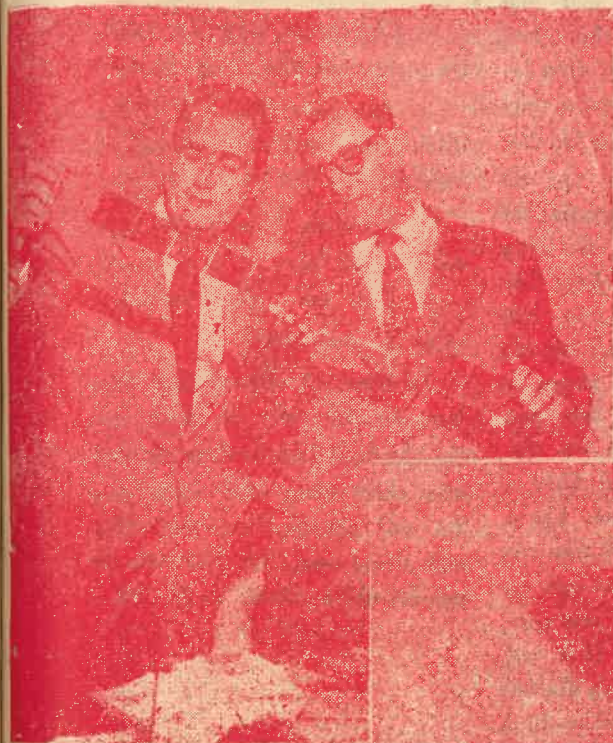
có máy tự-động như hỏa-tiên, hay phi-cơ, nghĩa là những dĩa bay ấy được chế-tạo một cách tinh-vi hơn, không cần máy tự-động thúc đẩy lên không-gian như phi-cơ hay hỏa-tiên, mà chỉ cần lên vào các đường từ-lực để xuống đến không - gian của Địa-cầu. Người ta đã nhận xét rằng các Dĩa bay đều chiếu ra một ánh sáng màu xanh lục (như màu

xanh lá cây). Dĩa bay khi bay xuống gần đất thì thường bỏ rơi xuống những sợi dây mỏng màu bạc như dây ni - lông, nhưng hễ mình cầm nó vào tay thì nó tan ra liền, bỏ ra nắng nóng thì tự nhiên nó biến mất, để gần lửa tự nhiên nó mất tiêu, không cháy và không có khói. Rồi khi Dĩa Bay bay lên thì nó hút cả một vùng đất lên. Người ta nhận

thấy những sự kiện lạ - lùng như thế nhưng các nhà Bác-học của ta không hiểu tại sao...

Cô nữ-sinh nghe mê câu chuyện Dĩa bay của ông Tú. Cô tìm-tìm cười :

— Thưa ông, thế là Dĩa bay xuất hiện trên không-gia của



Hai nhà Bác-học ở xứ Mexique đang xem cuốn phim chụp Dĩa Bay trên không - phận New-Mexico.

trái đất chúng ta đã trên 10 năm rồi, các nhà Bác-học đã thám-thính, xem xét, nghiên-cứu, mà rốt cuộc đến bây giờ Dĩa Bay vẫn còn là một bí-mật lớn-lao?

— Phải, đĩa bay là một bí-mật vô-cùng kỳ-dị, và một mối kinh-khủng lớn-lao cho loài người trên trái đất. Có điều lạ, là trước năm 1945, chưa ai thấy đĩa bay, mà một năm sau khi hai trái bom nguyên-tử đầu tiên đã nổ ở Hiroshima và Nagasaki, thì trên vòm trời của Địa cầu bỗng dựng xuất-hiện Dĩa bay. Các nhà Bác học đại tài của loài người chế được vệ-tinh bay lên thám-thính mặt Trăng, chúng ta đã cho là ghê - gớm lắm rồi, văn-minh tiến bộ tuyệt vời rồi. ngờ đâu có loài người khác ở trên ngôi Sao Hôm kia, hay ở sao Hỏa-Tinh kia mà mắt trần của chúng ta chỉ thấy như một cái chấm trắng nhỏ xíu trên vòm trời, loài người xa-lạ, huyền bí ở trên đó đã chế ra được những đĩa bay ly-kỳ để bay xuyên thám-thính quả Địa-cầu! Biết đâu mười năm nữa, hay vài mươi năm nữa

giống người ở trên Kim-tinh sẽ bay xuống chiếm Trái Đất của chúng ta, hoặc là chúng ta sẽ bay lên trên Kim-Tinh ở với « họ »?

Cô Nữ-sinh cười, nhìn ông Tú với đôi mắt hiền-lành chan-chứa cảm-tình và hy-vọng :

— Chừng đó, ông Tú muốn lên ở trên sao Kim-Tinh không?

— Tôi muốn lắm. Tôi không thích ở trên trái đất chật-hẹp và buồn-bã này đâu cô ạ. Còn cô?

Cô Nữ-sinh bẽn-lên, đỏ ửng đôi má, khẽ đáp :

— Dạ, em cũng thế. Em sẽ đi với ông nhé?

Từ hôm có câu chuyện Dĩa bay, cô Nữ-sinh cứ thích qua túp nhà lá ở Thủ-Thiên, và nằm trên chiếc võng rách nghe ông Tú nói chuyện, say - mê. Rồi một tháng sau, cô Nữ-sinh đã nghiệm-nhiên thành ra Bà Tú...

Diệu Huyền

Xót xa

Từ trăng thêu gấm rèm ai
Hồn hoang liêu khóc canh dài nhớ thương.
Vàng son, mất biếc, môi hường,
Đề trăm năm rượu đêm trường xót đau!
Mây đêm rũ lạnh sương sâu,
Gió se sắt nhạc kinh cầu hồn thơ.
Xưa hoa ngát lối học trò,
Hư huyền trăng mộng giải tơ ngọc ngà.
Sánh vai đẹp khúc tình ca
Nghe trời so phiếm đất hòa nhạc duyên...
Chừ đây gió loạn trăm miền
Gối trăng chéch mộng tìm lên xứ sầu.
Thuốc còn dăm liều thương nhau
Khói vờn trang giấy vội nhau tuổi xuân!
Xưa giai nhân, chừ cố nhân!
Đàn lòng rạn vỡ, tri âm phương nào?
Ai bày nửa khúc Ly-Tao?
Mà em ơi! Rượu ghen ngào đêm sương!
Vỡ tan sâm yến nghề thường
Lênh đênh ánh mắt cô đơn biển trùng.
Chương Đài đợc mấy kiên trung?
Mà đây thương nhớ chập chùng mây thu!

THƯƠNG-NGUYỆT

Cô Kiều

với { *Tôn-thọ-Tường*
Phan-văn-Tri
Ng-minh-Tám

TRONG văn học sử Việt-Nam, có lẽ Thúy-Kiều là nhân-vật được người đời nhắc-nhở nhiều hơn hết, còn hơn cả các danh nhưn, lương tướng từ trước tới nay. Trong nước, từ hàng dân dã, tới bậc vua quan, ai ai cũng đọc Kiều, ngâm Kiều và thuộc Kiều, ít nhất cũng vài ba câu. Chung quanh nàng Kiều, người ta tạo ra không biết bao nhiêu câu chuyện lý-thú, nào phê-bình, phân-tích, nào đề Kiều, vịnh Kiều, nào tập Kiều, lấy Kiều, khen cũng nhiều, chê cũng lắm, ghét, thương, bao, biếm cơ hồ như không bỏ sót một điều nào. Nếu có công phu sưu-tầm, có lẽ phải dùng đến một quyển sách thật dày mới chứa đựng hết những văn thơ, đề cập tới đứa con tinh thần của cụ Nguyễn-Du.

Riêng ở miền Nam nước Việt, các sĩ-phu ngâm vịnh Thúy-Kiều



GIẢI THOẠI VĂN CHƯƠNG

cũng nhiều, nhưng tựu-trung có ba bài đáng được cho ta chú-ý, vì nó tiêu biểu cho ba khuynh-hướng khác nhau : một khen, một chê và một lưng-chừng.

Ông TÔN-THỌ-TƯỜNG, tục danh là ĐỐC PHỦ BA TƯỜNG là một bậc văn tài lỗi-lạc miền Nam, thời cận đại. Ông mang tiếng là người « đầu Tây » ra cộng-tác với giặc Pháp, phản lại quyền lợi tô-quốc. Do đó, ông mới làm bài thơ vịnh Kiều, ngụ ý ký-thác tâm-sự và bào-chữa tội-trạng mình :

Mười mấy năm trời, nợ trả xong,
Tiền Đường, sông đục hóa ra trong.
Cái duyên bình-thủy đành nong-nả,
Chút phận tang-thương luống ngại-ngùng.
Chữ hieu ít nhiều, trời đất biết,
Mối tình nặng-nhẹ, chị em chung
Tám lòng thiên-cò, thương mà trách,
Chàng trách chi Kiều, trách Hóa công.

Trong thơ, ông bình-vực nàng Kiều — tức là tự biện hộ — cho rằng : Kiều, cũng như ông, đáng thương chứ không đáng trách, có trách là nên trách Hóa-công, đã đưa đẩy người vào nghịch-cảnh mà thôi.

Ông PHAN-VĂN-TRỊ, thường gọi là ông CỬ-TRỊ, bạn đồng song với ông Tường, vốn là người thuộc phái « bất cộng tác ». ngửa tai vì lời lẽ « nguy-biện » của Tường, đã làm một bài thơ, chọi lại bài trên, cũng bắt nàng Kiều làm đối-trợng :
Tài-sắc chi mi, hỡi Thúy-Kiều!
Cũng thương nên nhắc một đôi điều.
Liêu-Dương ngàn dặm xa chi đó,
Nữ đề Lâm-Trị bướm dập-dù.
Mái tóc chàng Kim, là đáng mấy ?
Thoi vàng họ Mã, giá bao nhiêu ?
Vì dầu viên-ngoại vương oan ấy,
Sao chàng Đê oanh mỏng tiếng kêu.

Ông không tiếc lời mặt-sát nàng Kiều — hiện thân của Tôn-

thọ-Tường — khinh bỉ ông này ra mặt.

Thì ra, vô-tình Thúy-Kiều đã làm vật hy-sinh cho hai nhân-sĩ trên đây, gây cuộc «bút-chiến» với nhau. Một đảng muốn lợi dụng nàng, để làm bia, che đậy đã tâm bội phản của mình, đảng khác lại mượn hành vi của nàng, để «chửi xéo» đối phương cho hả giận.

Một danh sĩ khác ở miền Nam, ông NGUYỄN-MINH-TÂM. tục danh là ông NHIÊU-TÂM cũng có làm bài thơ, vẫn dùng Kiều làm đề-tài, nhưng lời lẽ ôn hòa, nhã-nhặn hơn bài thơ trước: *Sắc tài có một, đỉnh đĩnh đĩnh, Khấp hết giang-sơn tiếng nổi* *phình.*

*Duyên chị mà em theo lẻo-đèo
Nợ chàng rồi thiếp sạch sành
sanh.*

*Ra đi đầu đội muôn phần hiểm
Về lại vai mang một chèo tình.
Mười mấy năm trời, như rửa
sạch
Khúc nhà, đờn gãy tịch, tình,
tình.*

Lời thơ thật là chải-chuốt, giọng thơ hóm-hỉnh, thêm một đặc sắc là dùng vận hiêm, khiến ai đọc tới cũng phải chịu là hay. Về ý thơ thì không khen, không chê, chỉ tóm tắt nhưng rất đầy đủ, cuộc đời của nhân-vật, được người đời truyền-tụng nhiều nhất ở Việt-Nam.

MINH-KHA



★ MAU LÊN, BÀ CON

Trên sân khấu, một nữ ca sĩ đang hát. Giọng cô chẳng mấy hay, lại diễn tả bài hát rất tệ. Chẳng may, trong bài hát ấy, có câu: "Tôi hát hay, khi nào có chàng ở đây". Khi cô hát đến câu ấy, có tiếng một khán giả cất lên:

— Hãy kêu chàng đến đây cho mau.

T.L.L.



★ THÁI-THỨC-DIỄN

(Tiếp theo P. T. số 22)

V Ậ N cái chuyện ông Đạo-Diễn quái-khệt.

Sau cuốn phim đầu tiên và đầu tay, ông Đạo là người bỏ vốn ra bị thất-bại. Thất-bại đây có nghĩa là không hốt bạc, chờ lỗ thì khỏi. Ông muốn có một sự phụ-lực hữu-hiệu hơn ở giữa tài-tử và ông. Hơn nữa, lần này ông muốn làm phim thật-sự, sau thời-kỳ học-hỏi...

Ông tuyên-bố sẽ có một kế-hoạch kỹ-diệu, căn-cứ trên những lý-thuyết vững-chắc của Kinh-Tế-Học. Ông sẽ thành-lập một hãng Phim ông đồng, khỏi cần vốn; Nghệ-sĩ và kỹ-thuật-gia tay nắm tay «hòa-hợp» cộng lực sinh-tồn. Ý-kiến, ông vẫn cho

là sáng kiến—được mọi người tán đồng và thấy thầy đều mơ ước cái căn nhà đồ-sộ trưng-lai của một hãng Phim đặc-biệt nhất trong lịch-sử điện-ảnh của nước nhà và cả thế-giới, còn đặc-biệt hơn là tổ-chức «Liên hiệp tài-tử điện-ảnh» Artistes Associés, nữa, y như căn nhà trưng-lai của một Ông Nghị hột vừa về bùa mới đây !!

Cái buổi «mit ting» (ông bắt đầu dùng tiếng Mỹ cho ra vẻ xi-nê), đầu tiên của nhóm người đầy thiện-chí đó diễn ra trong một bầu không-khí ấm-cúng, thân-mật tại nhà ông Đạo-diễn. Có đủ mặt «bá quan»; tài-tử xi-nê, kép, đào cải-lương có tên tuổi, thầy nhạc tuồng, đạo-diễn, phụ đạo-diễn, «mầm-non»,

«mâm-già», hề diều, thợ quay, kịch-giả, tác giả...

Cổ nhiên là cuộc-tiệc, gồm có xăng-huých, nước cam, la-ve, do ông Đạo có «sáng-kiến» đài-thợ.

Mở màn, sau «nghỉ lễ» thường thức, ông Đạo dâng-hấn khai giọng và khai hội. Ông nói đến lịch-trình điện-ảnh VN từ thuở khai-thiên lập-địa cho đến thế-kỷ thứ 20 sáng 21 này, trải qua bao nhiêu cuộc thăng trầm, Ông vạch rõ lý do vì sao mà thất bại hoặc không thất bại. Ông lột trần «mặt nạ» của các con người lợi dụng điện-ảnh để thực hiện nhiều chuyện tây trời, ông đã các chủ rạp vài cú, ông o-bé nữ tài-tử trong vài câu, ông mơn trồn các mâm non, ông hoan-hô tinh thần hi-sinh không vụ lợi của nhóm kỹ-thuật-gia... Ông rướm nước mắt vì cái thuế đã làm cho ông không hết được bạc cật !... Nói tóm, ông đã lôi cuốn thính giả vào một ý niệm : phải tranh đấu để thực hiện nền điện ảnh nước nhà. Rồi Ông đưa ra kế hoạch, một kế-hoạch trường-kỳ riêng cho «các anh-em-ham-ura-diện-ảnh» và mong mỗi cái tòa nhà «cộng-đồng-trường-phim và laboratoa!» sẽ được xây cất một ngày rất gần đây...

Những tràng pháo tay tán thưởng lối văn hấp dẫn, điệu bộ hùng mạnh y như một ông quan tòa cãi lương đang lên án một tên tử tội,

Đến lúc bầu «ban hướng dẫn» cổ nhiên là anh em bầu ông Đạo lên cái chức «Hội trưởng», mặc dầu là có thêm danh từ «tam-thời», nhưng ai cũng hiểu ngầm là chánh thức. Các «vị» khác được bầu trong một bầu không-khí náo nhiệt, vì thành tích của các «ứng cử viên» hoặc được đề cao hoặc bị «xuyt xuyt». Các ứng-cử-viên theo thể thức «dân-chủ» được lên «mi-cô-rô» trình bày «sở năng» của chính mình và công-cuộc mình đã thực hiện được trong thời-gian ra chào-đòi đến lúc lên mi-cô-rô cho nền điện-ảnh nước nhà !

Thật là một cuộc dạo hàng khéo léo, và ai cũng phải công nhận nếu con người không có cái lưỡi thì thiên hạ sẽ yên-ôn vô cùng.

Rốt cuộc, Ba ông Đạo-diễn được bầu, một ông thợ quay, một ông thợ điện, một ông thợ la-bô, một minh tinh, hai quái-kiệt... một ông thầy tuồng, và một ông «làm-bất-kỳ-thứ-gì-cũng-tài-giỏi-cả» !

Nước hết cũng bọn, xăng-huých không còn một miếng... nhưng hơi la-ve đang ngự-trị trên các khối óc.

Ông Đạo trình-trọng đứng lên cảm-tạ sự «tín nhiệm» của anh em, «kiên-quyết nỗ-lực bảo-vệ... «à...à.. bảo-tồn...à... nền Điện-ảnh nước nhà, VI NGHỆ-« THUẬT, DO NGHỆ-THUẬT và

«à.à. Tiến mạnh, tiến mau trong «công-cuộc cải-tiến kỹ-thuật» và đời sống nghệ-sĩ và điện-ảnh... (sic) !!!»

Ông trình bày chương-trình hoạt-động dày 10 trang, trong đó ông đề cập tỉ-mỉ đến vấn-đề cộng-lực mưu-sinh, cộng-đồng tiến-triển, những chữ kêu đôm-đớp như «mã-tử», nhưng chỉ kì ra khói !

Ông chấm dứt : «Thưa quý bạn ! nếu quý bạn có điều gì thắc-mắc xin cứ phát-biểu để chúng ta cùng bàn-luận hoặc giải thích cho vấn đề càng thêm sáng tỏ !».

Anh thợ điện dơ tay. Ai cũng cố ý lắng nghe xem anh ta sẽ nói gì. Cả căn phòng trở nên im lặng như chờ một hiện-tượng gì sắp xảy ra... Trên các đĩa xăng-huých ba con ruồi điềm-nhiên thường-thức các màu thịt rơi...

— Thưa các em, các chị ! (anh thợ nói với cái giọng Ròn, một miền duyên-hải tỉnh Quảng-Bình) của Anh, cái-giọng nửa Trung-nửa Nam còn dư-thanh đặc biệt nơi chôn nhao cắt rún của anh.

Thưa các em, các chị ! tui xin có điều thắc-mắc như sau... Tui thấy cấy chửng-trình ni à quên tui nghe cái chửng-trình ni có bộ hay hay. Nhưng mà tui có vợ 6 con, tui đi màn ngày mô thì

lĩnh lương ngày đó. Có khi lỡ một đũa đầu là tui đi vay lời quá .tô». Thử hỏi, tui đi màn cho em chị, mai con tui không có gạo ai biết mô vô đó? E tui sợ tui màn không kham đó ne ! Tui nói thiệt vì em chị đây có tiền có bạc nhiều, có hy-sinh trước cũng không hề hà chi. Y như bỏ vốn trước hốt lời sau vậy đó thôi. Chớ tui thì vốn không có 1 xu, a-văng cho vợ con, hỏi, vợ con tui nó có chịu hi-sinh không cái đã nào ?

Luồng điện «nguội» của anh thợ điện chạy xuyên qua khắp các cơ thể của nhóm người trong phòng. Anh Tư đẩy xe travelling, Anh Tâm đề-co, Bác Hai thợ-mộc, Ông Cả thợ-mã... bắt đầu râm-râm.

Ông Đạo chưa kịp giải-thích thì anh Tarzan đứng lên hỏi cộc-lốc:— Có bột mới khuấy nên hồ ! tôi xin hỏi bột ở đâu mà khuấy nên hồ ? Hai cái chất-vấn thực-tế làm cho ông Hội-Trưởng-làm thời nổi dóa. Mặt ông đỏ ong, phần vì la-ve, phần vì tức-giận, ông đứng dậy :

— Ông lại mi-cô-rô, dâng-hấn rồi nói :

— Thưa quý-bạn, tôi xin giải thích các sự thắc-mắc của hai bạn «Bác Tư thợ điện, lẽ nào không có một ít vốn dự-trữ đề phòng khi tối lửa tắt đèn

sao ? Và lại một cuốn phim quay mất 15 ngày là cùng thì tôi thiết-nghĩ hi-sinh 15 ngày để rồi chia lời, cũng không chậm là bao. Cứ so sự hi-sinh của mình với sự hi-sinh của những chiến-sĩ (sic)... (... Có tiếng xi-xào ...) Còn với anh Tarzan... à quên (tiếng cười) bạn L. tôi có nói một số thương-gia ở đây ủng-hộ chúng ta phim sống, còn anh em ai có dụng-cụ gì thì đem sử-dụng, như anh Tám có ca-mé-ra, anh chín có chân, đèn của anh L. travelling của anh H. dây đèn của anh V.N., tài-tử thì có các anh quái-kiệt, các cô nữ-kỳ-cục... à quên kỳ-nữ...v.v., chúng ta cùng gom sức, đầu tài để thực-hiện một cuốn phim có một không hai trên thế-giới, để làm rạng mặt nước nhà. Thử hỏi... hả ? anh Năm nói gì ?

— Anh Năm mông-ta (ráp nối) dong tay đứng dậy: — Các em chỉ mnón biết «Bột» của ai bỏ ra ?

— Hà ? anh nói cái gì ? Bột hả ? thì Bột là các anh, các chị, các chị là anh Tư, là anh Bảy, là cô N... là thằng tôi...

Có tiếng nói nhỏ cố làm ra cho to :

— Có lẽ là bột đậu xanh, đậu nành, đậu đen,... và đậu trắng vì cô N. trắng như bột lọc...

— Xuyt. . xuyt...

Ông Đạo tiếp :— Thưa quý bạn bất cứ việc gì vạn sự cũng khi đầu nan. Nhưng lâu lâu quen đà tiến triển, quen cái thể chế, à quên ; chế - độ à quên... hệ-thống làm việc ấy thì mình sẽ thấy nó giúp ích không ít cho sự đoàn kết...

Có một cánh tay dơ cao, anh Năm thợ nề lên tiếng :

— Thưa quý bạn, giờ cũng đã 1 giờ chiều rồi, ai cũng thấy kiến cắn bụng cả. Chúng ta nên kết luận thì hơn. Tôi có một đề nghị xin đưa ra để anh chị em thảo luận nhanh chóng. Ông bạn đã nói đến Bột thì chúng ta phải nghĩ đến thứ bột chắc chắn, thứ thiệt đúng là gạo tám thơm. Muốn có bột thì phải xay, muốn xay thì phải xoay. Nếu chúng ta cứ ước mơ xoay của máy ông nhà giàu đủ vốn bỏ tiền làm phim lấy tiếng thì không bao giờ thành tựu cả. Chúng ta phải tự tin ở nơi chúng ta và bắt đầu từ chúng ta. Tôi xin đề nghị các anh em có mặt tại đây hãy đóng góp mỗi người mỗi chút tùy theo trình độ, xin lỗi, tùy theo mực độ giàu, nghèo. Đó là cái nền tảng căn bản, đó là viên đá đầu tiên của cơ sở điện ảnh cộng-lực, đó là bằng chứng cụ thể của sự đoàn kết không tiền khoáng hậu của giới nghệ-sĩ...

— Hoan hô sáng kiến ! Anh thợ điện la vang như truyền một

luồng điện 220 cho cử tọa.

Nhưng tiếc thay luồng điện chỉ giật nẩy mấy lớp dẫn điện hạ tầng như thợ quay, thợ mộc, thợ nề, thợ mi... Tarzan, còn các ông sản-xuất-gia-bỏ-tiền-buôn-nước-mắm-còn-lời-hơn, các ông chủ-hãng-phim-ai-thuê-in-rửa-thì-làm, các ông nhà-giàu-trở-thành-đạo-diễn đều có lớp i-zô-lăng-bao-bọc nên ngồi nin thính, bình-thẳng lạ !

Không thấy ai phản-ứng ra sao cả trừ hạ-tầng, mà hạ tầng thì làm gì có tiền nhiều, nên ông Đạo quái kiệt tuyên bố bế mạc và xin dời lại một phiên họp khác mà anh chị em sẽ có đầy đủ thì giờ để nghiên cứu vấn-đề và bỏ tức tài liệu... Phiên họp thứ nhì này, anh chị em sẽ thẳng thắn và thiết thực thảo luận...

Trong khi chờ đợi, ông Đạo cho đánh máy biên bản buổi họp đưa cho anh em có mặt hôm đó ký tên. Trong biên bản ấy cố-nhiên là có đưa ra thành phần cái ủy ban gọi rằng lâm thời cho báo chí đề cao — báo chí luôn ủng hộ các «sáng kiến».

Tên tuổi ông Đạo một dịp nữa được nêu ra và ông dùng cái «chức» mới làm giấy thông hành để đi sâu vào giới thẩm quyền, xin xỏ nhập cảng phụ tùng, dụng cụ điện ảnh ! ...

Ở đời hề cái gì khéo che đây tài được hiểu lầm, nhưng chỉ hiểu lầm trong thời gian nào đó thôi.

Cái phiên họp thứ hai này chẳng bao giờ diễn ra cả. Anh em chuyên môn mĩa mai :— Đó là một đoạn phim chụp thiếu ánh sáng quá đời nên khi in, rọi thiết lâu mà cũng chẳng thấy lên hình !

Bằng đi một dạo, chúng tôi chợt nghe tên ông Đạo quái kiệt nổi lên, như đầu của một chàng lực-sĩ bơi lội, nhào lặn xuống nước một hơi giải vừa trời lên. Ông Đạo tôi lại nổi lên trong đoàn cu-rơ xe đạp vòng quanh nước Việt. Tôi tưởng ông đã đổi nghề. Nhưng không, ông có cái sáng kiến — lần này thì thật là sáng kiến — đem theo cuốn phim do ông thực hiện trình bày cho bà con xem khi mỗi gổi chồn chân ! Đặc biệt một cái là những đoạn tiếng zấu, ông tự phát thanh cái giọng của ông qua mic-rô-rô thôi thì tha hồ : nào Vọng Cổ, Sương Chiều, Sương Mai gì đó, Văn thiên Trương v.v., khán giả và thính-giả thấy là lạ sẵn trợn vể tay khen hay ! Thế là ông thành công. Ông lấy lại vốn. Cái chỗ đáng khen của ông là sanh không phải đồng nghề nhưng vẫn đeo đuổi nghiệp chường điện ảnh cho đến cùng.

Khi trở về Thủ đô, ông biến thành một ông chủ rạp xi nê, theo ông là đề quên cái « mà ông gọi là sấu PHIM » qua những cuốn phim của ngoại quốc.

Mới đây, tình cờ tôi biết tin ông có ra ứng cử Quốc Hội Lập Pháp thứ Hai ở một quận trong đô-thành. Ông có lẽ muốn thực hiện cái mộng thành lập một nền Điện ảnh Cộng Đồng tại nước Việt, nhờ sự trợ giúp của chánh phủ. Rất tiếc là tuy số thăm ủng hộ ông tương đối rất khá nhưng chưa đủ để nâng ông lên chức Dân Biểu.

Một lần nữa, ông chưa chịu

xoay lái cái « thiện chí » của ông về một hướng khác. Ông quyết định quay một cuốn phim chính trị.

Tôi nhắc đến ông trong ý mến tiếc một tay bơi lội đại tài, nhưng luôn luôn bị chìm xuống... Nếu những giòong chữ này có đến dưới đôi mắt của ông, ông sẽ đặt cặp kiếng xuống và cười xòa. Ông sẽ bảo như đạo nào :

— Ê, Bờ, phá tui hoài không cho màn chi đặng cả ! ... phải không ông Đạo quái... kiệt ?

(Còn tiếp),

* MỘT MỤC-SU TINH-QUẠI

Một ngày chúa nhật, sau buổi lễ-thánh, một vị mục-sư thấy mất cây dù của mình. Tưởng rằng vì vô-ý một tín-đồ đã lấy lộn dù cho nên ông ngồi chờ kẻ lấy lộn đem dù lại trả. Nhưng chờ đến sáu ngày rồi mà vẫn không có ai đem dù lại cả, nên bữa chúa nhật kế đó, ông bèn bước lên giảng-dàn và giảng một bài trong thánh-kinh nói về « tai hại của sự lấy của người làm của riêng » và ông kết-luận rằng : « Của phi-nghĩa không bao giờ có ích ! Vậy, nếu một trong các con đã chiếm dù của bạn, và nếu kẻ ấy thấy phiền phức nên không đem cây dù ấy theo, sau tám ngày cất giữ, thì đêm nay kẻ ấy hãy liện cây dù vào vườn của cha. Tức thì kẻ ấy sẽ hết lo sợ... »

Ngày hôm sau, khi trời lờ mờ sáng, người ta thấy độ chừng ba mươi cây dù nằm ngổn ngang trong vườn của mục-sư.

Miếng vụn

* PHAN-TÙNG-MAI

NHÂN VẬT :

- 1.— Ông Học, mê khoa học, độ 45
- 2.— Bà Học, mê tin, vợ ông Học, độ 40
- 3.— Đồng, đưa ở, độ 20, mê loại kiếm hiệp
- 4.— Hiệp, cháu kêu ông bằng chú
- 5.— Luận, con ông bà Học, lớn hơn Hiệp một chút

Không gian.— Cảnh nhà Bà Học ở miền Châu-Đốc. Bài biện gồm một cái bàn và ít cái ghế. Một cái tủ thờ giữa nhà với lư đèn sáng choang.

Thời gian.— Trời vừa tối và có mưa rì rào vào khoảng cuối năm 1957 lúc phong trào đạo lui đang bành trướng ở Châu-Đốc.

MÀN ĐỘC NHẤT

CẢNH I Màn vừa vén lên, Bà Học đang ngồi tằm trâu nghe thằng Đồng đọc chuyện Tây-du.

Đồng : (vừa ngáp vừa đọc)
Đây nói đĩa khúc a, a, Tôn hành

Giả sai a, a. Bát Giải đi rồi mới nghĩ rằng : Thằng a Hèo này làm biếng lắm, mình sai nó a đi thế nào nó cũng ngủ đọc đường (vừa ngáp vừa nói lại hai ba lần) Tôn hành-Giả bèn a hóa

con ruồi bay theo a thấy Bát-Giái đang ngủ (gục và lập lại hai ba lần).

Bà Học : (bước tới cú lên đầu Đồng) gục hả, mới biểu một chút mà mày gục rồi hả ?

Đồng : (giật mình) Dạ dạ đầu phải (vỗ đầu) bị chữ này khó quá nên con phải đánh vắn hai ba lần chớ.

Bà Học : Đánh vắn cái gì mà đầu mày gục lia gục lịa vậy ? cha, phải cho mày ra ngoài giếng gánh nước với mấy con ở xóm dưới thì tới khuya bảo mày ngủ mày cũng thừa là « Dạ thừa Bà con chưa buồn ngủ ».

Đồng : Dạ, dạ đầu có, dạ hông phải con gục. Đó là con đánh vắn ra chữ này nên con gật gù đó chớ.

Bà Học : Ủ thôi đọc tiếp đi mày.

Đồng : (đọc tiếp giọng như nhựa) Tôn-hành-Giả bay theo thì thấy Bát-Giái đang ngồi dưới a một góc cây mà gục (gục một cái) mà ngủ gục (gục một cái nữa).

Bà Học : (rón rén lợm một cái cây đập Đồng) Gục tao cho mày gục, gục đi.

Đồng : Dạ, đầu có đầu phải con gục ; đó là con ra bộ cho bà coi Bát-Giái, gục thế nào vậy mà.

Bà H c : Thì tao có làm gì

mày đâu ? Tao biết Bát-Giái gục thế nào Tôn-Hành-Giả cũng hóa. cái cây đập lên đầu Bát-Giái, tao sợ mày đánh vắn không ra rồi mất thì giờ, nên tao ra bộ nhắc mày đó.

Đồng : (rờ đầu) dạ lần sau hễ con lập đi lập lại chỗ nào là chỗ đó hay, Bà đừng nhắc con, khó lòng lắm.

Bà Học : Ủ vậy hả thôi từ nay tao không nhắc nữa. Ủ mày ra xem nhà sau mưa có dột không, chà hôm nay mưa lớn quá.

Đồng : Dạ, dạ không có đâu, Bà.

Bà Học : Tao biểu mày không đi, ở đó trả lời ầu hả, bộ mày sợ tụi đạo lụi hả đi mau đi mày, sẵn coi cửa nẻo đóng chưa.

Đồng : Dạ con đâu có sợ tụi đó, mà sợ...

Bà : Mày sợ cái gì ?

Đồng : Dạ sợ ma, dạ bà làm ơn cầm cây đèn pim rọi sau lưng giùm con, chớ không con không dám đi.

Bà Học : Ủ thôi mau đi mày, đồ con trai gì đầu nhất như thỏ, vậy mà hễ có ai coi, nó nói nghe bảnh lắm.

(Đồng đi vào buồng một lúc đoạn đi thụt lui ra và tay có cầm một cái cây)

Bà Học : Mày làm gì như đi đánh giặc vậy.

Đồng : Dạ có chi đâu nhưng đề phòng trước là hơn, con nói thiệt với bà con sợ con ma có hai con mắt bằng cái chén và cái lưới đồ lét dài hai ba thước lắm.

Bà Học : Ma có ở đâu ?

CẢNH II

(Thêm ông Học, ông bước tới và vỗ vai bà, la lên « Ma đây nè »).

Bà : (la lên) Ma, trời ơi. (Bà Học và Đồng xúm lại lấy cây đập Ông).

Ông : (la) trời ơi tôi đây mà, bà làm cái gì vậy ?

Bà : Trời ơi, Ông hả, có sao hông ? Sao ông về không cho hay trước mà lại làm cái mừng ấy.

Ông : (thở ra) Gần bề cái đầu chớ không sao, bộ hễ không cho hay trước là bà xách chổi đơm tôi hả (liêng cái cặp lên bàn).

Bà : Nói vậy chứ ông không có nghe chuyện gì dưới này sao ?

Ông : Chuyện gì vậy bà ?

Bà : Chuyện như vậy mà ông không biết thiệt hả, Nè lúc trước ở dưới này có này sanh ra một đám đạo lụi, đêm đêm xách dao đi lụi người ta đề biết bay đó.

Ông : Trời đất ở lui người ta đề biết bay ? (nhún vai) không ngờ có người mê tín đến thế, họa may có mấy cha điên ở Biên-Hòa mới tin rằng lui người ta rồi biết bay.

Bà : Không biết cứ nói ngang hoài, mê tín sao được ? Thầy chúng nó là một đạo-sĩ lão luyện trên núi Sầm-Đa, chúng nó dữ lắm, bởi vậy đề canh chừng nhà cửa tôi phải mượn thầy Đồng đây là đứa lanh lợi, làm công việc nhà giỏi, mà lại có nghề nữa.

Ông : Nghề gì, làm vườn hả ?

Bà : Ông sao thật thà quá, nghề là nghề võ chớ nghề gì.

Ông : (dạy qua Đồng) Mày biết võ hả, khá không ?

Đồng : Dạ tôi không dám khoe chớ vùng này tôi chưa thua ai hết.

Ông : Bảnh dữ vậy, chắc ở đây ai cũng biết mày hết hả,

Đồng : Dạ, họ biết thì biết, chớ không biết tôi có võ đâu...

Ông : Sao lạ vậy ? Vậy chớ hỏi đó tới giờ mày đấu võ với họ mà họ không biết sao.

Đồng : Dạ hỏi đó tới giờ tôi có đấu với ai đâu ?

Ông : Vậy sao mày nói mày chưa đấu thua ai hết.

Đồng : Dạ chuyện đó là

chuyện thật chớ, hồi đó tới giờ tôi chưa đánh với ai hết mà thua sao được.

Ông : Vậy mà mây nói tao mới nghe tưởng mây bảnh lắm chớ. À mà mây học ai món môn phái nào Thiếu-Lâm hay Côn-lôn.

Đồng : Dạ võ của tôi là võ giang-hồ Kiếm-Hiệp chớ không có Côn-Nôn, Bà-Rá gì hết.

Ông : Ý, Giang-Hồ Kiếm-Hiệp hả. Bảnh lắm, thầy của mây là ai ? ở đâu ?

Đồng : Dạ thầy của tôi nhiều lắm và ở trên Sài-gòn cả.

Ông : Bộ mây lên Sài-gòn học hả.

Đồng : Dạ đâu có, tôi ở dưới này mua bài về học hè.

Ông : Đâu mây đem ra tao coi.

Đồng : Dạ (Đồng đi vô).

Ông : Ở đâu mà có cái thứ Giang-Hồ Kiếm-Hiệp quái gở như vậy không biết nữa.

(Đồng ra, ôm theo một chồng sách đưa cho Ông).

Đồng : Dạ thưa ông đây !

Ông : (Cầm coi và đọc) Hồng Nhạn Kiếm-Nương, tiểu thuyết giang-hồ kiếm hiệp mạo hiểm, ái tình. Hắc y quái Khách, tiểu thuyết kiếm hiệp giang-hồ mạo hiểm ái-tình. Trời, như thế này mà mây nói bài dạy võ thật hả.

Đồng : Dạ phải, dạ tôi học trong đó đó.

Ông : Trong này có gì đâu mà học.

Đồng : Dạ có thiếu gì (lật sách ra) Nè, trong này có thế Anh Hùng độc lập nè, Yến tử Xuyên Vân nè, Ông thấy không, và còn nhiều thế nữa.

Ông : Phải rồi, mà họ có nói cách làm ra sao đâu, mà mây biết cách mà làm.

Đồng : Dạ, nhờ đó mà tôi mới hơn người chớ, chỉ cần nghe cái tên là tôi đủ hiểu rồi. Thí dụ như Thế Anh Hùng Độc Lập này, anh Hùng thì vô ngực, Độc Lập là đứng một chân, còn một chân đá. Còn Yến tử Xuyên Vân, thì yến là con én, Xuyên vân là chung qua mây thì làm như thế này (xếp hai tay theo mình và húc đầu tới)

Ông : Cha, cha, mây các nghĩa kiêu đó chắc có bữa mây bị người ta cho ăn trâu quá.

Đồng : Dạ đâu có, mà trái lại hôm đó nhờ thế anh Hùng Độc Lập mà con đã cho con chó của thằng Sáu Mười ở dưới kia có một cái, là bắt nước sôi làm thịt liền.

Bà : Nó nói thiệt đó Ông, chẳng những nó đánh roi, đi quờn, hay mà còn biết Phi thân

và vận nội ngoại thần công nữa, đập đá như đập hột vịt vậy đó.

Ông : Sao bà biết ?

Bà : Thì nó nói chớ sao.

Ông : Bà sao dễ tin quá, ai nói cái gì cũng nhắm mắt tin hết. Tôi hỏi Bà nếu thật như vậy hồi này nó đập tôi, chắc bề đâu rồi quá. Sao không bẻ ? Chắc tôi cũng biết vận nội công như nó, phải không ?

Đồng : Dạ hồi này a... hồi này...

Ông : Thôi im đi mây, mai tao cho mây nghỉ (day qua bà) Còn bà hồi này làm cái gì mà tôi mở cửa vô bà không hay ?

Bà : Tôi mặc nghe thảng nhỏ nó đọc tây-du !

Ông :Ừ, lâu lâu nghe mấy cha Ba tàu nói dóc cũng vui.

Bà : Nữa, cái gì Ông cũng cho là láo, là không có hết.

Ông : Chớ lúc đó có cha nội viết chuyện đó chưa mà nói ông tè bay nhảy ?

Bà : Lúc đó có ông chưa mà ông biết ông tè không có bay ?

Ông : Vậy chớ lúc đó có bà chưa mà bà biết có thật.

Bà : Chưa có tôi, nhưng sách viết thì tôi cứ tin.

Ông : Sách viết mà làm sao tin được ? Tôi bảo Bà đừng có nên tin dị đoan như thế

trong lúc chồng bà đã tình nguyện đi Vệ-Tinh.

Bà : Ông định đi đâu bỏ mẹ con tôi đó ?

Ông : Đi đâu, tôi nói Vệ Tinh, Vệ-Tinh là một cái máy người ta phóng lên trời.

Bà : Chi vậy ?

Ông : Đề lên cung trăng chớ làm chi.

Đồng : Ý vui vậy.

Bà : Ông định lên Cung Trăng kiếm Hằng-Nga hả ?

Ông : Trên cung trăng làm gì có Hằng-Nga hay Tiên Nữ, chỉ có toàn là đá thôi.

Bà : Vậy mà Ông tình nguyện đi làm gì ?

Ông : Tôi ghi tên lấy le vậy chớ, ai dại đi làm gì ? Máy móc biết làm sao được rùi ro ường mạng.

Đồng : Ý thiệt hả ông ? Hồi này tôi nghe ông nói tôi cũng định ghi tên chơi lấy le, mà nghe nói chết làm tôi cụt hứng.

Bà : Rùi người ta kêu ông làm sao ?

Ông : Bên Âu-Mỹ họ ghi tên cả lối, có đâu tới mình. Mà nếu có tới nữa, tôi lại viện cớ này có khác không đi, họ làm gì ? Mình chỉ tốn công viết một bức thơ và gửi một tấm hình lại các báo, là tên tuổi nời nghe rầm-rầm

(cười đắc ý), Rồi bà xem mai một tôi bắt thăng Đồng ăn mặc kỳ dị rồi chụp hình gửi lên báo nói là người hỏa tinh, cũng có người tin cho xem.

Đồng : Ý nè tôi mà ông nói là bà hỏa hả.

Bà : Nè thần Thánh Ông đừng nên giỡn đa.

Ông : Ai nói bà Hỏa hồi nào, tôi nói người hỏa-tinh là người ở trái đất khác tên là Hỏa-tinh chứ, mà tí-dụ tôi nói bà hỏa thì có sao đâu ?.

Bà : Hừ, không sao đâu, ông đừng nói bậy tôi lại tốn một con heo. Nói cho ông biết, đất này là đất linh hiển, hôm trước xóm dưới có thăng cha chỉ nói hồn có mấy câu mà trời đánh chết tươi.

Ông : Trời nào đánh, chỉ có hai luồng điện gặp nhau gây nên sét, chớ trời nào.

Tôi thì không sợ trời nào cả, chừng đèn-dèn hay Tô-bia kêu thì tôi mới sợ.

(Ông vừa dứt thì có một tiếng sét nổ, và một miếng sắt văng giữa nhà).

Bà : Ý trời cái gì vậy Ông ? (Trong lúc đó thăng Đồng té nhào rồi lật dật ngồi dậy thủ thế)

Ông : Cái gì vậy bà ?

Bà : Cái gì vậy Ông ?

Ông : Miếng sắt này ở đâu

khi không ở đâu rớt vào nhà mình kia ?

Bà : A phải rồi (biến sắc) thôi biết rồi. (Quì xuống lạy bốn phương).

Ông : Bà làm cái gì kỳ vậy ?

Bà : (Vẫn làm thỉnh lâm râm, vái xong đứng dậy nạt) Ông không quì xuống lạy mau đi mà còn đứng đó hỏi há ?

Ông : Mà chuyện gì bà bảo tôi lạy, lạy ai ?

Bà : Ông quì xuống lạy chưa, tôi ra lệnh đó ?

(Ông Học riu riu cúi xuống, cuốc liền hồi).

Ông : (Ông cuốc xong đứng vậy hồi). Rồi đó bà cắt nghĩa tôi nghe chuyện gì nè.

Bà : Tới nước này mà ông cũng chưa biết chuyện gì à ? Trời đánh hụt ông chớ gì !

Ông : Trời, (lấy tay nắm cà-vạt xiết rồi trợn mắt le lưỡi, Đồng chạy lại đỡ).

Bà : Trời ơi, ông làm cái gì vậy ông ?

Ông : tôi tự vận đây, sao bà lại bắt tôi lạy như vậy ?

Bà : Mà làm như vậy có sao đâu ?

Ông : Không sao há ? Một người đã hy sinh vì khoa học như tôi mà bà bảo làm chuyện phản khoa-học như thế thì thà

chết còn hơn. Mà tại sao trời đánh tôi ? bằng có đâu bà dám bảo như thế ?

Bà : Còn hỏi nữa, Ông hồn hào với thần thánh, thiên lôi tính đánh ông, họ nghĩ đến công đức tôi, mà tha cho, nên tôi biểu ông tạ ơn trên chớ gì, Ông không thấy cái lưỡi tầm sét còn nằm sờ sờ kia sao ?

Ông : Thiệt bà giải nghĩa tuy là lẻo mép chớ tôi nghe không xuôi chút nào cả.

Bà : Sao không xuôi ? đâu ông hỏi thăng Đồng coi, phải không Đồng ?

Đồng : Dạ ông nói đúng, bà nói nghe khó tin lắm.

Bà : Ý, mầy lại lừa với Ông à, sao mầy biết sai, vậy chớ theo ý mầy cái gì đó ?

Đồng : Dạ theo ý tôi là có kẻ nghịch phúng ám khí nên nãy giờ tôi đứng tấn đề phòng môi gân rụng giò. Tuy vậy tôi phải đứng đây đề bảo vệ Ông Bà chớ không thì tôi phi thân lên nóc nhà thộp cò tên đạo tặc đó rồi.

Ông : (cười) hết bà nói trời đánh, giờ lại đến phi thân thăng Đồng nói chuyện kiếm hiệp. Bởi vậy trên thế giới còn nhiều người như thế nên loài người chưa lên cung trăng được đó.

Đồng : Thưa ông việc nào tôi không chắc chớ việc này tôi

chắc đó. Đề tôi lật sách xem trong đó nói khi một tên kiếm khách phóng một khúc sắt nó thuộc phái nào.

Ông : Phái nào, ro ro hay hủ-chìm phải không ?

Bà : Ai nói ông cũng cười, vậy chớ ông nói cái đó là cái gì ?

Ông : Còn phải nói lời thôi gì nữa. Vệ tinh Explorer của Mỹ trở về và chạm tầng không khí nên miếng nó rớt xuống đó chớ gì.

Bà : (cười to) Vệ tinh, vệ vêu. Chắc ông mê con nào tên Vệ hay sao mà, hay là ông ở Sài-gòn nóng quá thành ra điên. Hết đời đi Vệ-tinh đến Vệ-tinh nó rớt miếng, nếu ông ngồi trên đó thì chắc đi theo ông theo bà rồi(cười).

Ông : Bà đừng mỉa mai tôi, bà giải nghĩa nghe được lắm sao ? Thực đời nay sét mà do thiên lôi đánh. Lại còn có búa nữa. Chắc thiên lôi xuống chợp cũ hay sao mà búa cũ quá vậy ?

Bà : Ông sợ tôi há ?

Đồng : Ông bà giải nghĩa, nghe thật tức cười.

Bà : Thăng này hồn. Sao mà tức cười ?

Đồng : Thuở đời nay thần thánh gì lại xài sắt, mà khúc sắt sét như cái nhiếp xe vậy ? Nhứt định là do người ta liệng ra.

Ông : Đó, thấy chưa ?

Đồng : Nhưng nếu là máy móc như ông nói mà sét như vậy thì tôi dám nói không đời nào nó bay lên được mà rớt.

Bà : Vậy chớ máy nói kiểm hiệp đó đúng à ?

Đồng : Tức nhiên.

Ông : Đồ ngu. đồ điên.

Bà : Thôi bây giờ không cãi cọ gì cả. Để tôi lượm cái lưới tầm sét đó để dành coi có ai đau ốm (mà) cho người ta uống làm phước.

(Bà toan chạy lại lượm, ông nín lại).

Ông : Không được, bà đừng làm vậy. Để tôi báo nhà chức trách lại lượm. Mai một báo đăng tên tuổi mình sẽ nổi như Marilyn Monroe cho bà coi.

(Ông toan lượm bà nín lại).

Bà : Ông đừng làm khùng người ta cười, để tôi lượm để dành làm phước.

(bà toan lượm ông nín lại).

Ông : Không được để tôi lượm.

Đồng : Ông bà đừng rờ vào nguy hiểm lắm, đó là ám khí đa l

Ông : Im đi máy, đi kêu lính mau l.

Đồng : Dạ (toan đi, bà kêu lại).

Bà : Đồng, lại lượm miếng đó cho tao, mau.

Đồng : Dạ (toan lượm).

Ông : Tao bảo máy đi kêu lính có nghe không ?

Đồng : Bà bảo lượm, ông bảo kêu lính. Thôi để tôi vừa lượm vừa la làng cho vừa ý hai bên, (la) Bớ cảnh sát, bớ làng xóm l.

(chạy lại toan lượm thì Hiệp ở ngoài nhảy vào làm Đồng giật mình quay lại thủ thế).

CẢNH III

(Thêm Hiệp mặc áo mưa đen, đầu đội nón ni)

Đồng : À có cậu Hiệp về kia.

Hiệp : Thừa chú mới về. Có chuyện gì đó chú thím.

Ông : Máy không thấy miếng sắt giữa nhà đó sao ? Mau, đi kêu lính mau l

Hiệp : Miếng sắt thì có gì đâu ?

Đồng : Khi không nó ở trên nóc nhà rớt xuống.

Hiệp : Vậy à ? để tôi điều tra xem. Đã ai đụng vào chưa ?

Bà : Tao nói đó là cái lưới, tầm sét trời vừa đánh, mà chú máy cứ cãi bảo không phải.

Ông : Chớ bà nói dị đoan quá ai tin được ?

Hiệp : Chú nói phải. Thím nói dị đoan quá, khó tin lắm như định không chịu. Giả thuyết của thím sai hết l (đay qua Đồng) còn anh, anh nói cái gì ?

Đồng : Cậu còn hỏi. Đó là ám khí của một tên đạo tặc, theo trong sách dạy tên đó có lẽ trong phái Sơn đông.

Hiệp : Đời nay và ở Việt-Nam mà anh nói tôi cứ tưởng như là đời xưa bên Tàu.

Đồng : — Chớ anh không thấy đám đạo lụi đó sao ?

Hiệp : — Đó chỉ là một đám cuồng-tín làm bậy. Chớ đời nay làm gì có chuyện phi thân lên nóc nhà, mà anh nói thuộc phái Sơn-đông, Sơn-tây.

Ông : — Ồi, hơi đâu nghe thẳng khùng đó nói nhảm. Tao bảo đó là miếng Vệ-tinh, mà thím máy với đám này có biết Vệ-tinh là cái gì đâu, nên không chịu...

Bà : — Chịu sao được, nói ngang mà bảo người ta chịu.

Hiệp : — Phải, không thể là một cái miếng Vệ-tinh được. Nếu có thể thì là một cái miếng của Hòa-tiền mang Vệ-tinh mà thôi, nhưng nếu thế thì nó phải mới chớ đầu lại là sắt sét. Tôi phải điều tra mới được.

Bà : — Nửa, lại điều tra nữa. (đay qua ông) Không biết ai xui nó học trình-thám, trình thiết gì bên này làm chi, mà về đây nó làm tôi mắc cỡ quá.

Ông : — Cái gì mà mắc cỡ bà ?

Bà : — Để tôi kể hết cho nghe (cười) thiệt bây giờ nhắc lại tôi cũng còn mắc cỡ.

— Chẳng gần đây có chú Tư Quẹo có vườn nhãn rất lớn, hàng rào rất dày và khó vô. Vậy mà nhãn cứ bị trộm hoài.

Thằng Hiệp nghe chú cười ai ăn cắp mới mò qua và hứa sẽ tìm thủ phạm. Rồi bữa đó nó lại dăng ở suốt ngày và tối lại về xin tôi lại đó ngủ. Tối khuya nó về kêu cửa vô nhà, (cười) tôi thấy mình máy nó đẩy phân bò và trên đầu 2, 3 cục u. Hồi ra mới biết nó qua bên rình thấy một con bò con đang chổng đuôi rặn, trông là kẻ trộm đang cầm cây hái nhãn nên nhảy vào ôm, bị bò đá và dính... cùng mình...

(tất cả ôm bụng cười lăn ra)

Ông : Như thế nó mới hết khoe giỏi.

Hiệp — Thím kỳ quá, có chuyện đó cứ nhắc hoài. Lần này thím sẽ thấy tài tôi. (kêu Đồng) Đồng, vô lấy cái máy chụp ảnh cho tôi.

(trong lúc Đồng đi vô. Hiệp lấy tay bung-búng trong không khí)

Ông : — Máy làm cái gì vậy, coi giống thầy pháp bắt ấn qua.

Hiệp : — Tôi đo nhà mà, chú đừng nói nữa để tôi tìm xem.

(Đồng đi thụt lui ra và đem theo một máy ảnh đưa cho Hiệp)

Đồng : — Đây máy ảnh đây.

Hiệp : — Tất cả đứng yên như vậy để tôi chụp một tấm nhé.

Đồng : — Để làm kỷ niệm hả ?

Hiệp : — Không phải, để điều tra chứ.

Bà : — Mày làm tao nhớ hồi tao với ông chụp hình đám cưới quá.

Hiệp : — (lui cui một hồi đứng dậy). Đã có tia sáng, người xử dụng thuận tay phải.

(Tất cả cười ồ lên)

Bà : — Thôi đi mày. Để tao lượm cất cho rồi.

Ông : — Không được, bà phải để tôi lượm mới được.

Đồng : — Ông bà đừng rờ vào coi chừng có thuốc độc nguy hiểm.

Hiệp : — Chú thám làm thỉnh để tôi suy đoán xem đó là cái gì.

(tất cả lập câu trên một cách hỗn độn)

CẢNH IV :

(thêm Luận ở ngoài chạy vào)

Luận : — Chuyện gì, dữ vậy! (thấy ông) Thưa ba mới về.

Ông : Ừ, ba mới về.

Luận : — Có chuyện gì dữ vậy ?

Đồng : — Không có gì đâu, tại miếng sắt kia kia,

Luận : — Miếng sắt đó thì có gì đâu mà tôi nghe cả nhà ầm lên thế. Nếu quả thật chỉ tại có một miếng sắt mà cả nhà cãi nhau thì thật tức cười.

Hiệp : — Tức cười sao được. Anh xem, tự nhiên có miếng sắt giữa nhà thì đáng ngại lắm chứ. Có một điều gì bí ẩn đây.

Bà : — Tự nhiên sao được ? Có mưa có gió đang hoàng, tao bảo là cái lưới tầm sét của trời đánh mà họ không chịu.

Ông : — Tôi, nói đó là một miếng Vệ-tinh, bà nghe chưa ?

Đồng : — Dạ theo ý tôi thì đó là ám khí của một Kiếm khách phái Sơn-dông, mà tôi nói ra ai cũng cười cả.

Bà : — Chớ để thằng Hiệp điều tra cũng nguy.

Hiệp : — Nguy sao được thám. Con sẽ dùng đủ phương pháp trình thám để tìm âm mưu này mà bảo vệ gia-đình.

Luận : — Ba nói sao ?

Ông : — Ba bảo đó là một miếng Vệ-tinh. Ba định gọi nhà chức trách đến lượm. Mai mốt báo sẽ đăng ba vừa khám phá được một việc rất khoa-học, và danh tiếng sẽ nổi như cồn. Còn bà cứ nói một hai đề bà lượm làm thuốc cho người ta.

Luận : — Cả nhà nghĩ sai hết.

Tất cả : — Sao mà sai ?

Luận : — Vì chính, miếng sắt đó là của chú Ía kẻ nhà mình, thám ía...

Bà : — Ô, thật hả? Nhưng tại sao lại có chuyện đó.

Luận : Lúc nãy buồn quá, con qua bên chú Ía chơi. Con hỏi thăm chú ấy về trận Hoa-Nhật chiến tranh. Chẳng dè chú là người Trung-Hoa, thám là người Nhật. Nói một lúc hai người cãi nhau kịch liệt. Cuối cùng thám ấy lấy hủ tương liêng chú lỗ đầu, chú tức giận lấy miếng sắt đó liêng lại thám, dè đầu nó lọt qua nhà mình.

Ông : Thật đúng là Hoa-Nhật chiến tranh.

Hiệp : — Vậy mà anh Đồng dám nói đó là ám khí của tay kiếm khách Sơn-dông phóng ra. (tất cả cười)

Đồng : — Tôi nói đúng chứ chú Ía là người Sơn-dông mà. Khí giới của người Sơn-dông đó thấy chưa ?

Hiệp : — Nhưng không phải là ám khí.

Bà : Còn thằng Hiệp thì điều tra (cười).

Hiệp : — Tôi cũng đúng, chú Ía là người thuận tay mặt mà.

Bà : — Còn ông! (cười) nếu không có tôi can lại ông lượm miếng đó đem đi, đỡ khỏi người ta nói ông điên. Chừng đó vào nhà thương Biên-hòa mặc sức nổi danh.

Ông : — Còn bà! Nếu tôi không can, bà lượm miếng sắt sét đó để dành mài cho người ta uống. Có ngày đi khám chí-hòa mà làm phước (tất cả cười)

Bà : — Ông nói sao nói lại tôi coi!

Luận : — Thôi ba má đừng cãi nhau nữa. Tại sao đã biết mình sai mà ba má cứ bảo thủ ý kiến mãi vậy. Việc mình cho là đúng chưa hẳn là chân lý cho tất cả. Bởi vì, theo con mắt tư vị hay có thành kiến của mình thì vấn đề tất phải bị méo mó đi. Đó là điều thứ nhất, điều thứ hai là ba má xem lại sách vở của mình và của mấy đứa nhỏ. Sách vở rất tốt nhưng cũng làm mình lầm-lạc nhiều. Trong trường hợp của ba cùng thằng Hiệp, của Đồng thì ảnh hưởng của sách vở làm cho mình xấu hổ đôi khi, trường hợp của má thì phạm pháp và nguy-hiểm không ít cho tánh mạng người khác.

Ông : — Thôi tao biết rồi mày. Thằng sao hay nói quá. (gọi) Đồng!

Đồng : — Dạ.

Ông : — Mày đem khúc sắt đi rên dao dè bù lại chỗ ngồi bị bể coi.

Đồng : — Dạ.

Bà : (cười) — Miếng Vệ-tinh (mọi người cười)

Màn hạ nhanh

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỬ-VU * BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẶC

VIII

(Tiếp theo P. T. số 22)

Theo sự ghi chép của Hải-lan, tôi mới rõ, tối hôm qua, tiêu-thư Thê-tư-Lãng đã cưỡng-âm thâu đêm; hai ba lần, tiêu-thư đã định đi chơi, nhưng sau, lại thôi, rồi nằm lăn ra giường ngủ thếp đi cho mãi tới 9 giờ rưỡi sáng mới tỉnh-giác, và liền đó, bừng mắt ngồi khóc rất thảm-thiết. Nàng than rằng: cả cái cuộc sống này thật là, thậm ư vô vị!

Hải-Lan quả là một cô gái thông-mẫn; nhân đọc mấy trang nhật-ký kia, tôi mới càng nhận rõ điều đó. Tôi nói:

— Cô có biết không? Đêm hôm qua, tôi đã ngồi đợi suốt cho tới sáng bạch.

— Ô, thế sao tiên-sinh không gọi tôi mà hỏi, có hơn không?

— Lúc ấy đã quá khuya, tôi không nỡ quấy-rầy cô em.

— Cái đó có hề chi, kia ă? Với lại, bây giờ, tôi cũng có

CÔ GÁI ĐIÊN

một phần trách-nhiệm rồi kia mà.

— Cô vui-vẻ nói như vậy. Tôi nói tiếp:

— Tuy-nhiên, tôi vẫn còn có đôi phần e-ngại, trừ phi, khi nào cô thấy thiệt có hứng-trí để làm công việc đó.

— Việc đó là việc gì, kia ă?

— Ô, việc y-trị cho tiêu-thư.

— Sao tôi lại không có hứng-tri? Tôi đã ái-kính tiêu-thư thì không có lý nào, tôi lại không hết lòng giúp ông, để cứu chữa tiêu-thư. Tiêu-thư còn mang bệnh ngày nào, tôi còn thấy đau khổ ngày ấy. Cho tới bây giờ, tôi chỉ biết an-ủy và phục thị tiêu-thư. Nếu một ngày kia, tiêu-thư được lành mạnh như xưa, đó là cả một sự quang Vinh cho tôi.

Tôi trầm ngâm hồi lâu, Hải-Lan chú thị nhìn tôi, sau tôi nói:

— Cô ă, thường nhật, tiêu-thư có nay gắt gỏng không?

— Có ă, tiêu-thư hay giận dữ lắm, nhưng, xong đó, thì lại hối hận ngay... Có lúc, tiêu-thư vác cả giày mà ném tôi, thế rồi, vài phút sau, tiêu-thư lại nắm lấy tay tôi, khóc lên rưng rức và yêu cầu tôi nguyên lượng cho tiêu-thư.

— Thế, có lúc nào, tiêu-thư bình tĩnh không?

— Không đâu, chẳng có lúc nào tiêu-thư bình tĩnh hẳn, mà chỉ mệt lả đi thôi; bình như tiêu

thư thấy vô cùng mệt mỏi, và chán ngán, đối với cuộc sống.... Có khi tiêu-thư nằm lăn ra giường và khóc sụt sướt, rồi tiêu-thư van vỉ tôi, đừng có bao giờ bỏ tiêu-thư mà đi đâu.

— Có phải tiêu-thư vẫn tra trang diêm, ăn bận và thích soi gương, để ngắm vuốt không?

— Tiêu-thư có hay soi gương đấy, nhưng không phải để ngắm vuốt đâu. Ngay như việc phục sức cũng vậy, tiêu-thư bỗng dùng dùng thay quần, đổi áo rồi một lát sau, lại trút bỏ ráo cả ra. Ấy thế rồi, khi đi ra ngoài, nhiều lúc, chỉ bận trên mình, những bộ quần áo rất thường.

— Tôi chắc cô yêu tiêu-thư lắm phải không?

— Thưa vâng, bởi vậy, bất cứ giờ khắc nào, tiên-sinh cần đến tôi, trong các việc giúp ích cho tiêu-thư, xin tiên-sinh chớ nghi-ngại gì cả, tiên-sinh cứ việc gọi tôi.

— Nhưng cô Hải-Lan ă, tôi cần nhất là, mỗi khi tiêu-thư sắp-sửa đi ra ngoài, thì cô cố làm thế nào, báo cho tôi biết trước được, thì hay quá.

— Việc đó tôi thiết tưởng rất đời là khó-khăn, vì tiêu-thư cứ đời ý luôn luôn; tiêu-thư sửa-soạn để đi, thế rồi lại không đi, và chỉ một lát sau, tiêu-thư lại ùng-ùng ra đi.

— Không hề gì, cô ă, hề tiêu-

thư dự-bị để đi chơi, cô cứ báo ngay cho tôi rõ, nếu tiêu-thư có đổi ý cũng không sao. À, ngộ khi tôi ngủ rồi, thì cô cứ việc gõ cửa, nhà.

Từ hôm đó trở đi, tôi không phải thức đêm như trước nữa; thế rồi, vào khoảng ba hôm sau, lúc đó ước độ quá nửa đêm, tôi đang mơ-màng trong giấc mộng, thì mấy tiếng gõ cửa làm tôi sực tỉnh. Tôi liền bèn quần áo và đi giày vào tử tế rồi ngồi chờ, trong lòng hồi-hộp. Nào, thử xem liệu tối nay, tôi có được bắt tay, chính thức làm việc, hay không? Ấy thế mà tôi cứ đợi đấy hoài, đợi tới lúc chuông đồng hồ gõ hai tiếng, mà cũng chẳng có gì xảy tới. Mãi một hồi lâu sau, mới lại có tiếng gõ cửa. Tôi nói vọng ra:

— Xin mời cô cứ vào.

Hải-Lan mở hé cửa rồi bước vào, cô nói nửa như xin lỗi:

— Tiêu-thư lại không đi!

— Không đi à?

Rồi, bằng một giọng đầy thất vọng, tôi nói tiếp:

— Thôi được, xin cảm ơn cô.

Hải-Lan lại thoãn-thoắt đi ra khỏi phòng và đóng cửa hộ tôi. Ngồi ý ra ở trên ghế, lòng buồn rười rượi, tôi cơ hồ như cứ để mặc cho thời-gian lặng-lẽ trôi đi.

Một nỗi buồn man-mác làm bạn với tôi, chẳng biết, bốn hay năm ngày trời rờn-rã. Hôm đó, tôi thấy trong người có đôi phần bứt-rứt, khó ở; có lẽ tôi hơi bị sốt thì phải, nhưng tôi cũng cố gượng-gạo, nằm ở trên giường để đọc cuốn nhật-ký của Hải-Lan:

« Tôi chẳng rõ tiêu-thư đang làm gì, mà lại một mình ở trong phòng, cửa gài then kín-mít. Cách đây khá lâu, tôi hơi sốt ruột, nên tôi đến gõ cửa, tiêu-thư cứ lặng thinh không đáp. Tôi độ chừng là tiêu-thư đang ngủ, nhưng không vì tôi nghe thấy rõ tiếng khóc và một lát sau, thì lại thấy yên. Tôi lại gõ cửa, tiêu-thư sáng giọng nói vọng ra: « Tôi không muốn nhìn thấy mặt ai hết! »

Ước độ một giờ đồng hồ sau, bỗng tôi đâm hoảng sợ, vì tôi cho là, không biết chừng tiêu-thư muốn tự-sát, hay sao, bởi vậy, tôi cuống cuống đập cửa!... »

Vừa đọc tới đó, tôi cũng chợt nghe thấy hai tiếng « cách, cách » ở cửa.

Tôi hỏi:

— Ai đấy?

— Tôi đây, Hải-Lan đây ạ...

tiêu-thư đang sửa-soạn đề đi chơi. đây ạ.

Tôi vội-vàng đi bện y-phục, và trong khi tôi còn đương đứng ở cửa sò, thất cà-vạt, thì đã thấy ánh đèn pha ở nhà xe chiếu ra; trên đường trải sỏi đi ra cổng, hẳn rõ hai luồng ánh sáng. Tôi khoác vội chiếc áo vào người, rồi chạy sấp chạy ngửa về phía ga-ra.

Chiếc xe màu xanh đã đi vụt ra tôi cổng, tôi trông thấy rõ phía sau của nó với ánh sáng đỏ của cái đèn-hậu. Tôi vội nhảy lên chiếc xe của tôi mở máy và nhận ga, đuổi theo ra cổng sắt. Chiếc xe màu xanh vừa ngoặt về phía hữu, tôi lái theo, và giữ cho xe của mình cách chiếc xe kia, chừng năm chục thước. Chúng tôi chạy lướt qua, không biết bao nhiêu dây cây và dây cột đèn. Khi vào gần tới khu phố xá, thì chiếc xe mới đi chậm lại. Sau cùng, tiêu-thư dừng bánh ở trước một quán rượu. Tôi cũng dừng theo ở nơi cách xa đó. Một bàn tay có mang bit sắt màu đen ngòm, đưa ra mở cửa, rồi cả một tấm thân mềm-mại, son-sấn, chui ra khỏi xe. Tôi không nhìn thấy rõ mặt tiêu-thư. Nàng bện một chiếc áo ngắn, màu đỏ thắm, ở trên một cái xiêm, sắc lam nhạt. Nàng đã bước vào khuất, tôi mới ngừng

đầu lên nhìn tấm biển: « Mãn cõi tru-diễm ».

Thấy nàng vào, một số đông người vui-vẻ nhiệt-liệt, hoan-hô nàng; hình như nàng quen thân với tất cả bọn họ. Nàng đứng ở chỗ quầy thu ngân, giơ tay chiêu-hô các người, một lũ thanh-niên a ra, và vây chung-quanh nàng. Nơi này chỉ là một quán rượu vào hàng hạ-dẳng, những chàng thanh-niên kia, có lẽ, là một lũ du-thủ, du-thực, y-phục chẳng lấy gì làm tề-chỉnh một tý nào cả; và ngôn-ngữ, cử chỉ của họ, thì thiệt là thô-lỗ, đáng ghét. Trong đó, cũng có mấy người đàn-bà, con gái, mặt bụ những phần, son, áo quần loè-loẹt, thoạt nhìn, đã nhận thấy họ chẳng phải là thiện-nhân. Thiệt tình, tôi không thể nào tưởng-tượng nổi, những thanh-niên nam, nữ ấy, lại là bạn bè của tiêu-thư Thê tư Lăng, một vị thiên kim gia-thế, cùng là, nơi này, lại có thể là nơi, để cho một người của cái gia-đình hoa-quý đó, đặt chân đến!

Tôi bèn tìm một chỗ để ngồi xuống. Lúc ấy, tôi mới ngắm kỹ bệnh-nhân của tôi. Nàng đương ngậm ở miệng một điều thuốc là, và ngược mắt nhìn lên quảng hư-không. Mấy người đàn ông, đàn bà, ngồi cùng bàn với nàng, cười nói

huyền-hoa, nhưng nàng vẫn lặng thính, không hưởng ứng với họ. Sau đó, có một gã ghé lại, kéo nàng, lôi vào lòng hắn, nàng tựa đầu vào vai hắn. Dưới làn ánh sáng tỏa xuống của một ngọn đèn, treo trên trần, tôi chú-thị nhìn cẩn-thận nét mặt của nàng. Với một khuôn mặt trái xoan cực-kỳ diễm-lệ, nàng có một cặp mắt rất dài và hai hàng lông mi, cong-cong, đen óng; cái bộ điệu ấy làm cho ta liên-tưởng tới những tấm ảnh mà ta thường thấy in trên các tạp-chí, dùng làm quảng cáo hay làm phụ-bản. Tuy nhiên, làn da xanh-xao vẫn không giấu nổi dưới lớp phấn, làn son, và sự hư-hao, mệt-mỏi, không thể lấy cách diễm-tô, bôi vẽ, mà che lấp hẳn đi được. Mỗi khi nàng biểu-lộ tâm-tình, nàng thường hay ngược mặt nhìn lên quăng hư-không và hé môi cười nhạt, đó là biểu-hiệu của một bộ thần-kinh suy-nhược. Nhưng đó quyết không phải là một sự biến-

thái đặc-biệt, tôi xin thú thật, tôi tìm mãi không ra cái triệu chứng của sự rối loạn về tâm-não. Có một điều rất đẽ cho tôi chú-ý, là tâm-não của nàng, luôn-luôn truyền từ cực-doan này, tới cực-doan kia; trong lúc này, nàng vui-vẻ cười nói huyền-hoa; tiếp đó, nàng trở nên trầm-tĩnh và buồn-thảm. Tôi quả-quyết rằng, nhân-cách của nàng là kết-tuynh của một thứ mâu-thuần nó bộc-lộ ra bằng sự tối-động và sự tối-tĩnh. Nàng khộc đẫy, rồi cười đẫy, tâm-não của nàng tự hồ như cái đu « rập - rình » của trẻ con, luôn - luôn nâng lên, hạ xuống mà đầu bên này, là sự bi-ai và đầu bên kia, là sự khoái-lạc. Tâm-cảnh của nàng không một lúc nào được bình-thản, yên - vui, nó giao-động. Không ngừng, và làm cho nàng nếu không khoái-chi đến cuồng-loạn, thì chết lịm đi trong sự đau thương, thảm-đạm!

(còn tiếp)



★ TÀI VÍ VON

Một bà thân hình phốp pháp hỏi một nhà may cat danh tiếng:

— Theo ý ông, tôi mặc màu gì mới hợp...

Nhà may cắt trang trọng đáp:

— Thưa bà, đấng Tạo Hóa khi nặn ra con chim sấu, người khoác cho nó bộ áo màu sắc sỡ, nhưng đối với con voi thì người mặc cho nó toàn xám.

T.L.

y học phổ thông



TRẺ SƠ SINH CẦN SỮA MẸ



★ TRẺ SƠ SINH CẦN SỮA MẸ

Câu nói thông thường và hợp lý này ai cũng hiểu, ai cũng rõ, nhưng thực hành cho đúng lại là một chuyện khác.

Ít lâu nay, số các bà mẹ cho con bú sữa mình giảm dần, nhất là ở các tỉnh lỵ và thành phố. Có nhiều lý do, ngoài trừ những lý do về y học. Có bà vì mắc công ăn việc làm không có thì giờ ngày ngày ngồi nhà đợi giờ cho con bú. Có bà thì thấy cho con bú là bận bịu, vướng cẳng. Cũng có bà thấy cho ăn sữa bò là tự nhiên, đôi khi lại còn hãnh diện nếu bà ta mua cho con những loại sữa thật đắt tiền và hiếm có. Một hai bà còn cho rằng nếu cho con bú, mình sẽ kém sắc, sẽ mất hết những đường cong nét đẹp... (sự thực không phải là như vậy. Về kiểu diễm của quý bà vẫn có thể gìn giữ được nếu khi cho con bú bà thì hành đúng lời khuyên của y sĩ...).

QUANG ★ HOA

* TỪ CHỐI KHÔNG CHO CON BÚ SỮA MÌNH, CÁC BÀ ĐÃ NHẦM BIẾT BAO !

MARFAN, một giáo sư y-khoa nói : « Người mẹ phải nuôi con mình, đó là quy tắc đầu tiên của việc cho con bú ».

Thật thế ! Có lẽ không cần nhắc lại các bà cũng rõ mỗi sinh vật tạo hóa sinh ra đều có những sự riêng biệt, sữa của loài nào sẽ dùng riêng cho loài ấy. Sữa người, lẽ dĩ nhiên là không giống sữa của bất cứ một loài nào khác. Người ta có thể thay đổi được sữa bò, sữa dê, nhưng người ta không thể làm sữa bò sữa dê thành sữa người (bác sĩ J. Billioutte).

Không những sữa người là một món đồ ăn riêng biệt cho trẻ sơ sinh, giống như sữa bò là món đồ ăn riêng biệt của con bê, mà còn sữa của bà mẹ nào thì thuộc hẳn về đứa con ấy, và như vậy sữa mới đầy đủ công dụng của nó.

Ông BUDIN cho biết theo một bản thống kê thì ở thành phố

(1) *Thực ra khoa học không chịu thua vấn đề nào. Các nhà Bực học vẫn có thể có được thứ sữa người hóa học nhưng « bản-chất người trong sữa », — hiểu theo nghĩa tinh thần — thì không thể nào có nổi.*

Ba-Lê, vào tháng tám năm 1943, trong số các trẻ nhỏ đều chết yêu dưới một tuổi, số trẻ không bú sữa mẹ gấp 12 lần hơn lên... Ấy là còn chưa kể những trẻ em bệnh tật nhiều hơn mà không ghi vào bản thống kê khai tử ...

* NHỮNG ÍCH-LỢI KHI TRẺ BÚ SỮA MẸ

Điều trước tiên và rõ - rệt nhất là sữa mẹ hợp với tạng đứa con. Ta hãy xem thành phần của sữa :

Lấy 1.000 gam sữa người ra, ta thấy :

— nước 875 gam. Như vậy sữa người chứa 87,5% nước, đủ thích ứng với nhu cầu nước của trẻ sơ sinh, một nhu cầu tối quan-trọng mà chỉ hơi khác biệt đã sinh ra bao nhiêu bệnh tật.

— *protides* 14 gam, trong đó có một chất rất cần thiết cho trẻ là *lactalbumine* chất này cần cho cơ thể trẻ phát triển được điều-hòa.

— *lipides* 37 gam (chất dầu, chất mỡ) ở đây rất dễ tiêu-hóa (Giáo sư POSSOMPÈS)

— *glucides* 72 gam (chất đường, chất bột) Như vậy sữa người rất ngọt (72%). Chất đường trong sữa này gọi là *lactose* làm cho hoạt đường đại-tiện, tiêu-tiện trẻ không mắc chứng bón và đi tiểu nhiều hơn.

— khoáng chất 2 gam. Chất vôi và chất lân cần thiết đều có, với tỷ số là 1,5 là một tỷ số rất hợp với nhu cầu của trẻ. Trong sữa mẹ rất ít sắt (mỗi lít sữa chỉ có 5 mg) nhưng trẻ sơ sinh đã tích ở gan một số sắt đủ cho cơ-thể trong một thời gian.

— *vitamine* có rất nhiều. Sữa người chứa vi amin A, B1, B2, C, và ít hơn là vitamin D. Một đứa trẻ bú sữa mẹ thì không còn lo gì mắc bệnh thiếu sinh tố nữa (avitaminose). Ta cũng cần biết thêm là sữa nhiều, ít vitamin là tùy thuộc vào sự ăn, uống của người mẹ.

— *diastases* chất cốt yếu làm biến hóa đồ ăn, chất này đầy đủ trong sữa người, giúp cho sự tiêu hóa và hấp thụ đồ ăn dễ-dàng.

Như vậy ta thấy rằng :

Sữa người là một đồ ăn đầy-dủ, cân bằng, riêng biệt, hoàn-toàn thích hợp với tất cả nhu-cầu của trẻ sơ sinh.

Trẻ sơ sinh tiêu hóa sữa người dễ-dàng, nhanh chóng và hoàn toàn (90%)

Bao tử trẻ con chỉ trong một giờ rưỡi đến hai giờ sẽ đầy hết sữa xuống ruột. Trẻ bú sữa mẹ đi tiểu một ngày 3, 4 lần, phân vàng tươi và hơi nát.

Ngoài ích lợi về sữa mẹ hợp tạng con trẻ kể ở trên, ta thấy việc mẹ cho con bú còn nhiều tiện lợi khác.

— Trẻ bú sữa mẹ không những tránh được nhiều chứng bệnh do sự rối loạn bộ máy tiêu hóa, mà còn có phương tiện chống lại nhiều những chứng nhiễm trùng (Bác sĩ JEAN DAYRAS). Theo giáo sư y-khoa LEVESQUE, thì trẻ bú sữa mẹ còn có một vài phương tiện phòng ngừa những chứng bệnh thần kinh. Bác sĩ MORO cũng cho biết trong máu đứa trẻ bú sữa mẹ có nhiều tính-chất diệt vi-trùng (bactéricide) hơn là máu đứa trẻ bú sữa bò.

— Sữa mẹ cho con bú sạch-sẽ hơn, tươi mát hơn, và đỡ công phiền phức phải pha, chế, cân, đo, Lẽ dĩ nhiên, người mẹ cho con bú phải tuân theo một vài lời khuyên cần thiết (sẽ nói tới trong một kỳ gần đây).

— Về phương diện tinh thần, người mẹ kiêu hãnh cho con bú, bà kiêu hãnh hy sinh cho con mình thức mà người khác không thể có được. Tâm trạng này rất lợi cho tình mẫu tử, người mẹ nhận thấy thiên chức của mình và gây cho đứa trẻ một tình cảm thân mật, an ninh.

— Cho con bú người mẹ được lợi về phương diện thể chất. Bác sĩ BEN JAMIN SPOCK nói khi cho đứa trẻ bú, hệ thống các thớ thịt ở dạ con sẽ co lại mạnh hơn và dạ con chóng thu lại hình bình thường.

* NHỮNG NGOẠI LỆ

Sữa mẹ là món đồ ăn duy-nhất

cho trẻ sơ sinh, vì lẽ đó bất cứ đứa trẻ nào cũng cần và cũng phải được mẹ cho bú. Tuy nhiên, trong một vài trường hợp, người mẹ bị truất cái quyền thiêng liêng và nhân đạo này.

Đó là trường hợp người mẹ bị đau vú (1) (sưng vú, nứt vú) hoặc mắc bệnh nặng (lao, đau tim, giang mai di truyền, ung thư vú).

Một trường hợp khác bắt buộc người mẹ nghỉ cho con bú trong một thời kỳ là khi người mẹ mắc bệnh, muốn tránh cho con khỏi

(1) Có thể dùng cái tít-lait để lấy sữa.

lây, như bệnh yết hầu, thương hàn, ban đỏ, ho gà, sừng phổi v.v...

Những ngoại lệ trên chỉ là bất đắc dĩ. Xin các bà mẹ không nên vì những nét đẹp không đâu, không nên vì những lo ngại vẩn-vơ mà quên mất thiên chức của mình.

Cho con mình bú sữa mình, đó mới là tấm lòng sẵn sàng hy sinh của người mẹ đã chín tháng giờ mang nặng, và đã sinh hạ được đứa con trong bao nhiêu đau-dớn bấn khoăn ...



* NHỜ ĐẾN PHÁP LUẬT

Một ông nọ đứng ở một góc đường đã khá lâu và cổ ở bất mãn lắm. Một thám cảnh sát đi ngang qua. Ông ta đón lại, gãi gãi tai, nói :

— Xin thầy vui lòng ra lệnh cho tôi phát rời chỗ này đi. Vợ tôi nó chặn tôi đứng đây chờ nó đi mua đồ mà đã có hơn nửa tiếng đồng hồ rồi.

T.L.L.

* SAO TẤY ÔNG GAN QUÁ VẬY ?

Lần đầu tiên Xá-Xê đi xem xi-nê. Hôm ấy rạp chiếu một phim đại vĩ tuyến. Anh thấy những người kỳ mã giương như chạy lại ngay anh, mên bảo với những người ngồi gần :

— Né, né, kéo nó đập chết... Ủa, sao các ông gan quá vậy !



* GƯƠNG HY-SINH của TRẦN GIA-THOẠI

Tập thơ kể lại chuyện công chúa Huyền-Trần hy sinh một đời tài sắc để kết duyên cùng Chế Mân bên kia trời Chiêm Quốc. Tất cả những hoàn cảnh éo le, những phút giây cảm-động đều được thi-sĩ Trần-gia-Thoại diễn tả một cách duyên-dáng. Dày 78 trang — In trên giấy đẹp — Giá 20 đồng.

* PHƯƠNG-PHÁP LÀM VĂN NGHỊ LUẬN của THẨM THỆ HÀ.

(Sống-Mời xuất bản)

Tựa của ông NGUYỄN-VĂN-KIỆT (nguyên chánh Thanh Tra Trung Học Giảng sư trường Đại học Văn Khoa).

Một quyển sách biên soạn công phu, rất cần thiết cho học-sinh Đệ ngũ, Đệ tứ, Đệ tam, Đệ nhị, muốn tinh tường phương-pháp làm văn nghị luận, luân lý, văn chương.

Phần lý thuyết phong phú. Phần thực hành rành rẽ, trình bày đẹp. Giá 38 đồng.

* VƯƠNG VƯƠNG của TRỌNG THU

(Tủ sách Quân Phong Qui-nhơn xuất bản)

Thơ gồm 43 bài, in trên giấy Pelure, có hình của tác-giả, dày 64 trang — giá 40 đồng.

* KHÁT TÌNH của ĐOÀN NGỌC.

Tiểu thuyết tình cảm, hấp dẫn và cảm động. Dày 200 trang — 32 đồng.

* TRĂNG TREO ĐẦU SÚNG (Thơ) của TƯỜNG LINH

(Tủ sách «Văn nghệ Quân đội» xuất bản).

Ba chục bài thơ, một nguồn cảm hứng của đời sống binh sĩ.

In tại nhà in riêng của Nha Chiến tranh tâm lý, trên giấy Bianc fin rất đẹp. Không để giá bán.



★ CÔ PHƯƠNG THU

MÓN ĂN HUẾ

★ **CANH BÍ NGŨ**

VẬT LIỆU:

Một miếng bí ngô, một nắm đậu xanh, một muỗng ruốc (dánh lấy nước) hai mùi tỏi, một muỗng cà phê đường, muối (liệu nêm cho vừa ăn).

CÁCH LÀM:

Bí gọt sạch vỏ, cắt ra từng miếng nhỏ độ bằng hai lòng tay, rửa thật sạch, để cho ráo nước. Đậu xanh vớt thật sạch, bỏ vào soong, đổ nước vào nấu, lúc đậu vừa chín hãy bỏ bí vào. Nấu đến chừng bí chín mềm mới đổ nước ruốc, tỏi đập nhỏ, đường, muối vào. Nấu độ một chốc cho thật chín thấm vừa ăn, là được.

★ **MĂNG KHO VỚI CÁ**

VẬT LIỆU:

Cá đối (2 hay 3 con) một muỗng (thứ non) hai muỗng xúp nước mắm, một muỗng đường đen bằng hai lòng tay, muối, 1/2 muỗng tiêu và ớt bột, một muỗng xì dầu.

CÁCH LÀM:

Măng xắt ra từng lát mỏng, bỏ vào soong bắt lên bếp luộc chín, đổ nước xuống xả nước cho khỏi đắng.

Cá làm xong, mổ lấy mật, ruột, rửa sạch, cắt hai bỏ vào trách nêm nước mắm, muối, đường, ớt, tiêu, xì dầu rồi đổ một ít nước, bắt lên bếp kho một lúc cho cá thấm, lúc ấy mới lấy măng đã luộc rồi bỏ vào kho chung. Nhớ đậy vung lại cho kín, lửa diu diu, đừng để đổ lửa. Xem chừng nước còn ít và cá măng vàng thấm là được.

★ **THỊT KHO TÀU**

VẬT LIỆU:

Một miếng thịt heo (ba chỉ) một muỗng đường bằng hai củ hành, một củ hành, 2 muỗng nước mắm muối, tiêu, một muỗng xì dầu 2 muỗng nước màu.

CÁCH LÀM:

Thịt xắt ra từng miếng vuông vớt độ một lòng tay, trung qua nước sôi, rồi vớt ra bỏ vào soong lúc ấy mới gia hành (giã nhỏ), nước mắm, tiêu, muối, đường, xì dầu, nước màu, đổ nước hơi lút mặt thịt. Kho nhớ lấy lá đậy nắp soong lại, để lửa vừa diu diu, thịt mới để thấm đều. Bao giờ thấy thịt vàng thấm, mềm là được.



Truyện dài của Cô **VÂN-NGA**
(Tiếp theo P. T. số 20)

TÔI mỉm cười nhìn chàng, tin cậy. Chàng cũng vui vẻ cười với tôi, ánh mắt rạt rào tình ý thiết tha:

— Em Vân!

— Dạ.

— Em có vui được buổi tao ngộ ngày nay?

Tôi khe khẽ gật đầu. Trời ơi, nếu chàng hiểu lòng tôi hơn nữa. Cái tiếng vui của chàng không tả hết được nỗi hoan tràn ngập trong người tôi.

— Anh bị bắt, em có buồn không.— Chàng hỏi tiếp.

Tôi chớp mắt và không biết nước mắt từ đâu ứa ra tràn trề:

— Buồn như chết rồi vậy.

Thanh nhẹ nhàng đưa tay nắm lấy tay tôi. Tôi chực rút tay ra nhưng chàng đặt bàn tay nữa lên lưng tay tôi, cầm giữ lại:

— Bây giờ anh trở về để ở bên em, em nghĩ thế nào?

Tôi vội bảo chàng:

— Nhưng sao bảo là một anh phải về chợ?

— Về ít ngày rồi sẽ vào đây. Em không muốn anh đi ư?

Tôi lắc đầu. Chàng vuốt ve bàn tay tôi và ngọt ngào nói:

— Anh đi như vậy có ích lắm cho hạnh phúc mai sau của chúng mình em ạ. Một là anh phải gầy dựng lại cơ sở vừa bị phá hoại để em có thể hãnh diện rằng em đã có một người chồng không hèn, bại nữa là anh về thăm cha mẹ, thừa sự tình duyên đôi ta cho cha mẹ hay, để sớm cụ thể hóa vấn đề cho được danh chánh ngôn thuận, rồi đến khi thái bình chúng ta mới thành hôn với nhau mà tạo lập hạnh phúc gia đình.

Ý chàng hạp ý tôi. Tôi chỉ khẽ bảo chàng:

— Anh về rồi trở lại sớm..

Thanh buông tay tôi ra, vấn một điếu thuốc và đánh lửa lên đốt hút. Năm đó, đang trong thời chiến tranh, đá lửa không có bán trên thị trường, các hộp quẹt máy không xài đến, diêm

quẹt nhất định là không có rồi, người mình lại trở lại dùng lối lấy lửa của thời cổ xưa. Cộ hai cách lấy lửa mà người nghiên thuốc thường dùng : Cách thứ nhất là lấy lửa bằng ống thụt, theo lối ép hơi bột thành sức nóng cháy, mà các ông Sài Miên ở Hậu - giang hay các đồng bào Thượng ở sơn cước vẫn hay dùng. Cách thứ nhì là khê đá lấy lửa, và dụng cụ gồm vỏn vẹn một ống tre bằng đầu ngón chân cái đựng đầy men đứng đỉnh rất mau nhảy lửa, cùng một cục đá xanh và một thỏi sắt đẹp. Lấy sắt đánh đá tóe lửa văng vào men đứng đỉnh, người ta liền thổi phù-phù cho đóm lửa nọ cháy lan ra trong lòng ống tre và lửa ấy không bắt ngọn mà chỉ cháy ngùn thối. Dùng lửa ấy mới thuốc hay đốt đèn, nhóm bếp cũng đặng.

Thanh không quen lấy lửa bằng cách ấy, loay quay mãi mà ngọn lửa cứ bắn trật ra ngoài, tôi liền giơ tay ra bảo chàng :

— Anh đưa tôi.

Thanh đưa ống tre, thỏi sắt và cục đá cho tôi. Tôi lại đỡ nhẹ điếu thuốc đang ngậm trên môi chàng mà ngậm vào miệng. Chàng âu yếm nhìn tôi và hỏi :

— Em cũng biết hút thuốc ư ?
— Hồi nhỏ ba thường cho tôi

hút thuốc, người điếu lớn tôi điếu nhỏ, nhưng về sau này, mỗi khi người hút thuốc thì tôi mới thuốc cho người... Giờ đây, tôi lại mời thuốc cho anh.

— Và suốt đời, em chỉ mời thuốc cho hai người đàn ông thân yêu như đời?... Nhưng này em ạ, em có n ân thấy... cái tiếng tôi mà em xưng với anh nó làm sao ấy...

— Nó làm sao ?

— Không có gì êm dịu và âu yếm chút nào hết.

— Vậy phải hô bằng gì ?

— Bằng em,..

— Kỳ quá !.. Người ta nghe người ta cười chết...

— Việc gì mà cười, ở tỉnh xưng hô như vậy là thường... Nhé em, em xưng em với anh đi nhé..

— Không quen miệng, thấy làm sao ấy... sợ người ta cho lảng lơ...

— Nhưng tại mình nói chuyện riêng, ai rình nghe làm gì ?

Tôi đánh lửa, đốt thuốc cho Thanh. Chàng hít dài một hơi, dìm dìm mắt lại và bảo :

— Đời anh, chưa bao giờ anh được hút một điếu thuốc ngon và ngọt lịm cả cuống họng như điếu này. Nó không còn là lớn điếu thuốc nữa mà chính là vành môi của em..

— Nhưng thỉnh thoảng, tôi...

— Hừ, đã dặn rồi mà...

— À, thì.. em !... Em cũng hay mời thuốc cho anh Ba...

— Vậy thì từ nay về sau, anh xin em một điều là đừng mời thuốc cho ai nữa hết, dù cho là anh Ba... Em dành riêng cái chất ngọt nơi môi của em cho một mình anh mà thôi.. Có bằng lòng như vậy không ?

Tôi tủm tủm cười, lòng sung sướng cực độ :

— Bằng lòng !.. Anh muốn gì.. em cũng bằng lòng hết.

Thanh nhìn ra ngoài sân và bảo tôi :

— Chúng mình ra ngoài kia mát hơn, em nhé.

Tôi đứng lên, theo chàng. Bóng chàng và bóng tôi, dưới ánh trăng, như sát vào nhau. Thanh đưa tay vịn lấy vai tôi và đưa về đầu cầu. Lòng rạch nhỏ lặng lẽ chảy ngang nhà, chỗ trong sáng, chỗ tối mù bóng lá, in như giòng đời của tôi vừa trải qua, lúc buồn lúc vui, khi bỉ khi thời...

Chúng tôi ngồi xuống băng ghế cây, không ai nói gì mà tâm hồn thấy êm dịu như đã cùng nhau nói cho nghe hết cả cuộc đời. Tiếng gió ri-rào trong lá, tiếng nước chảy êm-êm dưới mạn cầu như cùng hòa chung một điệu nhịp nhàng

của đôi tim non thồn thức ái tình...

— Em Vân !

— Dạ !

— Em có lạnh ?

Tôi thuở giờ chưa hề biết lạnh, những khuya mùa gió bắc vẫn thổi nước lạnh tắm âm ỉm, thế nhưng không biết vì sao, qua câu hỏi của chàng, tôi bỗng thấy đang cần một sự ấm áp.

— Em ngồi xích lại... xích lại nữa đi em cho hơi ấm chúng ta hòa lại với nhau, hơi thở chúng ta lẫn lộn cùng nhau và mạch sống trong người chúng ta kết hợp làm một.

— Và chúng ta sẽ không bao giờ xa nhau, không bao giờ rời khỏi nhau.

Thanh hôn trên tóc tôi và nói tiếp :

— Không có gì làm chúng ta xa nhau được, dù là thời gian hay nghịch cảnh...

Sương khuya rơi đọng trên cành lá. Chúng tôi ngồi bên nhau không biết lâu đến bao giờ, và khi trăng tà khuất bóng thì tôi thấy rằng tôi đã ngã đầu vào vai chàng tự lúc nào không biết.

Những ngón tay tôi lồng vào kẽ ngón tay của chàng, nơi bàn tay khỏe mạnh kia tôi cảm thấy một sức che chở vững vàng. Tôi thỏ thẻ cùng chàng :

— Làm sao chúng mình được như thế này mãi mãi.

Tôi liên nghĩ đến thời cuộc rối ren, gia đình chàng chưa hay biết chi đến mối tình của chúng tôi, và trên con đường diệu vợ để cùng nhau sống vai đi đến hạnh phúc gia đình, chúng tôi còn bao nhiêu giai đoạn cam go phải trải qua?

Ảnh bình minh ửng-ửng nơi chân trời. Vòm tối bao la lấp lánh những hạt ngọc sao, đã trở thành màu bàn bạc. Cảnh vật từ từ nhô ra khỏi chỗ tối tăm, hiện mờ mờ sau một bức màn sương loảng, nhẹ như « tuyền ». Chim chích riu rít một giọng thiết tha trên cành Những nhánh lá non, mượt màu ngọc thạch, chiếu đọng những hạt sương trong suốt lóng lánh như những viên ngọc tuyệt đẹp.

Tôi cảm thấy đời thơ mộng và tốt đẹp quá như mối tình vừa nở trong tôi. Nhưng nó đẹp vì là tôi nghĩ, hay vẫn đẹp thật. Và những gì tốt đẹp ở đời, có tồn tại mãi mãi, không như những hạt ngọc sương sẽ tiêu tan đi hết dưới ánh nắng chiều dương?..

Sau buổi cơm sáng, các anh bạn của Thanh cùng với mấy em trai tôi lấy xuống đi chơi xóm. Ở nhà chỉ còn có tôi và Thanh. Chàng ngồi nhìn tôi và chiếc áo

rách vai của chàng, giầy lêu lười bảo:

— Thấy em ngồi may vá, anh nhớ đến má. Từ lâu lắm rồi, vào mùa tựu trường, má hằng thức khuya kiểm điểm lại rương tráp của các anh em anh trước đêm ra xe lên Sài thành nhập học. Má bỏ vào mỗi rương của các anh một ống thiết có đủ kim chỉ cùng nút áo, vì người sợ ở ký túc xá không ai khâu vá cho các anh. Người dạy các anh biết kết nút, biết đánh khuy biết vá áo, và hơn nữa, biết nấu nướng chút đỉnh.

— Má kỹ quá nhỉ!

— Má thường nói: « đàn ông cái gì cũng phải biết tới, như vậy mới dạy vợ được ». Má thường bắt các anh xuống bếp để trông xem việc nấu nướng. Nhờ vậy, khi ở Hà nội, chính các anh đi chợ và chỉ bảo cho bếp làm những món ăn Miền Nam. Nhất là món giò heo bắc thảo, má dạy kỹ lắm: « các cậu nhớ lấy đề sau có vợ thì dạy cho nó làm lấy mà ăn »...

Tôi mỉm cười.

— Bây giờ anh có thể dạy lại em được không?

— Ừ... ừ... còn nhớ... chút đỉnh...

— Nói chơi vậy chứ em cũng biết làm món ấy...

— Thiết không?

— Muốn ăn thì bữa nào em làm cho ăn.

— Vậy thì má anh chắc mừng lắm khi biết em. Người thường bảo các anh: khi lấy vợ thì đừng ham vợ giàu và cần phải chọn người đảm đang, giỏi giang... À, mà em có biết làm cơm rượu nữa không?

Tôi chỉ mỉm cười chưa kịp đáp, Thanh đã bảo thêm:

— Ba ưa ăn cơm rượu, và cũng thích món ấy nữa...

— Anh hỏi một cô gái quê có biết làm cơm rượu hay không, chẳng khác nào anh hỏi dưới sông có cá chăng vậy.

— Thiết vậy sao? Đề chừng nào anh trở vô, em làm cho anh ăn nhé.

— Gì mà dữ vậy không? Muốn làm lúc nào lại không được, cần gì phải nhịn thêm đến lúc ấy lặn. Đề em làm ngay bây giờ, vào trong một thố lớn để anh đem về uống, ba bữa là ăn được...

Tôi bảo chị ở vo nếp, nấu ngay một nồi cơm nếp. Cơm chín rồi, tôi lấy men tốt cả nhuyển ra trộn vào, vắt thành từng viên nhỏ nhỏ, xếp thứ tự trong một chiếc thố to. Thanh lần quần bên tôi, nhìn hai cườm tay tôi và bảo:

— Tay em thật trắng tiệp với màu trắng của nếp... chắc là cơm rượu phải ngon lắm. Thuở nay, anh tưởng chỉ có những người bán cơm rượu mới làm được cơm rượu ngon mà thôi. Té ra thật là dẫn dụ.

— Còn một cách làm khác nữa là cơm rượu trứng.

— Cơm rượu trứng?...

— Phải, với cơm nếp không cần trộn men mà nó vẫn ngọt và say. Khi làm nó, người ta để thứ cơm nếp trộn men riêng và thứ không trộn men riêng. Mỗi tay người ta vắt thành viên mỗi thứ, không cho lộn xộn, và phải nói làm bằm trong miệng: « Mây ngọt tao ngọt. Mây có nước, tao có nước ». Như vậy rồi để hai thố riêng nhau, đến ba bữa thì cùng thành cơm rượu cả.

— Ngộ quá hé. Đầu em làm thử xem.

— Bây giờ sao?

— Ừ, bây giờ.

— Không được.

— Sao vậy?

Tôi mỉm cười:

— Không tính trí làm không được. Tay vắt viên cơm nếp mà trí em cứ nghĩ: chừng nào anh về, chừng nào anh lại... thì hỏng to!

(Còn nữa)



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

* DIỆU-HUYỀN và BẠCH-YẾN

* Ông Tạ gia — Kiền hòa:

Thành thực cảm ơn những lời ông quá khen tặng, và xin đáp mấy câu ông hỏi:

— *Tôi-bởi* có hai nghĩa: 10/ rách tả tôi, 20/ bay tản mát. (Lá rụng tôi bởi)

— Về bài thơ ông nói đó, chúng tôi sẽ hỏi lại bà Cao ngọc Anh rồi sẽ xin trả lời sau.

* Bạn Mai-Danh — nhóm văn đoàn Trường giang.

Chúng tôi đồng ý với ông rằng AN với ANG vẫn với nhau được lắm. ANG vẫn được với ƯƠNG, AN vẫn được với ƠN, (là những âm thanh khác nhau), thì không có lý do gì AN với ANG gần cùng âm thanh lại không vẫn với nhau được.

* Bạn Nguyễn văn Em — Quốc học — Huế.

Chưa đến tuổi trưởng thành mà muốn đổi tên phải do cha mẹ làm đơn lên tòa xin đổi mới được. Đã lớn tuổi, muốn đổi tên cũng phải làm đơn lên tòa xin đổi mới hợp lệ. Nếu tự ý đổi, sẽ gặp nhiều việc rắc rối về mặt pháp luật.

* Bạn Hoa Ngô Đồng — Quảng Nam.

10/ SAINT EXUPERY là Văn sĩ nhiều hơn là Thi sĩ. Ông sống cuộc đời mãnh liệt trong không quân Pháp và thiết tha với tình đồng loại. Sống về triết lý nhân sinh nhiều hơn là mơ mộng, ông rất thích mạo hiểm và không ưa phụ nữ.

20/ Vua Quang Trung chết vì bị bệnh chứ không phải bị đầu độc. Giả thuyết của Nguyễn Bách Khoa không căn cứ trên sự kiện lịch sử nào cả.

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

37 Theo thiên ý của chúng tôi thì người Việt-nam không có lý do gì thờ QUAN CÔNG cả. Đó là một tập quán nô lệ theo Tàu, hoàn toàn vô ý thức.

* Trung Ủy Lê quang Sinh — k.b.e 4375

Cái chết bi thảm của MARCONI là hậu quả của sự ăn năn của lương tâm công giáo và lương tâm khoa học. Giáo hoàng PIE XI cũng đã thông cảm nỗi niềm đau xót tinh thần của một người chỉ muốn đem thông minh phục vụ cho tiến bộ của loài người, chứ không muốn nhúng tay vào cuộc tàn sát, dù là gián tiếp, của muôn vạn sinh linh.

* Bạn Mạc Tuyết Lan — Cần thơ — hỏi:

1) ANDRÉ MALRAUX hiện giờ có phải là thư ký của De Gaulle không?

2) Đệ-tứ và đệ-tam Cộng Sản là thế nào. Các cuộc cách mạng nào và do ai lãnh đạo các cuộc cách mạng khai sinh ra hai thứ cộng sản trên.

3) André Breton, người nước nào? sanh năm nào? vào thời kỳ nào? có phải Breton là nhà lãnh đạo nhóm siêu thực? Chủ trương của ông ấy.

4) Phương pháp tự học đề tìm hiểu văn chương và triết học của ông Nguyễn Vũ là thế nào?

5) Ông Nguyễn Vũ có theo phe Trotskyste với Trương Tửu không?

Đáp: 10/ ANDRÉ MALRAUX là một cố vấn của De Gaulle, và nguyên là Tổng Bí Thư của Rassemblement du Peuple Français. Hồi 1925 ông có ở Sài Gòn, năm 1926 ở Thượng Hải, có dự cuộc cách-mạng Trung Hoa. Các tác phẩm của ông đều hướng về lý tưởng tranh đấu, chủ trương anh hùng tình, quan niệm người đời phải có khí phách can cường.

20/ ĐỆ TAM QUỐC TẾ (IIIe Internationale) là Công sản theo chủ trương của LÉNINE, STALINE. ĐỆ TƯ QUỐC TẾ (IVe Internationale) là Cộng sản theo chủ trương của TROSTKY. TROSTKY trước khi làm chính trị chính là một ký giả. Ở Việt Nam, theo phe Trotsky, là Phan văn Hùm, Tạ thu Thâu... Phe này là phe đối lập với phe đệ tam, của Trần văn Giàu, Nguyễn văn Tạo v.v...

30/ ANDRÉ BRETON, nhà văn Pháp, sinh năm 1896, sáng lập phái *siêu thực*. Năm 1924 công bố bản phi-lô của siêu thực (*manifeste du Surréalisme*) Năm 1921, đã cộng tác với Philippe Soupault viết tác phẩm siêu thực đầu tiên: *les champs magnétiques*.

Lý thuyết: Siêu thực trong văn chương Pháp, chủ trương diễn đạt tư tưởng cụ thể (*le fonctionnement réel de la pensée*) gạt bỏ hết các ảnh hưởng của lý trí, luân lý, nghệ thuật (*dégagée de toute préoccupation logique, esthétique ou morale*). Nói tóm lại, tất cả những cái gì nảy ra trong ý nghĩ, trong tư tưởng, đều được ghi chép xác thực, trước khi suy nghiệm, đắn đo, uốn nắn. Lột trần tư tưởng ra, không e dè, không câu nệ, không sáo ngữ, không văn hoa. Đưa « tư - tưởng thực tế » ấy (*pensee réelle*) lên trên mức độ cao siêu của nó, vượt hẳn lên trên các nhận định về lý luận, luân lý, lên trên cả nghệ thuật nữa.

4) Phương pháp tự học duy nhất và có kết quả tốt đẹp chắc chắn, là đọc rất nhiều sách ngoại ngữ về tất cả những môn học mà mình thích. Cần phải có căn bản văn hóa tổng quát khá vững, thì đọc các sách ấy mới thấu triệt các ý nghĩa và các vấn đề, nhất là về văn học, triết học, và khoa học.

5) N. V. không theo phe Trostkysme với TRUÔNG - TỬU. Chiếu - bài chính trị của ông lúc bấy giờ là « quốc gia độc lập, chống phát xít, chống độc tài » Hồ - sơ của N.V. trong sở Mật - thám Pháp cũng ghi như vậy.

✱ **Bạn Tiên Huỳnh — Tam kỳ — Trung Việt**

Nếu không có lý do gì chính đáng, thì bạn không thể trả lại cho hiệu sách ấy một quyển sách mà bạn đã mua rồi.

✱ **Bạn Thiên Lý — Mỹ Tho.**

Nước THỦY TRIỀU lên hay xuống là do sức hút của Mặt Trăng và Mặt Trời (Mặt Trăng hút nhiều hơn mặt Trời). Chúng tôi sẽ có một bài riêng đề-cập đến hiện-tượng này.

✱ **Ông Minh Tiến — Nha - trang**

1) — CAO-BÁ-QUÁT không phải là « giặc », ông là nhà Văn, nhà Thơ, và cũng là nhà ái quốc cách mạng. Nhà ái quốc cách mạng, sao gọi là « giặc » được ?

2) — Chúng tôi không được biết rõ về ông Vita.

✱ **Bạn Trịnh Thị Phương — Sài-gòn**

Chuyện « THẠCH SANH » là một chuyện cổ tích Việt - Nam nhưng nguồn gốc chuyện ấy có thể là của Cao Miên, vì Cao Miên cũng có một chuyện giống như chuyện Thạch-Sanh, nhưng không có gì chứng minh xác thực. Nhiều chuyện cổ tích khác của ta cũng lấy tên của Chàm, của Miên hoặc của Tàu.

✱ **Cô Diễm Trang — Saigon**

Vâng, loạt bài « VĂN CHƯƠNG VÀ TƯ TƯỞNG VIỆT-NAM » hiện đăng trong P.T. từ mấy số này là một quyển Văn-học-sử. Nó là một bộ, gồm có 3 quyển. Không thể xuất bản được trong lúc này vì nó dày quá, đến 750 trang viết cho nên cho đăng lần trong P.T. Sẽ xuất bản trọn bộ khi nào có điều kiện thuận tiện.

✱ **Bạn Phạm Công Thiện — Định Tường**

Tập thơ HOANG VU của N. V chưa xuất bản được trong lúc này vì một vài lý do ngoài ý muốn của tác giả. Có lẽ đến mùa Thu sang năm nó sẽ có thể ra đời được chăng? Rất tiếc không có bạn hôm cùng thôi-nói cho PHỔ THÔNG.

✱ **Ông Thạch Kim Sơn — Vinh Bình.**

Chỉ có một số nhà văn Việt Nam (bất chước theo Tàu) là để bút hiệu riêng, hoặc cả tên cả bút hiệu, chứ ở các nước khác nhà văn hay nhà thơ đều để tên thực: (Victor Hugo, Georges Duhamel, Anna de Noailles, Françoise Sagan v.v...) Trừ ra khi nào họ đặt hẳn một tên riêng thế cho tên khai sinh, nhưng đó không phải là bút hiệu, mà là tên chính-thức, như George Sand, Molière v.v...

✱ **Bà Ái Lan — Phan Rang**

Ý nghĩ bày ra TEM BƯU ĐIỆN đầu tiên trên thế giới là do De Velay, một người Pháp, ông này được mở một nhà bưu điện nhỏ đầu tiên ở Paris năm 1653. Lúc bấy giờ thư phải dán một miếng giấy thuế. Mãi đến năm 1840 bên Anh Quốc mới đặt ra loại tem theo như hình thức hiện giờ, và do sáng kiến của ROWLAND HILL và JAMES CHALMERS

✱ **Bạn Võ-duy-Đúng, Nha-Trang.**

1) HITLER đã chết ngày 1-5-1945, tại Bertesgaden, tổng-hành-dinh của ông. Ông sinh năm 1889 tại Braunau (Áo). Ông chính-thức làm hôn-lễ với người yêu của ông là Eva Braun trước hôm ông tự-tử. Theo sách « *Les derniers jours de Hitler* » của Trevor Roper xuất bản ở Paris thì số tử-vi của Hitler có nói rõ: « Hitler sẽ

vật lên cao chất-ngất, rồi té nhào xuống, chết một cách đột-ngột và ghê-gớm». Có một quyển sách khác, «*je sais que Hitler est vivant*» của Ladisla Szabo, quả quyết rằng Hitler còn sống và trốn ở Mexique nhưng đó là một câu chuyện vô căn-cứ, do tác-giả đặt láo để bán sách cho chạy.

Đại-tướng Eishenower, hiện là Tổng-Thống Mỹ, có tuyên-bố, «Tôi có đủ chứng cứ để tin rằng Hitler còn sống», nhưng đó là câu nói đùa với một nhà báo Nga.

2) Tổng-Thống Mỹ ABRAHAM LINCOLN, Sinh năm 1809 ở Kentucky, chết năm 1865 ở Washington. Người ám-sát ông tên là J.W. Booth, bắn ông một phát súng lục, và reo lên: «Miền Nam đã được trả thù!».

★ Ô. Hoàng-Sơn — K.B.C. 3091.

Theo sự cặn xét của chúng tôi thì tôn-giáo có một phần phần khoa-học (phần thần thánh hóa), nhưng có một phần giáo-dục (là phần triết lý và luân-lý).

★ Em Văn-Hà — Nhatrang

1.— *Nguyễn* Hiệu trưởng trường X,... Chữ *Nguyễn* có nghĩa «vốn là» trước kia: (trước kia là hiệu trưởng trường X...)

2.— XỬ LÝ THƯỜNG VỤ: trông nom, điều khiển các việc thường trực (Chargé de l'expédition des Affaires courantes)

3.— Lúc mới thành lập, LIÊN HIỆP QUỐC (O N U) đặt trụ sở tạm ở Lake Success, rồi sau trụ sở chính thức được đặt vĩnh viễn tại New York. Trụ sở chi nhánh ở Âu Châu đặt tại Genève.

★ Ông Minh Tri — k. b. c : 4430

«NGHỆ THUẬT VỊ NHÂN SINH» là nghệ thuật ấy phải phục vụ cho đời sống của nhân loại. Còn «nghệ thuật vị nghệ-thuật» là nghệ thuật thuần túy, chỉ chú trọng đến thẩm mỹ của nghệ thuật mà thôi.

★ Bà Đoàn thị Hiếu — Tân Định

Quyền tiêu thuyết đăng quảng cáo ở trang 139, Phổ-Thông số 22, không phải do tạp chí Phổ-Thông xuất bản. Đó là cái quảng cáo do tác giả mượn đăng.

TRẢ LỜI NGÀY THĂNG AM
VÀ DƯƠNG LỊCH

★ Ông Trần vũ Cầu — Quảng Ngãi

Ngày 2-11-1931, thứ Hai, nhằm ngày 23 tháng 9 năm Tân Vị, tháng Mậu Tuất, ngày Tân Dậu.

★ Ông Anh Bửu — Phan Thiết.

Ngày 24 tháng Giêng năm Tân Vị là ngày Bình Dần, tháng Canh Dần năm ấy.

★ Ông Lê hoài Hương — Phú Nhuận.

Ngày 2-11-1925 = 16-9 âm lịch năm Ất Sửu, tháng Bình Tuất, ngày Canh Dần.

★ Một bạn đọc ở Huế.

Ngày 17-6-1945 = mùng 8 tháng 5 âm lịch năm Ất Dậu, tháng Nhâm Ngọ, ngày Đinh Tỵ.

★ Ông Phong-Thái — Huế.

— Ngày 19-8 âm lịch năm Tân Tỵ = Mardi 11-10-1881

— 28-1 năm Quý Sửu = Mercredi 5-3-1913

— 5-2 năm Ất Mão = Samedi 20-3-1915

— 29-3 năm Ất Sửu = Mardi 21-4-1925

— 24-11 năm Ất Sửu = Dimanche 21-12-1913.

— 15-12 năm Tân Tỵ = Samedi 31-1-1942

— 4-5 năm Giáp Thân = Samedi 24-6-1944

— 24--4 năm Đinh Hợi = Jeudi 12-6-1947

— 3-3 năm Tân Mão = Dimanche 8-4-1951

— 14-5 năm Giáp Ngọ = Lundi 14-5-1954

★ Ông Nguyễn Lộ — Phước Tuy — Bà Rịa

— Ngày 2-12-1923 tức âm lịch ngày Kỷ Dậu, tháng Quý Hợi, năm Quý Hợi.

— 19-10 năm Nhâm Tuất = Jeudi 7-12-1922

— 4-4 năm Ất Sửu = Lundi 25-5-1925

Trong năm Ất Sửu (1925) có tháng tư nhuận, từ 22-5-1925 đến 20-6-1925.

★ Cửa một độc-giả không đề tên và địa chỉ.

Ngày 20-7-1954 là ngày 21-6 âm lịch năm Giáp Ngọ. tháng Tân Vị, ngày Đinh-Sửu.

★ Ông Thái-đức-Duy — Giáo viên Tam Kỳ — Quảng-nam

— Ngày 5-9 âm-lịch năm Quý-Dậu nhằm ngày Nhâm-Tuất, tháng nhâm Tuất, (23-10-1933 D.L)

— Năm Ất-Vị (1955) nhuận tháng 3, chứ không phải là ngày 2 tháng 2 như ông đã nói. Nếu 9 tháng 2 thì là ngày Quý-Sửu tháng Kỷ Mão nhằm ngày 2-3-1955 (dl), và nếu lại là tháng 3 chính thì là ngày Nhâm Thìn, tháng Canh-Thìn nhằm 1-4-1955.

23-10-1933 là thứ hai.

1-4-1955, ngày thứ ba.

★ Ông Trần-văn-Trí — k.b.c. 6.085.

— Ngày 13-3 âm lịch năm Giáp Thân nhằm ngày Thứ tư 5-4-1944

— Ngày 1 tháng giêng âm lịch năm Kỷ mao là ngày Đinh Hợi, tháng Bính dần và ngày 12-4 là ngày Đinh mao, tháng Kỷ ty năm ấy.

★ Ông Lý thanh Bình — Mạc đình Chi — Saigon

— Ngày 23-8-1956 = 18-7 âm lịch năm Bính Thân

— 21-5-1952 = 28-4 âm lịch năm Nhâm Thìn

— 5-8-1950 = 22-6 âm lịch năm Canh Dần

— 10-1-1954 = 6-12 âm lịch năm Quý Ty

— 11-8-1957 = 6-7 âm lịch năm Đinh Dậu

— 28-2-1949 = 1-2 âm lịch năm Kỷ Sửu

— 25-3-1951 = 18-2 âm lịch năm Tân mao

— 31-12-1952 = 15-11 âm lịch năm Nhâm Thìn

— 15-7-1955 = 26-5 âm lịch năm Ất Vị

— 24-9-1956 = 20-8 âm lịch năm Bính Thân

Nên đọc và cổ động cho Tạp-chí

Văn-Hóa Nguyệt-San

Cơ-quan Nghiên-cứu và Phổ-thông

Văn-hóa Việt-Nam và Văn-hóa Đông Tây

của bộ Giáo-Dục

Đã phát hành

VĂN.HÓA NGUYỆT.SAN số 44

Với nội-dung phong-phú, gồm nhiều bài vở chọn lọc, vui lạ và bổ-ích của những cây bút có giá trị.

Tạp-chí dày 180 trang, giá 12\$, có bán lẻ khắp các hiệu sách lớn tại Thủ-Đô, các tỉnh và nhà sách Thống-Nhất. Tổng-phát-hành — 329, Đường Trần-hưng-Đạo, Saigon.

NGÀY MỚI

Bắt đầu từ số 8

Phát-hành ngày 19-11-59

- Thay đổi khuôn - khổ : 24x32
40 trang.
- Nhiều tranh - ảnh Thời sự
Quốc Tế
- Nhiều Nhà Văn và Họa - sĩ danh
tiếng hợp tác.
- NGÀY MỚI luôn luôn vẫn là :

TUẦN BÁO MỚI NHẬT

ở Việt-nam

Giá bán : 6\$

★
**BẠN NHỚ ĐỀ DÀNH ĐỦ BỘ, KÈO
SAU MUA LẠI KHÔNG CÒN.**

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
 NHÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
 KIẾN-THIỆT VÀ THIẾT-KẾ
 ĐÔ-THỊ

THÔNG-CÁO

Trực-thuộc Phủ Tổng-Thống

Sở Xổ-Số Kiến-Thiết

Sở Xổ Số Kiến-Thiết trên trong thông cáo

Bắt đầu từ tháng giêng năm 1959 xổ.số Kiến-thiết sẽ phát hành mỗi tuần một loại ghi theo số A, B, C, D, v.v... trong tháng. Mỗi loại 1.000.000 vé đánh số từ 000.000 đến 999.999 và nhất định mở vào ngày : THỨ SÁU HÀNG TUẦN.

CÁCH PHÂN PHỐI CÁC LÔ TRÚNG :

1	lô Độc.Đặc trúng	1.000 000\$
5	lô trúng	100.000\$
5	—	50.000\$
60	—	10.000\$
200	—	5.000\$
1.000	—	1.000\$
1.000	—	500\$
10.000	—	100\$
55	lô an ủi	2.000\$

Tổng cộng : 12.326 lô trúng.

Saigon ngày 26 tháng 9 năm 1958

Sở Xổ-Số KIẾN-THIỆT

K. Đ. số : 418/HĐKD — Saigon, ngày 10-11-1959
 in tại nhà in TẤN-PHÁT — 293 Gia-Long — Saigon

Phồ-Thông kỳ tới, Số 25

ra ngày 15-12-59 sẽ là
 SỐ ĐẶC-BIỆT

NOËL



PHỒ-THÔNG là một tạp-chí văn-hóa thuần-túy, cho nên không có chia rẽ về Tôn-giáo.

Độc giả của Phồ-Thông hiện nay có gần 20.000, người theo Phật giáo, kẻ theo Công-giáo, hoặc Tin-Lành, Cơ-Đốc Phục-Lâm, Bà-la-môn, Hồi-giáo, ở trong nước và ở Hải-ngoại.

Đối với Phồ-Thông, tất cả các Tôn-giáo đều là những yếu-tố văn-hóa, những yếu-tố thực-tế, cụ thể, góp phần xây dựng xã hội loài người, và duy-trì Tự-do tư-tưởng và tự-do tín-ngưỡng. Cho nên PHỒ-THÔNG sẽ ra SỐ ĐẶC BIỆT NOEL để chào mừng các bạn đọc Công giáo trong dịp lễ Giáng-sinh của Đấng Jésus Christ, và đến ngày 8 tháng 4 âm-lịch chúng tôi cũng sẽ phát-hành SỐ ĐẶC BIỆT PHẬT-ĐẢN, để liên hoan cùng các bạn đọc Phật tử trong ngày Đản-siuh ĐỨC THÍCH-CA MÀU-NI.

Đó là những dịp để toàn thể bạn đọc tìm hiểu thêm chút ít về các Tôn-giáo, tuy nói riêng biệt là Đạo của Chúa, hay Đạo của Phật, nhưng trên địa-hạt văn-hóa rộng lớn, vô-tư, đều là Đạo của Người.

PHỒ-THÔNG.